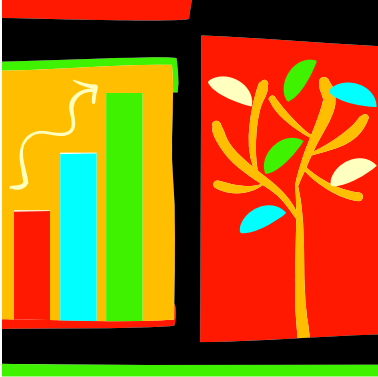


Nguyễn Trọng Khanh

Thành Cát Tư Hãn



Tựa

Suốt bao thế kỉ nay cả thế giới đều coi Thành-Cát-Tư-Hãn như là một đại họa giáng xuống nhân loại. Cuộc đời của ông là một hình ảnh thu gọn lại mười hai thế kỷ mà dân du mục miền đồng cỏ đã tràn ra bốn phương tàn phá các dân tộc định cư có nền văn minh vững chãi.

Trước ông không có nhà chinh phục nào gây được uy vũ làm kinh hoàng cả thiên hạ, đến nỗi khi dân Âu Châu nghe đến tên Thành-Cát-Tư-Hãn đều hãi hùng cho là “ngày tận thế đã tới rồi!”. Ông áp dụng triệt để lối khủng bố để cai trị và thẳng tay tàn sát để ngăn ngừa những cuộc quật khởi chống đối. Những gì mà Âu Châu đã lên án Attila và Ấn Độ đã lên án Mihirakonia thật chẳng thấm vào đâu so với những cuộc tàn phá của Thành-Cát-Tư-Hãn ở những nước bại trận như Trung Quốc, Đại Hài...

Nhưng các sử gia gần đây khi nghiên cứu tỉ mỉ cuộc đời của Thành-Cát-Tư-Hãn đều nhận thấy rằng tính tàn bạo của ông là do hoàn cảnh sống gay go khốc liệt ở miền đồng cỏ hoang mà ra - một thứ

tàn bạo của thiên nhiên - khác hẳn với Tamerlan (nhà chinh phục này phải chịu trách nhiệm về hành động của mình vì vốn sinh trưởng trong thế giới văn minh). Trong khuôn khổ lối sống, hoàn cảnh đất đai và chủng tộc của ông, Thành-Cát-Tur-Hãn, dưới con mắt các sử gia, là một nhân vật có tâm hồn bình thản, có lương tri vững chắc, rất mực điều độ, biết nghe lời phải, biết giữ tín nghĩa với bạn bè, thật rộng lượng và giàu tình cảm dù lắm khi rất nghiêm khắc, và ông thật sự có những đức tính căn bản của một nhà lãnh đạo. Dĩ nhiên ta phải hiểu theo nghĩa lãnh đạo các dân tộc du mục, chứ không phải dân định cư. Trong khuôn khổ ấy, ông đã tỏ ra là người được thiên phú cái biệt tài lập trật tự và giới trị dân. Bên cạnh cái tính tàn bạo đến khủng khiếp, người ta thấy ông có một khía cạnh cao thượng, quý phái không thể phủ nhận được. Một trong những nét nổi bật nhất là tính khinh ghét tội độ những kẻ phản bội. Tất cả những kẻ làm tướng rằng phản bội chủ cũ sẽ được tín nhiệm nơi ông đều bị giết phăng đi không chừa người nào. Trái lại sau một trận chiến thắng, ông thường ban thưởng trọng hậu, hoặc thu dụng dưới trướng những kẻ tỏ ra kiên trung với chủ trước của họ. Một kẻ yếu một khi đã đặt mình dưới sự che chở của ông, đều được bảo vệ đến cùng và được ông lưu tâm giúp đỡ suốt đời, không có gì làm lay chuyển nổi lời hứa hẹn của ông đã thốt ra.

Về mặt chính trị, Thành-Cát-Tur-Hãn không phải là một nhà lãnh đạo đã đại dật ngỗ anh mặt trước những kinh nghiệm quý báu của các dân tộc văn minh. Trong số những cận thần của ông người ta thấy có nhiều cố vấn ngoại quốc như Tatatonga người Thổ phồn, Mahmoud Yalawatch người Hồi, Chu Thai người Khiết Đan... và nhờ biết nghe

lời phải của các cố vấn ấy mà guồng máy cai trị của ông tiến dần đến chỗ biết dùng văn tự, biết lập thuế má và giảm bớt những cuộc đàn áp man rợ.

Về mặt quân sự, người ta đã bình luận rất nhiều về chiến lược, chiến thuật của Thành-Cát-Tư-Hãn. Có người đã sánh với chiến lược của Frédéric II, hoặc của Nã-Phá-Luân. Và gần đây cố Đại tướng Mac Arthur của Hoa Kỳ đã xác nhận thêm: “Tất cả những nguyên tắc về chiến lược của Thành-Cát-Tư-Hãn ở thời nào cũng là một kho tàng vô cùng quý giá cho các binh gia. Không có binh thư chiến sách nào rõ ràng sáng sủa hơn những trang chiến sử của Thành-Cát-Tư-Hãn”.

Nhưng không phải chỉ vì cuộc đời ngoại hạng của vị chúa Mông Cổ ấy mà chúng tôi cho xuất bản quyển chiến sử này. Lẽ chính yếu là xưa kia dân tộc chúng ta đã từng chịu đựng đại họa Mông Cổ, đã từng tạo một cuộc chiến tranh gay go, khốc liệt để đập tan tham vọng đế quốc của họ, thì ngày nay khi lần dở những trang sử đậm màu son ấy, tưởng chúng ta cần phải biết rõ lực lượng của kẻ xâm lăng hùng mạnh đến mức nào? Dù rằng đến thời HỐT-TẮT-LIỆT, cách tổ chức quân đội và khí thế của Mông Cổ đã sút kém hơn thời Thành-Cát-Tư-Hãn. Biết rõ sức hùng mạnh và tàn bạo của một đế quốc rộng lớn nhất cổ kim, chúng ta mới càng khâm phục tiền nhân hơn và càng hãnh diện về lời nói của một nhà văn Ý hiện đại khi nhận xét về lịch sử đấu tranh của dân ta:

“Dân tộc Việt Nam là dân tộc duy nhất trên thế giới đã chiến thắng quân Mông Cổ”.

Thành Cát Tư Hãn

Chương I

XÃ HỘI MÔNG CỔ VÀO THẾ KỶ XII

Người Mông Cổ chính tông chính là một trong những giống dân du mục ở miền Đông Bắc xứ Ngoại Mông ngày nay, khoảng giữa hai con sông Onon và Kéroulène.

Họ thuộc giống da vàng, có nhiều nét đặc biệt: mặt rộng, mũi xẹp, lưỡng quyền cao, mắt xếch, môi dày, râu cằm thưa, tóc cứng và đen. Vóc người thấp nhưng vạm vỡ, da thẫm, hai chân hơi cong. Nhờ sống giữa một cõi đất cằn cỗi rộng bát ngát, mùa đông lạnh cắt da, mùa hạ nóng thiêu người, họ có sức khỏe và sức chịu đựng bền bỉ, dẻo dai lạ thường.

Theo truyền thuyết thì ngày xưa tổ tiên người Mông Cổ bị giống dân Thổ (Turcs) đánh bại phải lẩn trốn trong vùng núi Erkéné- Kuoun. Cho đến thế kỷ thứ IX họ mới dám xuống núi sinh sống ở lưu vực sông Sélanga và sông Onon. Từ trưởng lúc bấy giờ là Bật-Tê-Si-Nô (Sói Xám) lấy bà Cô-A Ma-Ran có một trai duy nhất tên Ba-Tát-Si. Từ đó xuống mười ba đời nữa đến Đô-Bun: ông này mất sớm để lại bà vợ là A-Lan-Khoát-Nhã, một hôm nhiễm phải một luồng ánh sáng,

thụ thai rồi sinh ra ba người con. Người con út tên là Bu-đăng-Sa, là ông tổ của bộ tộc Bọt-di-Dinh, dòng Ni-Ruôn, nổi tiếng là người giản dị. Ông ta thường chỉ cỡi một con lừa ghẻ lở, đuôi còi... Đó là ông tổ tám đời của Thành Cát Tư Hãn.

Đến thế kỉ thứ XII, dân Mông Cổ chia ra nhiều đoàn trại (Oulouss) độc lập, khi thì đánh lẫn nhau, khi thì hợp lại đánh kẻ thù chung là dân Thát Đát. Gia đình của Thành Cát Tư Hãn thuộc tộc Ki-Dát, bộ tộc Bọt-di-Dinh. Từ khi Thành Cát Tư Hãn thống nhất được Mông Cổ, các sử gia thường chia giống dân này ra làm hai dòng, căn cứ ở chỗ họ thuộc dòng Ki-Dát hay dòng khác.

Dòng thứ nhất gọi là dòng Ni Ruôn, thuộc giống Mông Cổ thuần túy, tự hào là con cháu của thần Ánh Sáng.

Dòng thứ hai thuộc giống Durlukin, lai nhiều giống khác. Dòng Niruon gồm có 12 bộ tộc: Taidjigot, Tayitchiout, Taijiout (3 bộ tộc này sống biệt lập ở phía Đông hồ Baikal), Ourou'oud, Mangquoud, Djadjirat, Baroulas, Ba'arin, Dorben (bây giờ gọi là Dorbot), Saldjiout, Quadagin, Katakín.

Dòng Dulurkin gồm có 8 bộ tộc: Aroulat, Baya'out, Koroj, Seldu, Ikiras, Kongirat, Ongirat, Koukourat; những bộ tộc này du mục ở phía Đông Nam, dưới chân núi Nam Khingan cạnh xứ Thát Đát. Còn một bộ lạc nữa tên là Djéliar cũng liệt vào giống Mông Cổ, ở vùng hợp lưu sông Khilok và sông Sélenga hoặc sông Onon, mà có sử gia cho là một bộ lạc Thổ qui phục Mông Cổ rồi bị đồng hóa vào thời đại Anh hùng Cai Đô.

Nhưng căn cứ vào cách sinh sống, người ta phân biệt hai thứ bộ lạc: bộ lạc chăn nuôi ở miền đồng cỏ và bộ lạc săn bắn ở miền rừng núi. Vùng biên cảnh Mông Cổ - Tây Bá Lợi Á, nơi người Mông Cổ phát xuất, có hai miền khác biệt rõ rệt: miền rừng ở phía Bắc và miền đồng cỏ hoang vu ở phía Nam. Có nhà sử học cho rằng: “khởi đầu, Mông Cổ là dân rừng núi chớ không phải là dân đồng cỏ, căn cứ vào chỗ họ sớm biết dùng loại xe bốn bánh bằng cây (chariot) và chỉ dùng thùng cây chớ không dùng túi da như người Kagaz ở đồng cỏ”.

Những bộ lạc giàu thường được tổ chức chặt chẽ, xã hội chia làm bốn giai cấp:

1. Hạng quý tộc nắm quyền thống trị, gồm có hạng Dũng Sĩ (Bagha tour), Tộc trưởng (Noyan), Hiền nhân (Setchen) và, sau này chịu ảnh hưởng của Trung Quốc, thêm hạng Thân vương. Vai trò của tộc trưởng và dũng sĩ là tìm đồng cỏ chăn nuôi, sai khiến nô lệ, chăn nuôi súc vật cùng là điều khiển việc dựng lều trại. Giai cấp này chỉ huy tất cả những giai cấp sau:
2. Hạng chiến sĩ (Nokud)
3. Hạng thường dân (Arad)
4. Hạng nô lệ (Bogoul)

Hạng sau này gồm những người nô lệ và những bộ lạc bại trận bị bắt đi chăn súc vật hoặc phục vụ cho chiến sĩ.

Trong bộ lạc săn bắn vai trò của giai cấp quý tộc không quan trọng như ở bộ lạc du mục. Ở đây hạng pháp sư (Chaman) chi phối mọi mặt trong đời sống; nói chung trong xã hội Mông Cổ pháp sư đóng

vai trò thật quan trọng. Sau này chúng ta sẽ thấy vai trò của pháp sư Cốc Chu trong việc dựng đế quốc của Thành Cát Tư Hãn.

Thật ra, việc phân chia hai thứ bộ lạc (săn bắn, du mục) như trên không có tính cách tuyệt đối. Như dân Taidjiout lại là dân săn bắn ở rừng, còn Thành Cát Tư Hãn lại xuất thân ở bộ lạc du mục. Dân săn bắn thường mang một loại guốc bằng cây hoặc xương, hoạt động suốt cả mùa đông ngay trong tiết đại hàn. Họ tìm loại điều thử (zibeline) và loại chuột màu tro (petit-gris). Dân du mục cũng đi săn, chuyên dùng cung tên và giầy thông lọng tìm loài sơn dương, loài mang mễn. Bọn quý tộc thì luyện chim ưng thả đi bắt các loài khác. Tùy lúc thịnh suy, một bộ lạc có thể bỏ lối sống du mục qua lối sống săn bắn, hoặc ngược lại. Chẳng hạn Thành Cát Tư Hãn lúc thiếu thời, hồi bộ lạc tan rã phải cùng với cha mẹ và em rút vào rừng đi săn bắn sống qua ngày, rồi sau đó mới trở ra gây lại một đàn súc vật.

Những bộ lạc ở rừng nói chung trình độ còn thấp kém, dã man vì họ không hề tiếp xúc với những dân tộc văn minh hơn. Dân du mục tiến bộ hơn nhờ gần gũi với dân Thổ Phồn, dân Khiết Đan, dân Nữ Chân (nước Kim sau này).

CÁI LÈU TRÒN

Đời sống du mục phải bắt buộc lang thang đây đó nhưng có lúc họ cũng dừng chân lại một chỗ khá lâu. Đó là lúc đóng trại. Mỗi đoàn trại gồm có nhiều khóm lều (ayil) dựng trên nền cỏ hoặc trên xe bốn bánh sắp vòng tròn, chừa một sân rộng ở chính giữa. Lều của dân săn bắn thì nhỏ hẹp, nghèo nàn, khác hẳn lều của bọn du mục

thường lợp bằng da thú. Đến thế kỉ XIII, lều của hạng Khả Hãn rất rộng rãi, tiện nghi, chứa đầy da thú và thảm đẹp, gần như một thứ dinh thự lưu động. Có hai thứ lều, nhờ đó người ta có thể phân biệt được dễ dàng nhóm Mông Cổ săn bắn và nhóm Mông Cổ du mục.

Ger (còn gọi là Yourte) là thứ lều tròn lợp da thú, sườn bằng cây, gồm những cây chống, cây ngang rất phức tạp, thấy rõ là dân ở miền thừa thãi gỗ.

Maikhan là thứ lều rộng mà thấp, sườn bằng loại gỗ nhẹ, tháo ráp dễ dàng: vách gồm nhiều tấm phen bằng len, mặt trong có chèn thêm một lớp cỏ khô. Nóc lều tựa như cái nón lá lớn úp xuống, giữa đỉnh có một ống khói nhỏ. Trong lều người Mông Cổ lúc nào cũng có một bếp lửa chụm phen bò khô và khói thoát ra ở cái ống đó. Thời Thành Cát Tư Hãn, loại lều này thường dựng trên xe bốn bánh rất tiện cho việc vận tải, di chuyển. Khách đến nhà phải ngồi ở tại ngưỡng cửa bên mặt, chủ nhà ngồi trịch bên trong và ngay cửa.

Ngày nay tiến bộ hơn họ đã biết xây nhà bằng đá, nhưng chừng như chưa bỏ được thói quen ở lều, nên nhiều gia đình có nhà rồi mà còn dựng thêm cái lều nguyên vẹn kiểu xưa ngay trước sân.

ĐI SĂN VÀ DU MỤC

Vùng săn bắn tốt nhất của các tay kỵ mã Mông Cổ là đồng cỏ cao, đồi sỏi đá, đồi cát. Ở các nơi này có nhiều con sông hẹp và cạn, nhiều hồ đầm, thu hút tất cả các loại cầm thú chân dài cánh rộng từ những nơi xa xôi đi tìm nước uống: như sếu, thiên nga, hạc là những

loài chẳng biết e ngại không gian bao la; chó sói, lừa, ngựa rừng, linh dương đều là những giống chạy cực nhanh và không biết chồn chân, các tay kỵ mã tài ba cũng khó hy vọng đuổi kịp được chúng nó. Đi săn là một nhu cầu tối thiết của người Mông Cổ, một thứ hoạt động say sưa rộn rịp nhất như khi ra chiến trường. Hơn nữa, họ coi như là một lối tập trận hàng ngày và kẻ địch khó truy nã như thế mới thật là hấp dẫn.

Đối với dân du mục, chỗ ở thích hợp hơn hết là những vùng núi thấp có triền thoải thoải phủ cỏ xanh và rừng cây lưa thưa, có ghềnh thác. Qua mùa hạ, họ lánh đồng bằng cháy nắng, lừa thú lên cao lần lần tìm đồng cỏ xanh tươi hơn; đó là mùa "đoàn trại chia ly", như họ nói. Mỗi bộ tộc đi tìm một mục trường riêng cho mình, chiếm cứ ở đó một thời gian. Bầy súc vật là nguồn sống của dân du mục. Nhưng thường nhật họ chỉ ăn những con thú già, thú chết vì bệnh hoặc rủi ro. Nuôi thú cốt để lấy sữa làm koumiss (sữa chua) phó mát (một thứ phó mát ngâm trong muối cứng như sắt), lấy da, lấy lông làm nỉ. Phân thú là một thứ thông dụng trong việc đun nấu. Loại thú lớn như trâu, bò, trâu yak, lạc đà... dùng cho việc kéo xe, tải đồ.

Mối quan tâm nhất của dân du mục là thức ăn của bầy gia súc. Cái lạnh khắc nghiệt (-30 độ C) của mùa đông làm cho mọi hoạt động đều đình trệ; họ lừa súc vật đi ẩn trú ở những chỗ ít gió rét nhưng vẫn để chúng ở ngoài trời sống với những thức ăn dự trữ như cỏ khô. Trong một năm, bầy thú di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác từ mười đến mười hai lần. Lâu dần bầy thú mất hết bản năng tự tồn, chỉ còn biết trông cậy vào sự chăm sóc của người du mục.

Đời sống du mục qua bao thế hệ đã gây cho người Mông Cổ một vài ý thức sơ đẳng về cách tổ chức một xã hội định cư như lập một đoàn trại trung ương trên vùng đồng rộng, chung quanh có rừng để có thể đi hái trái, đào củ làm lương thực hoặc đem đổi lấy những thức cần dùng với các bộ lạc khác; hay việc tổ chức một đội quân có đại bản doanh để bảo vệ lãnh thổ.

Qua thế kỷ XII người Mông Cổ lại thoái bộ hơn thế kỷ thứ IX. Thời còn thống trị vùng Orkhon, dân Thổ phồn đã truyền bá thuật trồng tía, nghề nông đã bắt đầu phát triển. Đến lúc bị dân Kirghiz xâm chiếm, khoảng năm 840, dân Mông Cổ lại trở về đời sống du mục. Chế độ Kirghiz đã diệt hẳn nghề nông do bọn tín đồ Ma-ni giáo truyền qua. Ngoài ra một chút ít văn minh tiến bộ khác có ghi trong sử Thổ phồn đến thời Thành Cát Tư Hãn cũng không còn nữa.

CON NGỰA VỚI NGƯỜI MÔNG CỔ

Nhưng con ngựa mới là loài thiết yếu hơn hết trong đời sống du mục. Trên một cõi đất bao la mà những cánh đồng cỏ thường cách nhau hàng trăm dặm đường, người Mông Cổ chỉ trông cậy vào phương tiện giao thông nhanh hơn hết là ngựa.

Ngựa Mông Cổ thấp, chân to, lông dày, cổ nở, dáng không đẹp bằng ngựa Ả Rập nhưng rất khỏe, sức bền bỉ, lại ăn ít. Họ chú trọng sản xuất ngựa thật nhanh, thật nhiều vì mỗi tác đường đều cần đến ngựa và chỉ có họ mới điều khiển nổi những con ngựa bất kham ấy. Họ phi ngựa như bay không cần cầm cương, hai tay đều rảnh để cầm vũ

khí. Ngựa đang phi họ có thể nhảy xuống đất chạy theo, rồi nhảy trở lại lên lưng như trò xiếc: có thể cỡi suốt 15 giờ liền, mỗi ngày đi được 75 cây số. Họ rong ruổi đây đó, hoặc theo bầy súc vật hoặc đuổi thú rừng. Cuộc sống trên lưng ngựa đã gây cho người Mông Cổ một tâm hồn khoáng đạt, tự do; những lúc đi xa thường phải phi ngựa đơn độc và tự bảo vệ lấy sinh mạng của mình, do đó họ có tinh thần bình đẳng và tinh thần độc lập mạnh mẽ. Ngoài ra, qua bao thế kỷ, việc nuôi ngựa và say mê thích thú nghề kỵ mã đã tạo ra một số người nặng óc tự tôn, trở thành giai cấp quý tộc Mông Cổ.

PHỤ NỮ

Công việc thường xuyên của các thiếu nữ Mông Cổ là dệt len. Hàng ngày họ đổ vào rừng chặt cây "baronetz" về tước vỏ đánh thành sợi rồi dệt thành những tấm len mà họ thường khoe là "mịn như lông con cừu Scythie". Theo phong tục, con gái Mông Cổ phải lấy chồng ở một bộ lạc khác: lẽ sống duy nhất của họ là tận tâm phụng sự chồng, sinh con cái, lo việc bếp núc, lúc rảnh rỗi thì chế tạo những đồ đạc lát vật trong nhà, vắt sữa bò, sữa ngựa, làm bơ và pho mát cứng (gurud), đóng giày hoặc may vá quần áo. Người đàn bà Mông Cổ là chủ, nắm hết quyền điều khiển trong gia đình. Trong lúc chồng vắng mặt, họ mua bán mọi thứ theo ý muốn. Ngoài việc nội trợ họ còn đảm nhận việc dạy dỗ con cái và sau mỗi trận đánh thường phải túc trực bên cạnh chồng săn sóc vết thương.

Họ cỡi ngựa, bắn cung cũng thật tài, đôi khi phải tham gia chiến trận: núp sau các chiếc xe tải đồ, dùng cung tên chống lại những đợt xung phong của quân nghịch hoặc đánh xáp lá cà trong những trận ác

chiến.

Các bà vợ chính đều cho chồng lấy vợ lẽ không hề ghen, nhưng các bà vợ nhỏ phải ở dưới quyền kiểm soát của họ; họ giữ cả quyền phân phát chiến lợi phẩm của chồng mang về. Nói chung phụ nữ Mông Cổ rất đảm đang, từ việc trong nhà đến việc nặng nhọc bên ngoài. Đôi lại họ được trọng nể và được bảo vệ. Tục ngữ Mông Cổ có câu: “Người ta biết đức tính của đàn ông qua người vợ của họ” và luật Mông Cổ phạt rất nặng những người đánh vợ, xử tử hình những kẻ xâm phạm tiết trinh của một thiếu nữ.

TRẺ CON

Lên ba tuổi chú bé Mông Cổ mới dứt sữa mẹ và bắt đầu góp mặt vào cuộc sinh hoạt tập thể của bọn nhi đồng trong đoàn trại, không phân biệt con của Khả Hãn hay con của nô lệ. Chúng thích bày những trò chơi táo bạo: trò đấu sức hoặc lập trận giả như người lớn, đấm đá nhau đến đổ máu. Lên năm, chúng đã có thể cưỡi mình một cách gọn gàng lên lưng con ngựa tơ và từ đó thời giờ ở trên lưng ngựa nhiều hơn ở dưới đất, cho nên khi lớn lên hai ống chân của người Mông Cổ đều cong, thành cái vế đặc biệt của dân kỵ mã. Cũng từ khoảng năm tuổi, chúng được nhập bọn với người lớn đi đây đó học tập kinh nghiệm và tự tìm lấy cách sống. Mỗi đứa đều có một cây cung vừa với tầm vóc. Vào rừng chúng có thể hạ những con mồi nhỏ rồi chia thịt đồng đều với nhau giữa bọn chúng. Ngoài việc săn bắn, trẻ con có thể đi hái trái, đào củ làm thức ăn thường nhật. Không như thế, lúc đói chúng sẽ cấu xé nhau để giành một khúc xương của người lớn ném ra.

TÍN NGƯỞNG

Người Mông Cổ có một ý niệm rất mơ hồ về đấng Tối Cao đã sáng tạo ra thế giới: họ gọi là Trời Xanh. Nhưng không thấy họ hình dung đấng ấy ra sao cả, cũng không bao giờ dựng nhà thờ phượng.

Thành Cát Tư Hãn đã có lần ngạc nhiên về những cuộc hành hương ở La Mecque, phát biểu ý kiến như sau: “Cả vũ trụ đâu cũng là nhà của Đấng Tối Cao, tại sao phải định một chỗ riêng rồi tới đó tỏ lòng tôn kính?”

Lời nói đó thể hiện đúng tâm lý của dân du mục: đối với họ đâu cũng là nhà, đâu cũng như nhau cả. Họ sợ hãi thần Đá, thần Cây, thần Gió Bão, thần trên đỉnh núi cao có mây bao phủ và bọn Ma Quỷ tác quái gây ra chứng đau bụng, gieo các thứ bệnh tật trong bầy súc vật, thần Bạch Hổ và tất cả những đấng vô hình. Nhưng họ không thờ cúng bao giờ, chỉ tỏ ra bằng cử chỉ kính nể, vái lạy hay cầu khẩn.

Đồng cỏ là nơi hiếm cây, hiếm đến nỗi một cây có bóng mát đã trở thành một vật linh thiêng. Cho đến ngày nay, một người Mông Cổ Khalkha hoặc Kirghize khi gặp một cây nào đứng trơ trọi liền xuống ngựa đỡ mũ lạy mấy lạy, rồi máng lên cành một mảnh vải, một miếng da trâu hoặc một chùm lông bờm ngựa. Vô cớ mà bẻ nhánh hay đốn một cây nào là xúc phạm đến đấng thiêng liêng, làm cho vị thần ở cây đó và thần Thảo Mộc phẫn nộ.

Ngoài ra ngọn núi cao và chòm cây cổ thụ cũng là hai thứ linh thiêng mà dân du mục rất kiêng sợ. Để tỏ lòng tôn kính, mỗi khi đi ngang qua những nơi này, họ dừng lại khấn vái rồi bỏ một hòn đá lên đồng

đá lớn do bao người trước đã chồng lên.

VAI TRÒ CỦA KHẢ HÃN

Trong xã hội Mông Cổ, người dân du mục nào cũng hy vọng một cơ hội may mắn làm nổi bật giá trị mình lên để được hưởng nhiều quyền lợi và danh dự, hơn nữa để lên địa vị Khả Hãn (Tù trưởng).

Người nào cũng có thừa lòng can đảm và tự tin nhưng muốn xuất chúng phải có sức khỏe hơn người, phải khôn quỉ, nhiều thủ đoạn, ... và một số đức tính cần thiết. Không có luật lệ nào bắt buộc phải cử một người lên làm Khả Hãn mà chính thực tế đòi hỏi phải có người lãnh đạo. Lãnh trách nhiệm này là thể theo nguyện vọng của toàn dân. Nếu người lãnh đạo chết hoặc tự thấy mình không đảm đương nổi, tức khắc phải có người khác thay thế.

Vai trò của Khả Hãn là nâng cao đời sống của bộ lạc, bao gồm việc chọn đồng cỏ tốt cho súc vật, gìn giữ cho súc vật không bị hao hụt vì rủi ro hoặc bệnh dịch và tổ chức những chuyến săn cho kết quả. Ông ta phải biết nơi nào có đồng cỏ tốt, nơi nào có nước, phải chọn đúng thời kỳ lừa thú đi hoặc cho nghỉ ngơi, chọn mùa săn bắn. Lại phải biết đoán đúng thời tiết: lúc nào sẽ có hạn, bão cát, cuồng phong ... Chỉ có Khả Hãn có quyền quyết định và chịu mọi trách nhiệm; có thể là lệnh xử tử một kẻ có hành động trái lẽ công bằng hoặc giết một kẻ tình nghi cho mọi người đều thỏa mãn hơn là để sự bất mãn lan tràn trong bộ lạc. Tóm lại, uy tín của Khả Hãn là cái hồn của bộ lạc; hành động của ông ta phải thực tế, uyển chuyển, tùy việc tùy lúc.

Đời sống an bình của bộ lạc rất mong manh, ít khi kéo dài được nửa thế kỉ. Sự bất hòa thường xảy ra: hoặc xung đột đẫm máu với nhau, hoặc chiến tranh với các bộ lạc khác vì những lý do thông thường như việc thù hiềm giữa Khả Hãn, vụ bắt cóc một thiếu nữ, xâm phạm mục trường, hoặc thầy phù thủy bắt lực không trừ được ma quỷ đang bắt một tên lính hoặc nhậu nhẹt say sưa, hoặc chỉ vì lâu ngày không ra trận đâm ra buồn tẻ...

Gặp những trường hợp ấy nếu Khả Hãn bắt lực trong việc giàn xếp, bộ lạc sẽ tan rã.

Có kẻ ra đi vì bị xét xử bất công hoặc không thể đội trời chung với người hàng xóm thù địch. Họ chỉ phục tùng Khả Hãn khi thấy cuộc sống yên ổn, lạc nghiệp. Và một khi đã bất tuân thượng lệnh thì chỉ còn cách ly khai đi gia nhập một bộ lạc khác. Kẻ bất mãn cứ cuốn lều, lừa gia súc của mình đi. Thường khi những kẻ ly khai gặp nhau hợp lại thành một bộ lạc mới, rồi chọn người khỏe và khôn hơn hết cử lên làm Khả Hãn.

Trong đời người Mông Cổ không có quyết định nào quan trọng bằng việc phải ly khai một bộ lạc mà tổ tiên họ đã sống ở đó. Chính đời sống tập thể trong bộ lạc đã ràng buộc dòng dõi họ hàng khỏi bị phân tán, thất lạc. Họ cũng quan niệm giống chúng ta: “Chim có tổ, người có tông”. Muốn khỏi bị khinh là kẻ mất gốc, người du mục phải trưng được gốc gác của mình: con của ai, ở bộ lạc Suối Nước, hoặc bộ lạc Chó Sói, v.v. Gia nhập một bộ lạc khác, hoặc bị bắt làm tù binh đó là kẻ mất gốc.

Lòng lưu luyến mạnh đến nỗi nhiều kẻ đã ly khai gia nhập bộ lạc khác, ít lâu sau phải trốn trở về chịu tội, hoặc xếp qua một bên mỗi thù riêng. Những kẻ mới gia nhập hoặc bị bắt ở trận mạc hay ở đoàn trại khác đem về đều bị coi là kẻ ngoại tộc, chỉ được cho làm thợ rèn, thợ dệt, đi chăn súc vật...

Thật ra, vai trò của Khả Hãn không phải chỉ có việc tạo nên sự thịnh vượng mà nặng nề hơn hết là bảo vệ an ninh cho bộ lạc. Dù có hàng trăm trại cũng khó chống nổi với kẻ thù đông gấp bội đang thiếu mục trường hoặc chống với dân Thát Đát, dân Thổ Phồn hay dân Trung Quốc. Cho nên Khả Hãn phải tìm hiểu mưu toan của những tù trưởng ở chung quanh, phải biết rõ họ đang suy yếu hay đang có tham vọng bành trướng thế lực ra. Phải lưu ý tới tình hình những bộ lạc xa xôi: họ đang chia rẽ, phân tán hay đoàn kết với nhau. Khả Hãn phải là một viên tướng tài, biết tổ chức quân đội để chống xâm lăng hay đi xâm lăng kẻ khác, phải có đủ mưu lược bề gầy một cuộc tấn công bất ngờ của địch, hoặc có khi phải biết dẫn bộ lạc đi trốn tránh kẻ thù có lực lượng hùng hậu hơn.

Chiến tranh xảy ra không phải lúc nào cũng do những mối xung đột lớn lao như tranh hùng tranh bá, tranh mục trường hoặc tranh thủ dân mà thường chỉ do một sự đụng chạm nhỏ nhặt hay sự thiệt hại quyền lợi không đáng kể: một vụ mất ngựa, một thiếu nữ bị bắt cóc về nhà chồng lúc chú rể chưa xong thời hạn làm rể, một mối thù từ đời nào không còn ai biết rõ nguyên nhân nữa. Và theo luật đồng cỏ thì một người làm, toàn bộ lạc phải chịu trách nhiệm. Thế là hàng

trăm người trong bộ lạc phải chờ đợi suốt hai, ba mươi năm một cuộc thanh toán, một cuộc báo thù không biết sẽ xảy ra lúc nào.

Gặp trường hợp ấy thì ngày đêm bộ lạc phải sống trong tình trạng báo động. Đóng trại phải dàn theo một thế phòng ngự chắc chắn. Phải đặt người canh gác ngày đêm trên ngọn cây, đỉnh núi và phái quân tuần tiểu ra mười dặm quanh đoàn trại. Kỵ binh phải gắn liền trên yên cương, đến nỗi đi một đoạn đường có năm mươi thước cũng phải dùng ngựa, tay không dám buông cung tên ra.

Sau cùng Khả Hãn còn phải có tài ngoại giao, có lắm thủ đoạn khôn khéo: biết lúc nào nên liên kết, lúc xúi giục, chia rẽ, lúc đánh lạc hướng, lúc dục hoãn cầu mưu, v.v.

Thành Cát Tư Hãn

Chương II

DÒNG SÓI XÁM

Thân phụ của Thành-Cát-Tư-Hãn là Dũng sĩ Dã-Tốc-Cai. Theo truyền thuyết thì Bu-đăng Sa có bảy người cháu nội đều bị kẻ thù giết sạch luôn cả vợ con. Dòng Sói Xám của Bật-Tê-Si-Nô đến đây tưởng đã tuyệt diệt, nhưng may thay có một người trong số con của họ trốn thoát được, đó là Cai Đô. Ông này chiến thắng được bộ lạc Djélair,

quy tụ được một số đông bộ tộc Mông Cổ sống rải rác ở khắp nơi. Người Mông Cổ cho đó là vị Khả hãn thứ nhất của họ và tôn là anh hùng Cai Đô. Cháu nội của Cai Đô là Ka Buôn nối ngôi Khả hãn, cũng là một tay vũ dũng nhiều phen chiến thắng quân Kim, khiến cho nước Kim nể mặt phải phong chức tước. Tuy nhiên, Mông Cổ vẫn phải giữ lệ triều cống. Có lần Ka Buôn xuống Yên kinh châu vua Kim, được nhà vua mở tiệc khoản đãi; lúc ngà say, Ka Buôn nắm vuốt bộ râu của vị Hoàng đế, chẳng những không bị bắt tội, lúc về xứ còn được nhà vua ban tặng cho nhiều bảo vật (1147). Nhưng sau đó Kim lại liên kết với Thát Đát đánh Mông Cổ. Ka Buôn thắng mấy trận lớn, giết hại quân Kim và Thát Đát rất nhiều, nhưng cuối cùng ông lại bị bắt sống. Dọc đường ông giết được bọn quân áp giải, trốn thoát về Mông Cổ. Sau truyền ngôi lại cho Ka Tuôn. Người con thứ tư Ka Tuôn cũng là một vị anh hùng lừng danh “giọng nói như sét đánh trong núi, tay như gấu, bẻ gãy xương sống một người dễ dàng như bẻ mũi tên. Đêm đông đánh trần nằm bên cạnh đồng lửa, than đỏ văng khắp mình mà ông vẫn ngủ say, đến lúc tỉnh dậy ngỡ là bị kiến cắn...” Em của ông là Ô Kinh và người anh họ là Am-Ba-Cai bị quân Thát Đát bắt đem nạp cho vua Kim. Cả hai người bị quân Kim đóng đinh trên lưng con lừa gỗ, một hình phạt “dành riêng cho bọn Rợ nổi loạn”. Ka Tuôn liền dẫn quân đi đánh phá nước Kim báo thù (1161), lúc đầu thắng nhiều trận vẻ vang. Kim lại liên kết với Thát Đát, quân quá đông “như cát sa mạc”, Ka Tuôn thảm bại phải lần trốn. Đó là vị Khả hãn cuối cùng của thời suy vong.

Dân Thát Đát hưng khởi, lôi cuốn được tất cả những bộ lạc lân cận về qui phục, tên bộ lạc Mông Cổ từ đó chìm trong quên lãng.

Về sau Dũng sĩ Dã-Tốc-Cai, cháu nội của Khả hãn Ka Buôn, được người trong họ cử lên làm Tộc trưởng tộc Ki Dát, ông qui tụ được bốn vạn lều dưới quyền chỉ huy của mình. Ngay lúc đó Kim lại sai sứ giả đến kêu gọi ông liên minh đánh quân Thát Đát, bấy giờ đã trở thành một mối đe dọa. Ông đại thắng, bắt được tù trưởng Thiết mộc Chân và vô số chiến lợi phẩm đem về đoàn trại ở thượng lưu sông Onon. Về tới lều mới hay bà U Luân, vợ ông, vừa mới sinh hạ một đứa bé trai. Theo tục lệ cổ truyền, người Mông Cổ thường lựa cho con một tên có ý nghĩa nhắc nhở một việc quan trọng xảy ra lúc nó mới ra đời, nên Dã tốc Cai đặt cho đứa con đầu lòng của mình cái tên Thiết mộc Chân (theo sử M.C. năm 1155, sử T.H. 1162).

Lúc mới lọt lòng mẹ, đứa bé nắm trong tay một hòn máu giống như hòn hồng thạch nên có vị pháp sư đoán rằng về sau Thiết mộc Chân sẽ trở nên một chiến tướng lừng danh. Năm chín tuổi, Thiết mộc Chân đã phải theo cha lên đường đi hỏi vợ và theo tục lệ người vợ ấy phải ở một bộ lạc thật xa. Chưa có dịp nào cậu bé được đi xa như vậy. Những chuyến lừa súc vật đi đây đó để tránh mùa đông bắt quá chỉ quanh quẩn trong vùng quê cha đất tổ, giữa hai con sông Onon và Kéroulène. Giờ đây cậu vượt qua nhiều thung lũng bao la giữa những dãy núi cao sừng sững phủ một lớp rừng cây sẫm uất. Đây đó những dòng nước chảy xiết, hai bên bờ vô số những con sếu đang đi nghêu ngHEN. Trên những cù lao nhỏ thì rợp loài thiên nga, giữa không trung hàng vạn con chim âu xám đang vỗ cánh vun vút. Thật là một dịp tốt cho cậu sử dụng cây cung của mình. Nhưng càng đi xa thì những vùng cây cỏ xanh tươi càng thưa thớt dần, núi

đá đen lờm chờm, tảng nào cũng đóng một thứ rêu vàng, rồi tới núi trọc càng ngày càng nhiều. Qua những đường hang gió thổi hun hút gào âm ỉ như tiếng thác đổ liên hồi, họ phi ngựa bên cạnh dãy núi Darchan, một vùng nhấp nhô những đồi đá đen, ngày nay dân chúng còn gọi là “LÒ LUYỆN THÀNH CÁT TƯ HÃN”. Đất càng ngày càng lên cao, cây không có nữa mà toàn loại dây leo hoặc loại cỏ ngắn. Đêm tới họ thường phải dừng lại bên bờ một cái hồ, thả ngựa cho ăn cỏ và săn một vài con thú.

Một chiều, cha con Dã tốc Cai tình cờ gặp Đài xích Sên, Khả hãn bộ lạc Sung Di Rát (Chungirates). Dã tốc Cai cho biết ông đang đi tìm vợ cho Thiết mộc Chân. Nghe qua, Đài xích Sên hớn hờ bảo ông mới vừa nằm mộng thấy một con chim ưng trắng đang cắp một con quạ dưới móng. Hai người đều hiểu đó là điềm trời: hai con chim ấy là biểu tượng trên lá cờ của dân Ki dát, thấy như thế là hai họ sẽ gặp nhau nối lại thân tình. Họ cùng phi ngựa về mục trường của bộ lạc Sung Di Rát. Hết vùng đồng cỏ tới sa mạc Gobi, một vùng cát trắng phau mênh mông vô tận, thỉnh thoảng mới gặp một đồi đá nhỏ, đỏ như nung, còn thì toàn là đồi cát chuyển động như sóng. Gió lồng lộng tung cát vào mặt nóng như châm lửa, đến những con thiên lý mã cũng phải chồn chân. Rồi tới những vùng núi trọc, núi đỏ và cứ xuống thấp dần đến một thung lũng bao la, đồng cỏ xanh rờn. Cũng có rừng cây nhưng thưa thớt, không được sâm uất như rừng ở bên sông Onon. Đây là đất của bộ lạc Sung Di Rát, một bộ lạc lớn và giàu. Người Trung Quốc gọi dân Ong-gút (Ongoutes) và Sung Di Rát là Thát Đát trắng, đối với Thát Đát đen là tất cả những giống dân khác ở Mông Cổ. Lều của người Sung Di Rát đều bằng len, trang

hoàng lộng lẫy; quần áo của họ đều bằng thứ lụa mịn rất quý giá; khi giới thì chạm trổ rất mỹ thuật. Nhưng với Thiết mộc Chân, đáng lưu ý hơn hết là nàng Bật Tê, con gái của Khả hãn. Tuy mới mười một tuổi, nàng đã có vóc mình nở nang đầy đặn, vẻ sắc sảo mặn mà. Sau một lúc nhìn mãi mê, Thiết mộc Chân đột ngột đòi cha hỏi cưới nàng cho mình.

Đài xích Sên cũng rất hài lòng về cậu trai Thiết mộc Chân. Cậu phi ngựa như một người lớn, không bao giờ biết mệt. Với tuổi đó mà sức vóc cậu đã to lớn lực lưỡng, trí rất mẫn tiệp, nhất là cặp mắt của cậu: một kiểu mắt mèo, có cái nhìn nhanh nhẹn, sắc sảo khác thường, chừng như không có cái gì thoát khỏi tầm mắt cậu được.

Đã tót Cai tặng cho Đài xích Sên một con tuần mã sắc đen huyền và nhận trở lại nhiều món quà quý. Hai ông bố thỏa thuận để Thiết mộc Chân ở lại đây làm rể tới khi nào đoàn trại của hai ông đã lùa gia súc cho ăn chung một mục trường, bây giờ hai họ kể như đã thông gia.

Nhờ những ngày làm rể ở đây, Thiết mộc Chân mới nhận thấy ở lân cận một nước như nước Kim thật vô cùng ích lợi. Bọn thương nhân Trung Quốc gần như thường xuyên có mặt thường xuyên ở nơi đây; họ có nhiều loại tơ lụa tuyệt đẹp, nhiều thứ mộc thật chắc sơn màu sặc sỡ, túi đựng tên bằng ngà và vô số những đồ trang trí mỹ thuật. Họ đem đổi với sản vật của dân bộ lạc như da và lông thú, ngựa, trầu, lạc đà, trâu yak hoặc có khi chỉ đổi lấy muối mà

dân Sung Di Rát đã lấy ở các biển hồ trong xứ Mông Cổ. Mỗi lần tới bộ lạc, họ đều mang theo nhiều thứ quà tặng riêng cho người nào giao dịch với họ: vài bộ quần áo, vài món đồ trang sức của phụ nữ, kẹo bánh cho trẻ con. Trong lều của người Sung Di Rát nào cũng chứa đầy những cửa báu. Không hiểu sao dân nước Kim có thể cho mãi những vật quý như vậy mà không nghèo?

Từ đó Thiết mộc Chân hết sức lưu ý tìm hiểu cái nước Kim có lắm điều kỳ lạ này. Cậu không bỏ lỡ dịp gần gũi với những đoàn buôn từ xa tới. Họ có đầu óc thực tế, khéo léo và rất sành sỏi trong việc chọn lựa súc vật cũng như da thú. Họ cho biết nước Kim giàu mạnh hơn một bộ lạc lớn nhất ở đây hàng trăm lần; dân chúng đều sống trong những đô thị có thành cao bao bọc, phòng thủ rất kiên cố, của chất chứa nhiều không kể xiết. Nhưng điều làm cho cậu bé ngạc nhiên hơn cả là bọn thương nhân lại chịu đổi đồ quý giá như thế với những tấm da xấu xí và súc vật tầm thường. Sao họ không đem chiến sĩ tới đoạt lấy tất cả có phải giản tiện hơn không? Nhạc phụ có cho biết dân ở đô thị không phải là chiến sĩ, họ không biết cỡi ngựa đi săn, bắn cung và phóng lao. Trong đầu cậu bé nảy ra ý khinh miệt thứ dân đô thị này. Tại sao nhạc phụ mình lại chịu buôn bán với họ mà không kéo binh vào nước họ lấy hết của cải cho rồi? Nhưng sau đó cũng nhờ bọn thương nhân, Thiết mộc Chân mới được biết nước Kim có một Hoàng đế cai trị, nuôi hằng trăm ngàn chiến sĩ để giữ thành trì, từng đánh đuổi dân du mục đến cướp phá. Cậu cũng được nghe ít nhiều về thuật dụng binh của người Trung Quốc, những chiến xa, những bộ binh cầm dáo dài khi chiến đấu hợp thành nhiều hàng phá vỡ kỵ binh của địch. Tất cả những câu chuyện lạ ấy đều in sâu

đậm trong tâm hồn cậu bé chín tuổi. Nhưng biết đâu người ta không bịa đặt ra những chuyện ấy để che đậy chỗ yếu của họ vì họ không biết cách chiến đấu như cha mình và nhạc phụ? Trong đầu Thiết mộc Chân lúc ấy đã manh nha cái ý nghĩ: tại sao không lập một đế quốc gồm toàn những chiến sĩ và có một hoàng đế cai trị? Cha của cậu có thể quy tụ tất cả người Mông Cổ dưới một lá cờ và nhạc phụ cũng làm như thế với người Sung Di Rát. Còn cậu sẽ nối nghiệp hai người ấy... Nhưng Thiết mộc Chân không đem ý nghĩ ấy ra nói với ai cả. Cậu thấy tốt hơn hết là cứ nín lặng và cứ tiếp tục cư xử cho khả ái, trầm tĩnh, chăm chỉ, cho mọi người có thiện cảm với mình để đợi đúng mười bốn tuổi thì cưới Bật Tê.

Không ai biết đích xác Thiết mộc Chân ở với người Sung Di Rát trong bao lâu. Nhiều quyền sử ghi rằng trên đường về bạn ấy Dã tốc Cai bị người Thát Đát đầu độc; nhưng ngược lại có chỗ chép lúc Dã Tốc Cai chết thì Thiết mộc Chân đã được mười ba tuổi. Theo thuyết sau, Thiết mộc Chân ở với Đài xích Sên được hơn ba năm thì bỗng một hôm, có người bà con tên Muôn Lịch phi ngựa tới cho hay thân phụ cậu gọi phải gấp trở về đoàn trại. Đài xích Sên rất ngạc nhiên, vì như thế là trái với tục lệ gởi rể, nhưng vì lòng yêu mến Thiết mộc Chân, ông đành để cho cậu trai trở về bộ lạc với lời cam kết phải trở lại.

Ngựa miền đồng cỏ phi rất nhanh, nhưng tin tức về những biến cố quan trọng loan ra còn nhanh hơn nữa: tất cả các bộ lạc đều hay tin Dã tốc Cai đã chết. Trên đường về bạn đó, ông phải đi ngang qua xứ Thát Đát, gặp ngay lúc các bộ lạc đang tụ họp ăn lễ. Ông

cùng với đoàn tùy tùng được mời vào tiệc, ngồi chỗ danh dự và được thết nhiều món thịt ngon. Nhưng ông quên những trường hợp như thế này, khách không nên ăn hoặc uống thức gì mà chủ chưa nếm trước ngay trong tiệc. Còn người Thát Đát thì làm sao quên được chuyện mười ba năm trước Tù trưởng của họ bị ông bắt giết? Lúc tiếp tục đường về, Dã tốc Cai đã mang trong mình một thứ thuốc độc hại ngấm ngấm. Nên khi Thiết mộc Chân về đến trại nhà thì gặp ngay đám tang cha đang cử hành.

Thành Cát Tư Hãn

Chương III

NGƯỜI HÙNG CỦA MIỀN ĐỒNG CỎ

Sau cái chết của Dã tốc Cai, các đoàn trại Mông Cổ liền rời bộ tộc Kì Dát đi tìm chủ khác.

Bà U Luân phi ngựa theo gọi họ lại. Nhưng họ đồng thanh đáp: "Vũng nước sâu cũng có ngày cạn. Hòn đá rắn mấy cũng phải có lúc nát thành cát bụi. Một người đàn bà với bầy con nhỏ dại như thế làm sao che chở được chúng tôi?"

Lời nói ấy đã lôi kéo luôn cả những đoàn trại còn phân vân "Một người đàn bà như thế không thể chỉ huy bao nhiêu đàn ông". Rồi lần

lượt hết đoàn trại này đến đoàn trại khác kéo nhau đi, mỗi đoàn trại lừa thêm một mớ gia súc của Dã tốc Cai. Cho đến Muôn Lịch là người thân nhất, trước khi nhắm mắt Dã tốc cai đã gửi gắm vợ con lại cho hắn, mà hắn cũng bỏ ra đi không chút tình lưu luyến. Hơn bốn vạn lều, giờ đây chỉ còn lại tro tro có chiếc lều của gia đình Dã tốc Cai với lều của bà vợ nhỏ có hai đứa em trai khác mẹ của của Thiết mộc Chân là Bách cơ Ta và Biên gô Đài.

Từ đó Thiết mộc Chân cùng với Cát Xa - đứa em ruột - phải làm việc đêm ngày không nghỉ: nào chăn gia súc, nào bắt cá, hái trái, đào củ. Cảnh sống càng bi đát hơn nữa khi mùa đông tới; súc vật đều gầy mòn vì thiếu cỏ mà không dám ăn thịt sợ qua mùa ẩm không đủ để gây giống ra. Cả gia đình cứ phải ăn củ rừng, rễ cây, vỏ cây đổ từng, hạt kê hoặc rắn nước, những thức ăn mà hạng quý tộc Mông Cổ không bao giờ nếm tới.

Trong tiết đông lạnh lẽo, những loài thú như chuột rừng, chồn cáo rất hiếm. Nhưng hai anh em Thiết mộc Chân đều là tay thiện xạ, mỗi lần buông mũi tên là hạ được một con thú. Tuy có công săn bắt mà không mấy khi đem được thịt về chỉ vì bọn anh em Bách cơ Ta cậy sức khoẻ hơn anh em Thiết mộc Chân, nên cứ chờ sẵn đâu đó, hễ thú vừa ngã xuống là bọn chúng ào đến lấy.

Thiết mộc Chân tức giận lắm nhưng không nói ra, chờ một hôm Biên gô Đài đi câu cá một mình, cậu liền bàn với Cát Xa tìm cách giết bớt một thằng em ngang ngược. Rồi cả hai đi tìm Bách cơ Ta tặng cho cậu này một lượt hai mũi tên chết không kịp la một tiếng.

Hôm ấy bà U Luân giận dữ, mắng Thiết mộc Chân một trận nên thân:
- Chúng bây như đồ chó dại cắn lẫn nhau. Bây có biết làm như thế là ngu xuẩn không? Tay chân ruột thịt còn ai đâu, sao lại tự chặt cánh tay của mình đi? Nếu chúng bây cứ cắn xé nhau như thế thì cái dòng Dã tốc Cai này sẽ ra sao? Cứ thế này thì ngày nào trả thù được bọn Diệt xích Ngột phản bội, bọn Thát Đát đã giết cha mày?

Thiết mộc Chân nín thinh không trả lời gì cả. Từ đó cậu cố giữ hoà khí trong nhà, tận tình giúp đỡ Biên gô Đài, thường tặng quà cho cậu em và mỗi khi đi săn về đều dành một phần thịt cho nó. Biên gô Đài cảm phục anh, bỏ tánh ngang ngược và về sau trở thành một trong những viên cận tướng cùng vào sanh ra tử với Thiết mộc Chân.

Bỗng có tin lan truyền khắp miền đồng cỏ: Tạc gô Đài, Tù trưởng bộ lạc Diệt xích Ngột tự xưng là Khả hãn của tất cả dân Bọt di Dinh, trong đó có tộc Ki Dát. Như thế tất cả những mục trường nhiều cỏ ở các thung lũng phì nhiêu giữa hai con sông Onon và Kéroulène đều thuộc quyền sở hữu của hắn. Mặc kệ, chàng trai Thiết mộc Chân cứ lùa bầy gia súc của mình vào các mục trường ấy cho ăn, y như vẫn còn thuộc quyền thừa kế của mình. Tạc gô Đài chẳng buồn huy động lực lượng của các đoàn trại khác, chỉ dẫn theo một số bộ hạ đi “trừng trị thẳng con của Dã Tốc Cai”. Y quyết bắt cho kỳ được Thiết mộc Chân, lúc đó đã lánh vào rừng sâu.

Bọn Diệt xích Ngột càn vào rừng như một cuộc săn thú, nhưng đến chỗ rậm rạp quá chúng không tiến được nữa, liền dừng lại bủa vây

chặt chẽ khu đó. Bọn họ cứ thung dung chờ đợi. Lương thực thì đã có sẵn bày trầu của Thiết mộc Chân, họ bắt ăn dần. Rồi lần lượt dời lều trại, đem vợ con và súc vật qua mục trường của Thiết mộc Chân.

Qua bao nhiêu đêm ngày, Thiết mộc Chân đói lả người, muốn tìm đường thoát ra nhưng đâu đâu cũng gặp bọn Diệt xích Ngột. Cùng quá chàng toan thoát ra một ngõ thì bị quân thù quăng dây thòng lọng kéo lôi đi như một con bê, điệu đến trước Khả hãn của họ.

Tạc gô Đài nhìn tên tù nhân, gật gù khoái trá: “Quả là một thanh niên Kì Dát mắt xám, tóc nâu, có cái nhìn kiêu hãnh lẫn khôn quỉ, chắc hẳn sẽ là một chiến sĩ tài ba. Giết hắn làm gì? Hắn có thể là cánh tay đắc lực của ta đấy!...”

Nghĩ xong Tạc gô Đài ra lệnh đóng cái gông lên cổ Thiết mộc Chân, rồi cho dẫn chàng đi một vòng qua khắp các trại cho mọi người thấy rõ uy quyền của tộc Kì Dát chấm dứt từ đây. Cái gông hết sức nặng, hai tay Thiết mộc Chân lại bị cột giăng ra hai đầu. Và để bóp chết lòng kiêu hãnh của chàng thanh niên, thay vì giao cho một chiến sĩ canh gác, người ta giao cho một thằng bé đứng giữ. Xong rồi tất cả bọn chiến sĩ tụ họp trong lều của Tạc gô Đài chè chén say sưa mừng cuộc chiến thắng.

Màn đêm buông xuống, trăng lên từ từ. Thằng bé lơ đãng nhìn về phía Viên môn của Khả hãn, có lẽ đang ao ước một miếng thịt trầu. Thiết mộc Chân rón bước lại sau lưng nó, vận dụng hết sức lực đập cây gông vào đầu nó. Thằng nhỏ lăn ra bất tỉnh. Chàng liền chạy

nhANH RA KHỎI TRẠI.

Khi hay tin, Tạc gô Đài biết mình đã quá khinh địch mới ra nông nổi, liền chấm dứt buổi tiệc, ra lệnh tức khắc đuổi theo Thiết mộc Chân. Trăng không sáng lắm nhưng cũng đủ để theo dấu tên tù, dấu chân dẫn lần xuống mé sông. Bọn chúng biết một người bị đóng gông không thể nào lội qua sông Onon được nên cứ cho ngựa chạy dọc theo bờ: một toán ngược lên thượng lưu, một toán xuống hạ lưu. Chỉ còn lại một tên kỵ binh cứ đứng mãi ở đó nhìn chăm chú xuống dòng nước. Một lát hán nhận ra một vật gì tròn, hơi động đập ở giữa đám sậy, vừa tầm một cây lao phóng xuống. Chờ bọn kia đi đã xa hán mới nói vọng xuống: “Ha! Bản lĩnh của chú em cao cường quá nên tội nó không ưa là phải!” Rồi hán thả ngựa đi từ từ theo hướng bọn kia.

Thiết mộc Chân trầm xuống nước đến ngang mũi, nhận được mặt người kỵ binh: lão Si Ra, trước kia là dân trong đoàn trại của cha mình. Lão có mấy đứa con thường chơi với chàng. Đợi lúc thật vắng lặng, chàng mới lần mò chui ra khỏi đám sậy, tay chân đều lạnh cóng, vai nhức như dần vì cái gông nặng trĩu. Không thể nào chạy trốn đi đâu được nữa, chàng bình tĩnh lăn trên cỏ mấy vòng cho nước trong quần áo trút ra hết, âm thầm đi thẳng lên trại, lên vào lều của lão Si Ra, chui xuống ẩn dưới một đồng len. Đến khuya, bọn kỵ binh lần lượt trở về lũng kiếm trong các lều. Chúng vào lều lão Si Ra; một tên trong bọn đâm một mũi lao vào đồng len. Một tên khác lại nói: “Trời nóng như thế này nó chịu sao nổi ở dưới đồng len?” Rồi chúng bàn để ngày mai soát lại trong trại một lần nữa, nếu không gặp

Thiết mộc Chân thì phải đi lòng kiếm ở xa.

Giữa khuya, lúc mọi người đã ngủ im lìm, Thiết mộc Chân mới bò ra.

Si Ra hết sức kinh hãi:

- Sao chú mày lại vào đây? Mai này họ sẽ lục soát thật kỹ chú có biết không? Nếu họ gặp chú tại đây, gia đình ta sẽ không còn ai sống sót cả!

Thiết mộc Chân vẫn bình tĩnh:

- Ông tháo gông giùm tôi và cho tôi ăn cái đã.

Si Ra hơi ngần ngừ. Chàng nói tiếp:

- Nếu Tạc gô Đài biết ông đã gặp tôi ngoài đám sậy mà ông lờ đi cho kỵ binh mất công tìm tôi mãi liệu ông có khởi rặng đầu không?

Si Ra mới nhận thấy rằng cần phải giúp cho Thiết mộc Chân trốn đi xa thì lão mới tránh khỏi tai họa. Lão liền tháo gông ra chẻ vụn bỏ vào lửa. Cho Thiết mộc Chân ăn uống no nê rồi, lão còn đưa tặng một cây cung cũ với một ống tên và mách cho chàng biết nơi nào có quân canh ở quanh trại. Trăng vừa khuất sau đỉnh núi, Thiết mộc Chân liền lén ra khỏi trại, trộm một con ngựa phi như bay trong bóng tối.

Chàng cứ cho ngựa phóng nước đại về miền rừng rậm, đến tận núi Bourkhane Kaldoun. Đây là đất phát xuất thi tộc Ki Dát, là chỗ nương tựa vững chắc mỗi khi gặp nguy biến. Cũng nơi đây, theo truyền thuyết, một ông tổ của tộc này đã trốn thoát khỏi cuộc truy nã của quân thù và Trời sai một con chim Ưng mang đồ ăn xuống cứu ông ấy. Chim Ưng là thần linh bảo vệ dòng Ki Dát, hình ảnh của nó được trưng trên biểu kỳ và từ đó trong vùng thâm sơn này bao giờ người dân Ki Dát cũng tìm được một chỗ ẩn thân khi bị kẻ thù đuổi bắt.

Thiết mộc Chân gặp lại mẹ, và các em, cả Biên gô Đài nữa. Của cải chỉ còn vồn vẹn có chín con ngựa, một cặp trừa và một chiếc xe có căng lều.

Một hôm, Biên gô Đài cỡi ngựa đi săn chuột rừng, còn Thiết mộc Chân và Cát Xa thì đi thăm bầy thú. Bỗng một bọn cướp Diệt xích Ngột ào tới lừa hết tám con ngựa đang ăn cỏ ngoài đồng. Không thể chạy bộ đuổi theo được, đành phải chờ chiều tối Biên gô Đài trở về mới có ngựa, vậy mà Thiết mộc Chân không chịu bỏ qua, có ngựa rồi bèn phóng đi tìm.

Luôn ba ngày đêm chàng phi nước đại theo dấu bọn cướp. Mớ thịt khô nhét dưới yên ngựa đã hết sạch, ngựa đuối sức lại què chân. Đến ngày thứ tư, Thiết mộc Chân gặp một chàng thanh niên trạc tuổi mình bèn dừng chân lại hỏi thăm tung tích bọn cướp. Chàng tự giới thiệu: “Thiết mộc Chân con của Dũng sĩ Dã tốc Cai”. Chàng thanh niên hết sức kinh ngạc, liền đem thức ăn ra mời, đồng thời cho con ngựa què nhập vào bầy ngựa của mình, rồi chàng dẫn ra hai con ngựa khác thật khỏe, nói với Thiết mộc Chân:

- Tôi tên là Bác nhĩ Truật. Tôi cùng đi với anh, chắc sẽ giúp đỡ anh được.

Họ phi ngựa luôn ba ngày nữa và trở thành đôi bạn thân. Thiết mộc Chân được bạn cho biết khắp miền đồng cỏ người ta đang kể chuyện chàng trốn khỏi trại của Tạc gô Đài và họ không biết làm sao chàng trốn thoát được. Họ rất phục lòng can đảm và trí khôn ngoan

của chàng; tất cả thanh niên đều coi chàng như một thần tượng.

Bỗng hai người thấy bọn Diệt xích Ngột ở phía xa với cả tám con ngựa. Đợi đêm tối họ mới bò tới tháo dây dắt ngựa trở về. Sáng ngày, bọn Diệt xích Ngột liền đuổi theo, Bác nhĩ Truật muốn dừng lại chặn quân cướp để một mình bạn thoát về, nhưng Thiết mộc Chân không chịu. Thỉnh thoảng chàng ngoái nhìn ra sau thấy bọn cướp chạy giăng hàng khá đông. Mặt chàng vẫn giữ vẻ điềm tĩnh và lạc quan nữa. Chàng nói:

- Ngựa của chúng ta còn khoẻ lắm. Cứ cho phi nước đại, khi nào nó mệt thì mình nhảy qua lưng con sau.

Bác nhĩ Truật cũng ngoái lại nhìn, nhưng mặt chàng càng lúc càng tái mét. Bọn cướp đã đuổi gần kịp, tên dẫn đầu cỡi một con bạch mã, tay đã cầm sẵn một sợi giây thòng lọng.

- Để tôi ở lại sau đương đầu với chúng, - Bác nhĩ Truật nói. - Tôi sẽ tặng cho thằng này một mũi tên.

- Chưa được. - Thiết mộc Chân đáp – hãy chờ nó tiến sát bọn mình và cách xa bọn kia.

Khi tên cướp tới gần quá rồi và vừa cất giây thòng lọng lên quay mấy vòng. Thiết mộc Chân mới dừng lại thét lên:

- Bắn nó đi!

Bác nhĩ Truật buông phát tên trúng ngay tướng cướp ngã lăn quay xuống ngựa. Tức thì Thiết mộc Chân ra roi cho ngựa sảy theo bạn. Một lát sau, hai người ngoái lại nhìn thấy tốp đầu đang vây quanh tên bị thương. Một lát nữa, toàn thể bọn cướp đều dừng lại ở đó, không thấy một tên nào đuổi theo cả.

Bác nhĩ Truật cười vang lên:

- Một thành tích của anh nữa! Thiên hạ lại được dịp nhắc đến tên anh, phen này tha hồ cho bọn trẻ hăng máu lên!

Thiết mộc Chân chia cho bạn phân nửa bầy ngựa, nhưng Bác nhĩ Truật nhất quyết từ chối:

- Mới giúp anh một việc nhỏ mọn mà đã lấy công thì làm sao xứng đáng là bạn của anh được?

Rồi cả hai cùng trở về lều của thân phụ Bác nhĩ Truật. Ông lão lấy làm hãnh diện về hành động của con mình và Thiết mộc Chân. Ông tặng cho chàng một cái lều, một con ngựa và một ít quần áo để thay đổi rồi cho Bác nhĩ Truật theo Thiết mộc Chân, khuyên đôi bạn hãy kết chặt tình bằng hữu mãi mãi. Trên đường về trại nhà, Thiết mộc Chân không còn cô độc nữa. Chàng đã có Bác nhĩ Truật, người bạn thứ nhất trong đời chàng.

Ít lâu sau, một chiến sĩ của Dã tóc Cai đến trại có dẫn theo người con trai tên Gia luật Mễ, yêu cầu Thiết mộc Chân hãy nhận con mình làm bạn.

Rồi tiếng đồn khắp miền đồng cỏ, nhiều chiến sĩ lữ lạc đến xin liên kết với Thiết mộc Chân, đồng thời vô số thanh niên Mông Cổ từ bốn phương kéo về qui tụ trong đoàn trại của chàng. Bây giờ chàng đã được mười bảy tuổi, không còn nghèo khổ, bị săn đuổi như con thú rừng nữa, mà đã nghiêm nhiên thành một chủ tướng. Đoàn trại của chàng bây giờ gồm có 8 bộ lạc với 1.300 lều và hàng ngàn gia súc.

Và đêm đêm ở khắp đất Mông Cổ, người ta ngồi quanh ngọn lửa

hồng nhắc đến tên chàng với một vẻ đầy cảm phục, kể cho nhau nghe những hành động mã thượng của chàng như những giai thoại kỳ thú.

Bốn năm qua! Đã đến lúc Thiết mộc Chân có điều kiện hỏi cưới nàng Bật Tê. Chàng cùng với Biên gô Đài dẫn 100 kỵ binh giáp mũ rực rỡ gươm giáo sáng loà lên đường đến bộ lạc của Đài xéch Sên. Chàng tin tưởng chắc chắn rằng nàng vẫn đợi mình và nhạc phụ vẫn không quên lời hứa, Thiết mộc Chân cảm thấy kiêu hãnh thực hiện được lời cam kết với cái địa vị của chàng hiện nay. Chàng thường nói: “Người ta sẽ khinh tôi nếu tôi đến với nàng như một thằng khố rách.”

Đến nơi chàng được tiếp rước niềm nở, Đài xéch Sên reo lên:

- A! Cậu hãy còn sống đây! Lại khoẻ đẹp khác thường, thật ta không tưởng tượng được! Sao mà lắm kẻ thù đến thế?

Thiết mộc Chân không ngờ tất cả tin tức về hoạt động của chàng ở đây đều rõ cả. Đài xéch Sên nhận ra qua bốn năm gian khổ, Thiết mộc Chân đã trở thành một người lớn, lực lưỡng vai rộng; da thẫm như gạch nung, đôi mắt sáng ngời như mắt dã thú, vẫn còn cái lối nhìn soi mói sắc bén nhưng rất cương nghị. Chàng ít nói hơn, nhưng mỗi điều chàng nói đều là đã suy nghĩ chín chắn.

Hôn lễ cử hành luôn mấy ngày. Món quà cưới quý nhất là cái áo choàng bằng lông điểu thử, mắc hơn tất cả của cải của chàng góp lại. Và bạn trở về không phải thêm nàng Bật Tê mà thôi, còn cả một đoàn tùy tùng gồm thanh niên thiếu nữ sẽ ở luôn bên đoàn trại của chàng gần bờ sông Onon. Vì theo tục lệ, vợ của một chủ tướng phải

ở lều riêng. Trại của Thiết mộc Chân bỗng chốc trở nên giàu có, đông đảo và hầu hết chiến sĩ đều là hạng trẻ như chàng.

Thành Cát Tư Hãn

Chương IV

CHINH PHẠT XỨ MIỆT-NHI

Cuộc sinh hoạt trong đoàn trại của Thiết Mộc Chân ở chân núi Bourkhane thật bình thản, kiêu hùng. Bọn thanh niên chỉ lo săn bắn, thỉnh thoảng lại tổ chức một buổi lễ vui nhộn. Ngày thì hoạt động rộn rịp vui vẻ, đêm thì hoàn toàn yên tĩnh đến nỗi không cần phải cho quân thám mã len lỏi trong rừng hay bắt lính canh gác trong lúc ngủ.

Một đêm bỗng muôn ngàn tiếng hò hét man dã vang lên bốn phía giữa canh khuya tịch mịch. Một đoàn quân lạ mặt tràn tới tấn công đoàn trại, phóng đuốc đốt lều và lừa gần hết súc vật đi.

Thiết Mộc Chân thoát nghĩ đây chắc là bọn Diệt Xích Ngột lại đuổi theo "trả miếng"! Chàng vớ lấy cung tên, cây lao và cái áo lông điều thừ, tót lên ngựa phóng vào hang núi. Dân chúng cũng chạy tán loạn, mạnh ai nấy trốn; luôn mấy ngày không một ai dám chường mặt ra. Núp trong các hẻm núi, họ thấy bọn kỵ mã lạ mặt xông xáo đi tìm họ, rồi lần lượt rút đi mất dạng. Thiết Mộc Chân sai vài tên thám mã lên

về quan sát tình hình. Đoàn trại chỉ còn là một khu đất hoang. Đàn bà, con trẻ, lều xe và phần lớn súc vật đã biến mất. Nhưng dấu chân của bọn giặc không dẫn về phía tây – phía mục trường của bộ lạc Diệt Xích Ngột mà dẫn lên phía bắc, vùng rừng rú.

Dân chúng và chiến sĩ lục tục kéo trở về. Nhiều người đã nhận diện được bọn giặc, bọn: Miệt Nhi (Merkites)

Miệt Nhi là một giống dân man rợ, tàn bạo, ở khoảng hạ lưu sông Sélenga, phía nam hồ Baikal. Tù trưởng của họ lúc bấy giờ là Tócc-Ta-Ga-Ba-Ki. Hơn hai mươi năm trước đây đã có lần Dã Tócc Cai đem quân lên tiêu trừ bọn này và bắt U Luân, một thiếu nữ của họ về làm vợ. Bây giờ họ quyết trút hết mối thù xưa lên con của Dã Tócc Cai. Nếu Thiết Mộc Chân rơi vào tay họ thì chắc chắn chàng sẽ bị chặt đầu hoặc phải làm nô lệ suốt đời.

Thiết Mộc Chân liền leo lên đỉnh núi Bourkhane cảm tạ Trời Xanh đã che chở cho chàng. Làm đúng theo tục Mông Cổ, chàng tháo giày đai ra máng lên cổ, quay ngược mũ trở ra sau rồi lạy chín lạy. Sau đó chàng rót một chén sữa ngựa xuống đất và khấn to lên: *“Hỡi núi Bourkhane! Đây là lần thứ nhì Núi đã cứu đời tôi. Tôi sẽ đem lễ vật lên dâng cho núi và bảo con cháu sau này phải dâng lễ vật cho núi mãi mãi.”*

Lúc trở xuống thì dân thoát nạn đã qui tụ ở chân núi chờ đợi. Họ nhao nhao lên: *“Bật Tê bị bắt mất rồi!”*

Ở quê nhà nàng sống thật bình an vô sự có bao giờ gặp cảnh bị đột

kích bất ngờ như thế này, nên làm sao biết cách tẩu thoát cho nhanh như mọi người. Thiết Mộc Chân không rên xiết, kêu than một tiếng, biết mọi sự xảy ra là do ở lỗi mình, vì quá khinh xuất nên Bất Tê lâm phải số phận thảm thương như vậy... Rồi chàng quyết định một việc mà lúc còn gian truân chàng cũng không hề làm: nén lòng tự ái xuống đi tìm người trợ giúp cho việc phục thù.

Chàng phi ngựa về miền tây, vượt mấy trăm dặm đường đến tận xứ Khắc Liệt (Kéraités).

Khắc Liệt là một bộ lạc hùng mạnh trên miền đồng cỏ. Mục trường của họ trải rộng giữa hai con sông Orkhon và Toula, nơi đây có con đường của các thương đoàn vắt ngang qua, đường khởi từ nước Kim tới xứ Nãi Man, Thổ Phồn (thuộc vùng Altai và Dzungarie). Xưa kia dân Khắc Liệt theo nhiều thứ đạo, nhưng đến khoảng năm 1.000 họ xoay qua Cảnh giáo. Bar Hebraeus, sử gia Syrie, thuật trường hợp ấy như sau: *“Một Khả hãn của họ đi lạc trong vùng sa mạc tưởng đã chết, bỗng có Thánh Sargis đến cứu sống, ông ta mới nhờ bọn thương nhân về thành Merv xin với Giáo chủ Ebedjesus gửi một giáo sĩ tới rửa tội cho ông và cả 200,000 dân bộ lạc.”*

Đến thế kỷ XII, toàn thể gia đình Khả hãn người nào cũng có tên thánh. Khoảng hai đời trước Thành Cát Tư Hãn, Khả hãn của họ là Marcus Bu-Di-Rúc, muốn làm bá chủ ở miền đông sa mạc Gobi, đem quân đi đánh Thát Đát và nước Kim, nhưng bại trận, bị quân Thát Đát bắt nạp cho quân Kim rồi bị đóng đinh trên lưng ngựa gỗ. Vợ của ông sau đó mưu báo thù cho chồng, giết được Khả hãn Thát Đát. Bu-

Di-Rúc có hai người con: Cua-Gia-Cui và Guộc-Khăng. Cua Gia Cui nối ngôi rồi sau truyền lại cho con là Tô-Ha-Rin. Guộc Khăng mượn thế lực của Nãi Man đoạt ngôi của cháu. Tô Ha Rin, nhờ có Dã Túc Cai cha của Thiết Mộc Chân trợ lực, lấy lại được ngôi Khả hãn. Từ đó Tô Ha Rin gây được một thế lực hùng hậu, có một trăm ngàn quân và trên một triệu gia súc. Thành của ông xây bằng đá rất kiên cố, việc buôn bán thật phồn thịnh. Các thương đoàn tới lui rầm rập, buôn đồ gia vị Ả Rập, tơ lụa Trung Quốc, vũ khí ở Damas cùng đủ loại hàng hóa của Tây Liêu, Hồi quốc...

Thiết Mộc Chân từ lâu đã có ý định đến thăm Tô Ha Rin nhưng mãi đến dịp này mới nhất quyết. Chàng dâng tặng chiếc áo lông hắc điều làm lễ tương kiến, nhắc đến tình thân thiết giữa cha chàng và Khả hãn rồi tự nguyện làm nghĩa tử.

Tô-Ha-Rin đã nghe thuộc hạ báo cáo về vụ quân Miệt Nhi đột kích vào bộ lạc Mông Cổ. Bọn này cũng thường công khai quấy rối dân Khắc Liệt. Nay thấy đứa con của người bạn cũ tỏ lòng trung nghĩa như vậy, Khả hãn không thể làm ngơ được, hơn nữa chiếc áo đã làm cho vị Chúa hết sức hài lòng. Tức khắc lệnh truyền xuống, một quân đoàn tinh nhuệ lên đường đặt dưới quyền chỉ huy của Thiết Mộc Chân.

Tin loan đi thật nhanh khắp miền đồng cỏ: Thiết Mộc Chân chỉ huy quân đoàn Khắc Liệt. Thiết Mộc Chân là nghĩa tử của Tô-Ha-Rin, Khả hãn hùng mạnh nhất.

Cuộc diện thay đổi thật bất ngờ: khắp bốn phương người Mông Cổ trùng trùng kéo về đứng dưới bóng cờ của Thiết Mộc Chân. Kẻ thì muốn cho người ta quên lững chuyện năm năm trước họ đã hèn nhát bỏ chàng ra đi; kẻ thì thấy cần phải nhờ chàng che chở mới thoát khỏi tham vọng của Tạc Gô Đài; kẻ khác muốn thừa nước đục thả câu: tấn công bọn Miệt Nhi sẽ thu được một mớ chiến lợi phẩm. Trong đó lại có Trác Mộc Hợp tù trưởng dân Gia-Di-Ra. Ông ta mình là bạn chí thân của Thiết Mộc Chân, thưở nhỏ hai người thường giỡn trên mặt băng ở sông Onon, bây giờ không thể bỏ bạn cũ được nên đã dẫn trọn bộ lạc tới!

Liên quân Mông Cổ - Khắc Liệt – Gia Di Ra – dưới quyền điều khiển của Thiết Mộc Chân đại thắng quân Miệt Nhi. Về cuộc chinh phạt đầu tiên này, sử Mông Cổ chép như sau: *“Ba trăm người đã tới đột kích đoàn trại Thiết Mộc Chân ở núi Bourkhane bị tàn sát không còn một mống nào cả, tất cả vợ con của bọn chúng đều bị bắt về làm nô lệ.”*

Lúc xông vào lều của Sinh Rê Bô Kô là cháu ruột của mẹ mình, Thiết Mộc Chân gặp Bật Tê ẵm một đứa bé trai còn đỏ hỏn. Chàng đặt tên cho nó là Truật Xích (Djoutchi: có nghĩa là không mong đợi) vì không tin chắc nó là hòn máu của mình. Cuộc hành binh chấm dứt ở đây, chàng nói: *“Tôi đã gặp được người tôi đi tìm”* và liền cho quân đoàn Khắc Liệt trở về xứ với tất cả chiến lợi phẩm.

Người ta không hiểu tại sao sẵn dịp này Thiết Mộc Chân không tận diệt hết bộ lạc Miệt Nhi. Dụng ý của chàng thật khó đoán được. Có thể là để giữ quân bình lực lượng, không muốn người Khắc Liệt bành

trưởng thế lực ra, hoặc cần phải trở về đoàn trại gấp phòng bọn Diệt Xích Ngột đánh úp lúc vắng mặt.

Sau trận này, Thiết Mộc Chân không còn đơn độc nữa, trên chiến trường chàng có dịp nói lại nghĩa xưa với Trác Mộc Hợp và hơn một năm trời hai người thường đi chung trong mục trường Mông Cổ. Trong lúc ấy, Tạc Gô Đài vẫn theo dõi hành động của Thiết Mộc Chân, không nghĩ tới việc tấn công nữa, tuy nhiên Thiết Mộc Chân vẫn cẩn mật đề phòng và không hề xâm phạm tới mục trường của ông ta. Chàng thường tiếp xúc với các bộ lạc phiên thuộc của Tạc Gô Đài, tìm đủ mọi cách lôi kéo họ về với mình, khi thì mở tiệc thết đãi, khi thì mời họ cùng đi săn và bao giờ cũng chia thịt cho họ nhiều hơn... Không bao lâu người ta đồn đãi: *“Bọn chủ tướng Diệt Xích Ngột bắt chúng ta gánh vác nhiều việc khó nhọc quá; họ còn lấy ngựa đẹp, da tốt của chúng ta. Còn Thiết Mộc Chân thì thật rộng rãi, ông cho cả bộ đồ đang mặc, tặng cả con ngựa đang cỡi...”*

Lần lượt nhiều bộ lạc kéo róc qua gia nhập đoàn trại Thiết Mộc Chân gây thành một cảnh thịnh vượng, đông đảo vô cùng.

Đêm xuống, bọn chiến sĩ quây quần quanh ngọn lửa trại ca ngợi những chiến công anh dũng của các Khả hãn ngày xưa và thì thào bảo nhau là Trời Xanh đã quyết định sai một vị anh hùng xuống thống nhất tất cả các bộ lạc Mông Cổ và rồi đây Mông Cổ sẽ khởi binh phục thù tất cả những kẻ đã dày xéo họ.

Mộc Hoa Lê, một cánh tay đắc lực của Thiết Mộc Chân còn tuyên bố

công khai rằng: *“Vị anh hùng đó không ai khác hơn là Thiết Mộc Chân.”*

Nhưng có một điều khiến cho Thiết Mộc Chân khó giải quyết ổn thỏa là việc thu nhận Trác Mộc Hợp. Dân Mông Cổ rất phân giai cấp. Thiết Mộc Chân vốn thuộc dòng quý tộc cho nên các tù trưởng khác mới chịu về thần thuộc, họ thấy chẳng những được che chở mà còn là một vinh dự. Phần Thiết Mộc Chân nếu không nhờ bọn quý tộc thì không làm sao gây thanh thế lớn và tổ chức lực lượng hùng mạnh được, Trác Mộc Hợp gốc là thường dân, bộ lạc của ông ta thật đông đảo nhưng toàn là dân nghèo. Sự có mặt của ông ta khiến cho nhiều tù trưởng và bọn quý tộc ở các nơi ngần ngại chưa chịu theo Thiết Mộc Chân. Ngay trong đoàn trại cũng đã có sự lúng củng: đa số dân của Thiết Mộc Chân đều giàu, có nhiều ngựa, trâu bò, còn dân của Trác Mộc Hợp chỉ có chiêm trừu; gần như ngày nào dân của hai bên cũng có sự đụng chạm bất hòa.

Những người bạn đầu tiên của Thiết Mộc Chân như Bác Nhĩ Truật, Gia Luật Mễ, Mộc Hoa Lê cũng thuộc giai cấp thường dân nhưng trí khôn ngoan, lòng can đảm và lòng trung tín của họ ai cũng khâm phục, nên Thiết Mộc Chân đem họ vào Hội Đồng Quý Tộc (Kouriltai) được, còn Trác Mộc Hợp thì không ai hài lòng cả. Mãi rồi mẹ và vợ của Thiết Mộc Chân cũng khuyên chàng hãy ly khai Trác Mộc Hợp. Họ nói: *“Bọn Trác Mộc Hợp thấp kém quá, không có phong tục tập quán tốt đẹp như dân ta. Hấn lại khinh thường tục lệ và hay gây rắc rối...”* Thiết Mộc Chân lưỡng lự thật lâu. Hai bộ lạc sống chung với nhau được một năm rưỡi rồi giờ đây nếu ly khai, thế lực của chàng sẽ sút giảm. Nhưng rồi đã đến lúc phải quyết định: ly khai Trác Mộc

Hợp.

Sau đó, quả nhiên tất cả những dòng quí tộc còn sống lẻ tẻ đây đó mang hết của cải của họ tới nhập đoàn trại Thiết Mộc Chân. Trong số đó có Đa Di Đài, cháu nội của Khả hãn Ka Buôn; Xát sa-batki, chất nội; An Tăng, con của Khả hãn Ka Buôn; Cuốc-Sa... đều thuộc dòng chính thống của bộ tộc Bọt-Di-Dinh. Mỗi nhà quí tộc nhập đoàn trại đều kéo theo một số đông bộ lạc khác. Các chủ tướng đều hãnh diện được ngồi chung với những nhà quý phái nhất của xứ Mông Cổ.

Thành Cát Tư Hãn

Chương V

Đại Thắng Quân Diệt Xích Ngột

Không bao lâu đoàn trại của Thiết Mộc Chân gồm có 13.000 lều tất cả. Ai cũng được đối xử đúng với địa vị của mình và giao phó cho một nhiệm vụ xứng đáng. Thiết Mộc Chân đặt ra một thứ kỷ luật mới thật nghiêm minh. Không bao giờ chàng tha thứ sự xâm phạm quyền lợi của kẻ khác. Họ yêu mến chàng đến nỗi không bao giờ gian dối trong việc đóng góp lợi tức, có giấu bớt một con bê, một con trâu cũng thấy xấu hổ, và chàng không phải là một chủ tướng ham lợi: ai tặng cho món gì, chàng đáp lễ bằng một món khác giá trị hơn. Hơn nữa, lúc nào cũng tỏ ra lưu tâm săn sóc đến mọi người.

Thiết Mộc Chân lại có một sáng kiến chưa ai từng nghĩ đến: bày cho chiến sĩ một trò chơi, một trò tiêu khiển thú vị không thua đi săn hay đi đánh trận, đó là trò Tác Chiến. Với 13.000 chiến sĩ, chàng chia ra làm 13 Thiên Phu (Gourane). Mỗi Thiên Phu là một đơn vị biệt lập, tự lo thao dượt, phát triển. Chiến sĩ của mỗi đơn vị đều cùng một tộc họ, hoặc cùng bộ lạc với nhau. Họ dàn những thế công thế thủ, giao chiến với nhau gần như thật để rèn cho tinh thực binh pháp: hoặc tấn công ồ ạt, hoặc bất ngờ đánh thốc vào hông đối phương cắt hàng ngũ ra. Trò chơi này quả thích hợp với tinh thần hiếu chiến của dân Mông Cổ. Lắm khi Thiết Mộc Chân phải can thiệp, sợ họ hăng say quá nên đổ máu sinh thù; vì thật sự đó là cuộc thi đua, đơn vị nào kém cỏi cũng thấy nhục nhã cho bộ lạc, cho tộc họ của mình. Trò chơi này còn tập cho chiến sĩ biết phối hợp khả năng, hoạt động cho đồng đều, luyện tinh thần kỷ luật và tinh thần đồng đội. Nhờ đó hễ đoàn trại càng đông dân, quân sĩ càng thuần thục, hùng mạnh. Mỗi thanh niên Mông Cổ là một tay thiện xạ, một kỵ binh tuyệt giỏi, chẳng bao lâu Thiết Mộc Chân biến dân tộc mình thành một dân tộc chiến đấu, một dân tộc kỵ mã vũ trang mà khắp thế giới thời bấy giờ chưa ai biết thực hiện.

Mùa xuân và mùa thu là mùa di chuyển đoàn trại sang mục trường mới. Cuộc hành trình này thật nguy hiểm vì súc vật đông đảo, đàn bà trẻ con chậm chạp, xe cộ chở đồ đạc nặng nề... là một cơ hội tốt cho quân địch đến tấn công.

Nhưng với tài chỉ huy của Thiết Mộc Chân mọi người đều thấy không

đáng lo ngại nhiều. Chàng tổ chức phòng bị rất chu đáo, lưu ý đến cả những điều thật nhỏ nhặt. Chàng cho một đội kỵ binh trinh sát đi trước tể ra thành hình cánh quạt. Phận sự của họ là tìm chỗ đóng trại, tìm suối nước trong lành và đồng cỏ tốt rồi gửi liên lạc trở về báo cáo kết quả. Lúc chiến tranh thì đội quân này sẽ khám phá ra những ổ phục kích hoặc tóm cổ những tên do thám của địch rải ở dọc đường.

Tiếp theo là đoàn quân tiền phong, lực lượng khá mạnh đủ sức đương đầu với quân địch. Bình thường họ có nhiệm vụ chuẩn bị mọi việc cần thiết để dựng trại, lo cho đủ nước dùng, sắp đặt cho súc vật tới uống nước có trật tự.

Sau đó đoàn trại mới lên đường, gồm có đàn bà, trẻ con, các đoàn súc vật, xe chở đồ đạc dụng cụ.

Cuối cùng là quân đoạn hậu, giúp đỡ những người dân rút lại sau, bắt các con thú lạc bầy và đề phòng quân địch xuất hiện phía hậu.

Thình lình quân trinh sát ở các nơi phi ngựa về báo cáo: bọn Diệt Xích Ngột đông như kiến cỏ đang hướng về phía đoàn Mông Cổ di chuyển. Họ có bắt được một tên do thám... Thì ra Tạc Gô Đài quyết đánh úp đoàn trại của Thiết Mộc Chân. Hấn huy động nhiều bộ lạc lân cận, quân số độ 30.000 người.

Mười ba ngàn chống với ba mươi ngàn. Nhưng nhờ trận này Thiết Mộc Chân có đầy đủ kinh nghiệm để giao chiến với những lực lượng

đông gấp bội. Suốt đời trận mạc của Thiết Mộc Chân trừ một vài trận, còn thì gần như lúc nào cũng phải đánh với kẻ địch có quân số năm, ba lần đông hơn. Lần này Tạc Gô Đài lại có nhiều lợi thế hơn, toàn là quân khinh kỵ, không vướng víu gì cả, còn bên Thiết Mộc Chân thì đàn bà, trẻ con, súc vật nặng nề, hỗn tạp vô cùng.

Trong phút tối nguy hiểm này, cách đối phó thông thường là đem tất cả xe sắp thành một vòng tròn làm vách thành bảo vệ người và súc vật. Các chiến sĩ tiến ra chặn địch, nếu không thắng lợi thì rút vào bức thành xe giữ thế thủ. Đột nhiên Thiết Mộc Chân bỏ chiến thuật quen thuộc ấy, cho dàn trận theo một lối mới kỳ lạ. Giao cho phụ nữ và trẻ con sử dụng cung tên thủ thành, còn 13 Thiên Phu thì nối nhau giăng thành một hàng, từ bức thành xe đến một cánh rừng rậm, ngựa không thể xông vào được. Mỗi Thiên Phu dàn thành 10 hàng, mỗi hàng 100 chiến sĩ. Kỵ binh áo giáp sắt và ngựa có bọc áo da đều sắp ở mặt tiền và mặt hông.

Quân Diệt Xích Ngột giăng chữ nhất, năm hàng tiến tới. Hàng đầu của họ cũng toàn là quân giáp sắt. Thành linh họ dừng lại để cho quân khinh kỵ ở phía sau lướt ra trước phóng lao và tưới một trận mưa tên vào quân Mông Cổ. Các Thiên Phu của Thiết Mộc Chân giữ vững vị trí của mình và đáp lễ y như vậy, nhưng nhờ đứng yên một chỗ họ nhằm trúng đích hơn, quân địch rút lui tả xuống ngựa. Thấy bất lợi, bọn khinh kỵ của địch toan quay về vị trí, nhường cho bọn thiết kỵ ở phía sau thúc ngựa phóng nước đại toan lao tới phá vỡ hàng giáp binh Mông Cổ. Nhưng ngay lúc bọn khinh kỵ vừa xoay lưng, Thiết Mộc Chân liền phóng tất cả 13 Thiên Phu ồ ạt phản công

(đúng lúc hai hàng kỵ binh địch vừa giao nhau ngược chiều). Đạo quân 10 hàng của Mông Cổ phá vỡ ngay mặt trận mỏng manh của Diệt Xích Ngột, chẻ chúng ra làm 13 nhóm, mỗi Thiên Phu Mông Cổ bao vây một nhóm, dốc toàn lực ra sát phạt. Một cánh quân kỵ địch thoát vòng vây phóng lại tấn công bức thành xe hy vọng đoạt lấy của cải chất trong đó để vớt vát một phần nào những tổn thất về sinh mạng. Nhưng chúng dội lại trước trận mưa tên của nhóm phụ nữ và trẻ con; chưa biết tiến thoái ngã nào thì phía sau lưng một Thiên Phu Mông Cổ quay lại đánh tập hậu. Bọn chiến sĩ của các bộ lạc theo Tạc Gô Đài thấy hết hy vọng kiếm chác chút ít chiến lợi phẩm, liền nói nhau chạy dài... Lúc mặt trời vừa khuất sau rặng núi, trận chiến mới kết thúc. Quân Mông Cổ đại thắng: hơn 6 ngàn quân Diệt Xích Ngột bị giết, 70 viên tướng bị bắt sống, trong đó có Tạc Gô Đài.

Quân Mông Cổ cũng bị thiệt hại khá nặng nề. Thiết Mộc Chân bị một mũi tên ghim xéo trên cổ, nhờ Gia Luật Mễ liều mình chống đỡ đem chàng ra sau trận tuyến. Khi tỉnh dậy, Thiết Mộc Chân ra lệnh giết tất cả 70 tù binh, trước nhất là Tạc Gô Đài.

Lệnh đó trái với tục lệ Mông Cổ xưa nay, chỉ bắt tù binh làm nô lệ hoặc cho chuộc thật mắc. Nhưng lúc đó Thiết Mộc Chân tự cho mình là một Khả hãn hợp pháp dòng Dã Tốc Cai chính thống, còn bọn kia là bọn phiến loạn.

Sau trận này, đoàn trại Mông Cổ kéo đến đóng tại mục trường phía hạ lưu sông Onon.

Các nhà chép sử Ba Tư ghi rằng: “Bảy chục viên tướng Diệt Xích Ngột đều bị quăng sống vào vạc nước sôi”. Còn theo sử của Nga thì Thiết Mộc Chân cho giát bạc cái sọ của Tạc Gô Đài và dùng làm bình đựng rượu, về sau người ta gọi cái bình ấy là “Cơn phần nộ của Thành Cát Tư Hãn”. Nhưng không thấy sử của Trung Hoa và Mông Cổ nói đến việc ấy. Dù sao, một việc làm tàn bạo và vô ý nghĩa như thế rõ là trái với bản tính của Thiết Mộc Chân. Chàng có thể lạnh lùng khi ra lệnh biến một đô thị thành đồng tro tàn nếu nơi đó kháng cự lại, biến một tỉnh phì nhiêu thành sa mạc hoang vu vì sợ dân ở đó nổi dậy. Tất cả sự bạo tàn ấy đều có mục đích rõ rệt: lợi ích quân sự, hoặc báo thù hoặc khủng bố. Sinh mạng con người đối với chàng không có nghĩa gì cả, như chàng thường nói: “Ta vì mưu đồ việc lớn sá gì lũ dân đen” nên lúc cần thì giết phăng hết như người ta giết chuột. Nhưng chàng không có hành động bạo tàn để tiêu khiển, hoặc để thỏa mãn bản chất tàn bạo như nhiều nhà vua trong lịch sử. Mà lắm khi lại tỏ ra rất rộng rãi, bao dung, tha thứ cả kẻ thù riêng của mình nữa.

Trên đường về sông Onon, thành lình có một kỵ binh đón đường xin gặp mặt Thiết Mộc Chân. Hắn quỳ xuống thưa:

- Tôi tên là Diệt Ga Đài ở bộ lạc Ích Xu. Chính tôi đã bắn phát tên làm cho Ngài bị thương trên cổ. Ngài giết tôi chỉ làm bẩn đất mà thôi có lợi gì? Mong Ngài ra ơn thu dụng tôi, tôi nguyện sẽ tận tâm báo đáp, thác đang chảy tôi có thể làm cho dừng lại, núi cản đường Ngài tôi sẽ đập nát ra thành cát bụi.

Bọn vệ sĩ của Thiết Mộc Chân đã hầm hầm tuốt gươm ra chờ một

hiệu lệnh là chém phăng tên tiểu tốt. Nhưng Thiết Mộc Chân không hề động tay, chăm chú nhìn tên kỵ binh đang quỳ trên cát, ra chiều nghĩ ngợi. Chàng nói:

- Muốn giết một kẻ địch bao giờ người ta cũng giấu kín ý định. Người đã khai hết sự thật cho ta rõ, vậy người là chiến hữu của ta từ giờ này. Để kỷ niệm thành tích của người, từ nay ta gọi người là Triết Biệt (Djébé: Mũi tên).

Nói xong Thiết Mộc Chân cho hắn đứng dậy, bảo hắn gọi về chín người nữa, lập thành một Thập Phu để hắn chỉ huy.

Đó là một nét đặc biệt trong cá tính của Thiết Mộc Chân, suốt đời không thay đổi. Chàng rất chuộng tính ngay thật, lòng can đảm và lòng trung tín, cho dầu người đó là kẻ thù. Mỗi lần thu dụng một người như thế chàng tin rằng họ sẽ rất đắc lực vì muốn chuộc lại lỗi lầm trước kia. Và Thiết Mộc Chân không bao giờ làm lẫn trong việc chọn người trung kiên. Như tên Triết Biệt này về sau trở thành Thân Vương Triết Biệt, là viên Thượng Tướng đã xua quân đoàn tiên phong vào đất Trung Quốc, chinh phục Tây Liêu, vượt núi Pamir và cùng với Tốc Bất Đài chiếm Ba Tư rồi vượt núi Caucase đánh tan rã quân Nga.

Ít lâu sau Thiết Mộc Chân di chuyển đoàn trại về vùng đất cũ. Tiếng đồn loan ra khắp nơi. "Thiết Mộc Chân là người kế vị chánh thức của bộ tộc Bọt Di Dinh: ai bất tuân là kẻ phản loạn, sẽ bị trừng phạt; ai biết tuân lệnh và muốn được che chở hãy đến tỏ lòng trung với chúa".

Những bộ lạc bỏ ra đi hồi Dã Tốc Cai chết đều lần lượt trở về quy phục, cả những tộc họ trong bộ lạc Diệt Xích Ngột trốn tránh tản lạc cũng lũ lượt kéo về sông Onon. Thiết Mộc Chân thân mật tiếp đón tất cả mọi người; lại có lão Muôn Lịch nữa! Lão trở về với vẻ bề lển xấu hổ. Thiết Mộc Chân không mở một lời khiển trách, lại còn cho ông ta dựa vào hàng quý tộc. Tự biết mình làm lỗi, Muôn Lịch hết sức cố gắng hoạt động để gây lại thiện cảm và sự tín nhiệm của Thiết Mộc Chân. Ông ta đi tiếp xúc từng bộ lạc, từng gia đình, giải thích cho mọi người hiểu rằng: Đã đến lúc phải bầu một Khả hãn Mông Cổ.

Tất cả đều tán thành nhiệt liệt. Con của Muôn Lịch là Cốc Chu, một tay pháp sư trẻ tuổi đầy uy tín, tuyên bố rằng “Ý của Trời Xanh muốn chọn Thiết Mộc Chân làm Khả hãn. Chúng ta không nên làm trái ý Trời”.

Hội đồng quý tộc liền nhóm họp; Muôn Lịch đề nghị bầu Thiết Mộc Chân. Chàng khiêm tốn giới thiệu lần lượt bốn nhà quý tộc cao niên hơn. Họ đều từ chối và đồng thanh nói:

- Chúng tôi chỉ muốn ông lên làm Khả Hãn. Nếu ông sẵn sàng nhận thì chúng tôi cũng sẵn sàng xung phong giết giặc. Bắt được gái đẹp và chiến lợi phẩm quý giá chúng tôi sẽ dâng hết cho ông. Nếu mở cuộc săn, chúng tôi cũng sẽ đi trước, hạ được thú chúng tôi xin dâng tất cả cho ông. Còn ra trận nếu chúng tôi không tuân lệnh, cũng như trong đoàn trại mà chúng tôi làm điều gì tổn hại đến uy tín của ông, xin ông cứ bắt vợ con chúng tôi, tịch thu hết gia súc rồi đuổi chúng tôi ra sa mạc.

Thiết Mộc Chân đáp lời

- Tất cả các vị có mặt trong buổi hội này đều quyết định đoàn tụ trong lãnh thổ Mông Cổ và bầu tôi làm Khả hãn. Tôi cũng xin nguyện, nếu Trời Xanh phù trợ tôi thì các vị là những người đầu tiên có công phục quốc, các vị chắc chắn sẽ hưởng được nhiều vinh quang hơn hết. Sau cuộc bầu cử, một tiệc liên hoan bày ra thật long trọng. Mọi người đều được uống Koumiss (sữa chua) và Karakoumiss (rượu sữa) thỏa thích.

Thật ra buổi tiệc ấy không những để mừng vị Khả hãn 28 tuổi mà còn mừng cho cuộc hôn nhân của Muôn Lịch và bà U Luân, mẹ của Thiết Mộc Chân. Đây là một trường hợp đặc biệt vì theo tục Mông Cổ đàn bà góa chồng không được tái giá; họ tin rằng sau khi chết người góa phụ sẽ gặp lại chồng cũ. Con trai có thể kết hôn với vợ nhỏ của cha mình, trừ mẹ ruột. Muôn Lịch lấy bà U Luân trước là để tỏ lòng trung với chúa cũ, sau nữa là không phụ lòng chúa đã gửi gắm người vợ lại cho mình.

Thành Cát Tư Hãn

Chương VI

LIÊN MINH VỚI KHẮC-LIỆT ĐÁNH THẮT-ĐẤT

Từ lâu rồi bộ lạc nào cũng có Khả hãn, Tộc trưởng hay Thân vương

lãnh đạo; nhưng uy quyền của những tay lãnh đạo này chẳng đáng kể. Các bộ lạc nay quy phục vị chúa này mai vị khác, hoặc đánh lẫn nhau, hoặc thừa cơ hội quyền chúa suy nhược họ lật đổ xuống.

Thừa hiểu tất cả những bất trắc thường xảy ra, cho nên nắm quyền Khả hãn rồi Thiết mộc Chân liền đốc tâm củng cố đoàn trại mình. Ông tuyển những người khỏe, can đảm, bắt luyện tập ngày đêm, bắn cung, tác chiến... dưới sự lãnh đạo của bốn viên tướng trung kiên nhất: Bác nhĩ Truật, Gia luật Mễ, Mộc hoa Lê, Biên gô Đài. Sau một thời gian, những chiến binh này mới được sung vào hàng ngũ chánh qui. Chẳng bao lâu vị Khả hãn trẻ tuổi thành lập được một đạo quân thường trực tinh nhuệ sẵn sàng chiến đấu và trung thành tuyệt đối. Ngoài bộ lạc Mông cổ, ông bắt tay vào việc tổ chức các bộ lạc khác trong khắp lãnh thổ. Để bảo vệ các phiên thần trong lúc nguy biến, ông tổ chức một hệ thống liên lạc cho các bộ lạc ở xa có thể báo cáo mọi biến cố quan trọng; thành lập một đoàn mã khoái “nhanh như tên bay” gồm những kỵ sĩ cưỡi thiên lý mã chạy dựng tóc. Khi gần tới trạm thì thổi còi lên báo hiệu. Thừa trạm nghe lệnh liền cho một kỵ mã khác hờm sẵn chực người kia tới để nghe truyền mạng lệnh rồi cho ngựa phi tức khác; cứ như thế từ trạm này sang trạm khác. Tin tức từ những vùng cách ba ngày đi ngựa có thể tới tai Khả hãn ngày hôm sau. Từ trước nay chưa có Khả hãn nào biết sớm và biết tất cả mọi việc xảy ra trong lãnh thổ như thế: một bộ lạc sắp di chuyển qua đồng cỏ mới, một bộ lạc thân hữu sắp đến viếng, hoặc những tin thông thường như một thương đoàn nào đó mới tới...

Nhờ hệ thống liên lạc này mà Thiết mộc Chân hay tin nước Kim bắt

ngờ gởi một sứ giả tới tiếp xúc với Tô ha Rin; tức thì ông phái một đoàn đại diện đi mời sứ giả nước Kim đến viếng đoàn trại mình. Sứ giả Kim ngoài nhiệm vụ chính còn có nhiệm vụ dò xét tình hình các bộ lạc ở miền Bắc, cho nên họ sẵn sàng tạt qua miền Onon tìm hiểu thử coi Khả hãn mới của Mông Cổ đang toan tính những gì.

Cuộc gặp gỡ đã tạo cho hai bên một mối thiện cảm. Thiết mộc Chân đón tiếp sứ giả Kim một cách chu đáo, đúng lễ nghi nhờ ý kiến và cách xếp đặt của Bất Tê, vốn là dân láng giềng của nước Kim. Sứ giả Kim rất hài lòng, tỏ ra tin tưởng ở Thiết mộc Chân. Họ cho biết một bộ tộc lớn của Thát Đát mới đây – thêm một lần nữa, xâm nhập vào biên cảnh nước Kim cướp phá. Cho nên hoàng đế nước Kim đã xuất quân đi chinh phạt. Nhưng dân Thát Đát cứ theo cái lối cũ, hễ đại quân Kim vừa kéo tới là họ rút đi xa, trốn trong những miền hoang vu không thể nào truy kích được. Mục đích chuyến đi này là kêu gọi Khả hãn Khắc Liệt liên kết với Kim chặn đường thoái của bọn Thát Đát. Thiết mộc Chân liền chớp ngay cái cơ hội ngàn năm một thuở này, không những để báo thù cho cha bị người Thát Đát đầu độc mà còn để gây uy thế trong bộ lạc Mông Cổ cũng như trong toàn miền đồng cỏ. Liên sau đó, ông gởi một đội mã khoái “Tên bay” qua Khả hãn Tô ha Rin đề nghị phối hợp quân lực đi đánh Thát Đát. Đồng thời ra lệnh cho những đoàn trại Mông Cổ ở gần xứ Thát Đát phải tìm mọi cách xâm nhập vào xứ này dò xét lực lượng và vị trí đóng trại của họ.

Trận này, mặt trước phải đối địch với quân Kim, mặt sau bị liên quân Mông Cổ đánh bất ngờ, quân Thát Đát thảm bại. Tất cả những chiến

lợi phẩm mà quân Thát Đát đoạt được ở nước Kim đều sang qua tay liên quân Mông cổ - Khắc liệt. Trong số đó có một món Thiết mộc Chân thích nhất là cái nồi bằng bạc với cái mền viền kim tuyến mà dân du mục chưa hề thấy bao giờ. Ông liền gửi về cho Bột Tê; nhưng đối với Thiết mộc Chân điều quan hệ hơn cả là lần thứ nhất ông đã tập hợp được tất cả các bộ lạc trên đất Mông Cổ dưới quyền chỉ huy của mình, xua họ ra mặt trận và chiến thắng vẻ vang.

Sau trận này tướng Kim gửi báo tiếp tin về triều có kể rõ công lao của hai Chúa Khắc liệt và Mông Cổ. Tô Ha Rin được Hoàng đế Kim phong Quốc vương xứ Khắc Liệt (nên về sau gọi là Vương Hãn) còn Thiết Mộc Chân được phong Đại Kim Quốc Bắc Cường Chiêu Thảo Sứ. Với chức tướng này, Thiết Mộc Chân có thể liên lạc trực tiếp với nước Kim gây một ưu thế riêng trong miền đồng cỏ và cũng là lần thứ nhất Thiết Mộc Chân xuất hiện trong lịch sử nước Kim (1194).

Được sắc phong vương tước, Tô Ha Rin hết sức thoả mãn càng quý mến nghĩa tử của mình. Thiết Mộc Chân cũng không bỏ lỡ dịp nào để tỏ lòng trung tín đối với vị chúa Khắc Liệt. Họ tổ chức chung một buổi lễ mừng chiến thắng và mừng tước phong rồi cùng đi săn trên lãnh thổ của Mông Cổ. Mông Cổ tặng cho Khắc Liệt nhiều tấm da quý với tất cả thịt săn được. Hai bên cam kết giữ bền chặt mối thân thiện và nếu chẳng may có việc gì lung củng xảy ra giữa hai xứ, hai vị chúa sẽ đích thân giải quyết theo tình hữu nghị.

Lúc chuẩn bị đánh quân Thát Đát, Thiết Mộc Chân có kêu gọi bộ lạc của Xát Sa và bộ lạc của Đài Su nhưng họ không tuân lệnh. Ông nói

với các tướng: “Chúng nó đánh Biên Gò Đài, ngay trong lều của tôi, giờ lại không tuân lệnh đi đánh giặc. Ta không xứng đáng là Khả hãn của chúng nó sao?”

Ông liền thông báo cho Tô Ha Rin hay, rồi hai vị chúa liền mở cuộc hành quân trừng phạt hai tên tù trưởng bất tuân thượng lệnh. Xát Sa và Đài Su đều bị giết, hai bộ lạc bị tàn sát gần hết.

Lúc Tô Ha Rin bận đi đánh quân Thát đát, nhiều bộ lạc Nãi man tràn qua đất Khắc liệt cướp phá, Thiết Mộc Chân liền đem quân tới giúp nghĩa phụ quét sạch mấy bộ lạc đó.

Sau mấy vụ này tất cả những bộ lạc ở phía Bắc, phía Tây, phía Đông và Đông Bắc đều cảm thấy cuộc liên minh này là một hiểm họa đối với họ. Từ đó, hết năm này đến năm khác, hoặc quân của Tô Ha Rin hiệp với quân của Thiết Mộc Chân, hoặc quân thiện chiến của Thiết Mộc Chân trợ lực quân Tô Ha Rin, lần lượt chinh phục những bộ lạc ương ngạnh: kẻ nào không đầu hàng vô điều kiện sẽ bị đánh bại chớp nhoáng, bị cướp sạch hoặc bị quét ra sa mạc hay vô rừng sâu. Tất cả của cải, súc vật đoạt được hai vị chúa đều chia đều nhau. Nhưng việc đối xử với tù binh hai người chủ trương khác nhau: tù binh trong tay người Khắc liệt đều bị bắt làm nô lệ. Thiết mộc Chân thì trái lại, ông chọn những tay thiện chiến cho gia nhập vào quân đội, cho họ cưới con gái Mông cổ và ngay sau lần xuất trận thứ nhất họ vẫn được chia phần chiến lợi phẩm. Nhờ vậy mà sau mỗi cuộc hành binh, quân đội Mông cổ càng đông càng mạnh hơn.

Sáu năm qua; đến năm thứ bảy (1201 sau T.C) Khả hãn những bộ tộc lớn bắt đầu thấy rõ trước sau gì họ cũng sẽ bị tấn công và đặt dưới quyền thống trị của Mông cổ.

Trác Mộc Hợp từ khi ly khai với Thiết Mộc Chân vẫn luôn luôn theo dõi hoạt động của người bạn quý tộc và tìm đủ mọi cách liên minh với các bộ lạc khác. Bọn Tút Sa tù trưởng Miệt Nhi, bọn Bạc Gút, Sen Dút, Ha Ta Kít, cùng với những bộ lạc Thát đất chưa thuần phục và bọn Sung Di Rát xưa nay coi dân Mông cổ như thứ dã man... đều qui tụ sau lưng Trác Mộc Hợp chống lại Thiết Mộc Chân. Họ cho Thiết Mộc Chân là một Khả hãn nguy hiểm, nhiều tham vọng, là người chủ trương xâm lăng và gây ra tất cả tai họa; vì từ mấy chục năm nay có bao giờ Tô Ha Rin nghĩ đến việc bành trướng thế lực của mình ra đâu.

Họ mở đại hội bên bờ sông Argoun, tổ chức một cuộc tế lễ vĩ đại chưa bao giờ có trong xứ du mục. Đồ tế gồm có bạch mã, bò rừng, chiên, chó. Trác Mộc Hợp hô to lên trước rồi mọi người nghiêm chỉnh xướng theo: “Hỡi Trời Xanh! Hỡi Thổ Thần! Các Ngài đã tạo ra những con vật này, hãy chứng giám lời thề của chúng tôi: nếu chúng tôi bội ước, làm tan vỡ cuộc liên minh như đã quyết định, chúng tôi sẽ chết thê thảm như những con vật này!” Xong rồi họ kéo lên triền đồi hạ một số cây to lăn xuống dòng sông và hét lớn lên: “Kẻ nào trong bọn ta phản bội lời thề, số phận sẽ như những cây này!” Rồi nhứt loạt bầu Trác Mộc Hợp lên làm Đại hãn (Hoàng đế) hội binh mưu diệt kẻ thù chung.

Trác Mộc Hợp lưỡng lự giữa hai kế hoạch: hoặc tức khắc xuất quân đi đánh Thiết Mộc Chân, hoặc chờ một số bộ lạc ở xa tới cho thêm hùng hậu. Nhưng chờ lâu thật bất lợi. Kẻ thù sẽ có đủ thời giờ phân phối lực lượng. Ngay bây giờ thì Tô Ha Rin đang đóng bên bờ sông Toula, Thiết Mộc Chân bên bờ Onon, họ ở xa nhau hàng trăm dặm và chưa biết gì. Sau cùng Trác Mộc Hợp quyết định: tấn công ngay lúc địch chưa phòng bị. Nhưng ông ta quên rằng Đài Xích Sên có được mời mà không đến tham dự buổi lễ tuyên thệ.

Thấy triệu chứng không lành Đài Xích Sên liền hoả tốc báo cho chàng rể hay tin. Chỉ trong vài hôm quân thám mã của Thiết Mộc Chân đã biết mọi mưu toan và nơi tập trung của bọn Trác Mộc Hợp.

Liên quân Trác Mộc Hợp trực chỉ kéo về phía sông Onon. Mới được nửa đường đã lọt ngay vào thế trận của Thiết Mộc Chân dàn sẵn ở một địa điểm trăm phần thuận lợi. Trong chớp nhoáng quân Trác Mộc Hợp bị đánh tan tành, Đại hãn chạy trốn chết mới được toàn mạng.

Thế là tất cả những lãnh thổ tiếp cận Mông cổ đều bị bỏ ngỏ. Nhưng trước khi xua quân đi chinh phạt để đặt vĩnh viễn những phần đất này dưới sự thống trị của mình, Thiết Mộc Chân cho truyền một mệnh lệnh như sau: “Phải đuổi giặc đến kỳ cùng không được dừng lại cướp chiến lợi phẩm. Khi nào toàn thắng, chiến lợi phẩm sẽ được phân chia theo công trạng của mỗi người.”

Nhưng đám quý tộc trong hàng thân thích như An Tăng, Cút Sa, Đa

Di Đà đều có vẻ bất mãn trước “luật mới” ấy, cho như thế là trái với cổ lệ: ai đoạt được chiến lợi phẩm thì có quyền giữ lấy, đó là định luật thiêng liêng trong thế giới du mục. Họ thì thầm với nhau: “Có thể nào để cho Thiết Mộc Chân quyền phân phối chiến lợi phẩm như vậy? Chúng ta đều thuộc hàng quý tộc và bầu Thiết Mộc Chân lên làm khả hãn để ra một thứ luật như thế sao?”

Cho nên vừa dứt trận đánh, đám tướng lĩnh này ào tới xe tải đồ của Trác Mộc Hợp bắt cần việc truy nã địch. Thiết Mộc Chân nhìn thấy họ xông xáo cướp đoạt, thấy rõ vẻ mặt khinh thường mạng lệnh của họ, nhưng không buồn nói một tiếng. Đợi đến lúc thu quân về ông liền cho chiến sĩ bao vây đám quý tộc và bọn thuộc hạ của họ, lấy lại tất cả chiến lợi phẩm đem chia cho ba quân. Ba người đó không được một phần nào mà còn bị đuổi về trại “dưỡng già”. Họ cảm thấy nhục nhã ê chề, ít lâu sau âm thầm bỏ ra đi. Họ không ngờ đã bầu lên một khả hãn nghiêm khắc như vậy.

Thành Cát Tư Hãn

Chương VII

VIỆC NHÀ MỚI KHÓ GIẢI QUYẾT

Từ đó với ba thước gươm và một cổ nhung yên, Thiết Mộc Chân xua quân đoàn của mình qua các xứ láng giềng, từ bộ tộc này đến bộ lạc

khác “xuống đông đông tịnh lên đoài đoài tan”.

Số người chưa qui phục còn lại chẳng bao nhiêu. Kẻ nào không thể rút vào rừng sâu hoặc ra sa mạc đành phải mang cống phẩm đến xin bộ kiến, chịu thần phục và sáp nhập quân thiện chiến vào đại quân Mông Cổ.

Qua mùa hạ, để tránh cái nóng nung người – nóng đến vùi trứng xuống cát một lúc trứng chín như luộc - Thiết Mộc Chân cho quân đồn trú trong bóng mát rừng thông ở miền núi. Đến mùa Đông thì dẫn quân xuống miền nam tránh cái lạnh buốt xương (-40 độ). Trong cuộc truy quân, gặp sông rộng chắn ngang, tất cả ngựa đều được buộc cương liền nhau, binh sĩ vẫn ngồi trên lưng điều khiển cho ngựa lội qua dòng nước. Đến nơi nào cũng có thịt trầu, sữa ngựa và cả đàn bà nữa. Lúc nhàn rồi thì mài gương, dũa tên, rèn khí giới. Mùa hạ là mùa ngựa nghỉ ngơi dưỡng sức sau những cuộc dong ruổi vạn dặm. Đến mùa đông giống ngựa này biết tìm lấy thức ăn bằng cách dùng móng chân cào tuyết lên; chúng chẳng cần có lúa và chuồng trại kín đáo.

Chỗ nào dừng chân, nơi đó là nhà của người Mông Cổ; ngày nào đối với họ cũng tốt đẹp, đêm nào cũng dạ hội vui nhộn, họ thích nhất là ăn uống nhậu nhẹt với bạn bè.

Trong thời kỳ này có một lần Thiết Mộc Chân hỏi đám cận tướng của mình:

- Trong đời người điều gì làm cho mình thấy thích thú nhất?

Đa số đều đáp:

- Đi săn!

Kẻ nói săn theo lối đuổi dồn thú vào rọ; kẻ nói đi săn bằng chim ưng; kẻ khác cho rằng săn mãnh thú là tuyệt hơn hết. Trả lời cách nào Thiết Mộc Chân cũng lắc đầu. Sau cùng ông nói:

“Niềm hạnh phúc nhất trong đời người là chiến thắng kẻ thù, đuổi họ chạy dài trước mặt! Cỡi lên con ngựa cướp được của họ và đoạt tất cả những gì họ có; được thấy nước mắt chan hoà trên mặt những người thân yêu nhất của họ, ôm được vợ hoặc con gái của họ vào lòng!”

Bây giờ Thiết Mộc Chân đã đến tuổi bốn mươi. Trong 10 năm sau cùng của đời ông, ông xông pha trận mạc không biết bao nhiêu lần, lần nào cũng đẩy tan được kẻ địch, uy vũ bao trùm khắp bốn phương. Đời sống của quân nhân Mông Cổ bây giờ cũng rất sung túc nhờ chiến lợi phẩm đoạt được không biết cơ man nào kể.

Trong bốn người con của ông có ba người đã trưởng thành từng chiến đấu bên cạnh ông: Truật Xích, Sát Hợp Đài và Oa Khoát Đài; người nhỏ hơn hết là Đà Lôi, theo tục lệ, phải ở nhà với mẹ chăm sóc bầy gia súc bên sông Onon. Ông có một người con gái nhưng chưa định gả cho viên tướng nào.

Lúc bây giờ cũng còn một vài bộ lạc dao động, khiến Thiết Mộc Chân chưa yên tâm. Thành linh một mã khoái từ đoàn trại Onon mang tin nhà đến: Mọi người trong gia đình Khả hãn và các ngài trong hàng quý tộc đều mạnh khoẻ bình an. Riêng Lệnh Bà nhắn gửi với Khả hãn

như sau: Con ó làm ổ trên cây cao tưởng rằng không có loài nào đến phá hoại được, đâu ngờ có một con chim bé mọn tới làm vỡ trứng, giết hại đàn con và dầy nát ổ”.

Tức thì Thiết Mộc Chân đình cuộc chinh phạt lại, cho các chủ tướng mang quân trở về bộ lạc của họ. Phần ông thì dẫn quân Mông Cổ trở về đoàn trại nhà.

Càng gần tới trại nhà ông càng tỏ vẻ băn khoăn nghĩ ngợi. Ông ra lệnh dừng binh và hội các cận tướng lại. Toàn thể đều kinh ngạc lắng nghe lần thứ nhất vị Khả hãn bách chiến bách thắng giải bày nỗi khổ tâm của mình: lúc chinh phạt xứ Miệt Nhi, Tút Sa bại tẩu, một viên tướng Miệt Nhi ra hàng phục có dâng cho ông hai tặng phẩm, nàng Cúc Lan – con gái của ông ta – và một cái lều toàn bằng da báo. Cúc Lan có sắc đẹp lộng lẫy đến nỗi thoát nhìn Thiết Mộc Chân đã say mê lấy nàng làm vợ thứ. Ông nói với các tướng:

- Bà Bật Tê là vợ chính thức của ta từ thuở còn thanh niên do cha ta chọn lựa; bà là chủ gia đình, là mẹ của các con ta. Trong trận mạc ta đã lấy nàng Cúc Lan. Giờ đây trở về gặp mặt Bật Tê ta cảm thấy khó xử. Nếu xảy ra sự bất hoà ta rất xấu hổ trước mặt quân tướng. Ai trong các người có thể đi về trước khéo giàn xếp cho ta yên lòng? Chín viên đại tướng từng xông pha giữa rừng gươm giáo ái ngại nhìn vị tướng của mình; ai cũng bối rối chẳng dám vội vàng lãnh cái sứ mạng tế nhị này: Gia Luật Mễ, Triết Biệt, Bác Nhĩ Truật cho đến lão Si Ra không ai dám nhận. Sau cùng Mộc Hoa Lê nhận lãnh sứ mạng của chúa giao phó. Các tướng đều thở ra nhẹ nhõm.

Quyển Mông cổ bí sử chép lại việc này như sau: “Mộc Hoa Lê về tới trại, lạy chào Bật Tê xong, đứng lặng thinh không nói một lời nào cả. Bà hỏi về sức khỏe của Khả hãn và tất cả những kẻ thân cận mà bà biết, sau cùng không hỏi gì nữa mới hỏi đến lý do cuộc hành trình của Mộc Hoa Lê”. Viên tướng làm ra vẻ thản nhiên chẳng chút vị nể chúa của mình:

- Ngài không theo phong tục tập quán cũ của dân ta, bất chấp lời can gián của hàng quý tộc. Ngài thích cái lều da báo sặc sỡ, và không đợi đến đêm tối, Ngài “ăn nằm” với nàng Cúc Lan ở những chỗ thật là không tiện...

Bật Tê không thốt một lời bình luận nào cả, thừa biết đâu phải Thiết Mộc Chân chỉ có nàng Cúc Lan mà thôi. Lâu nay những gái đẹp bắt được trong các cuộc viễn chinh về thì đều như thế cả. Mộc Hoa Lê thấy đã đến lúc đi ngay vào đề:

- Ngài đã lấy nàng Cúc Lan làm vợ để bình định những bộ lạc ở xa... và vì vậy mà Ngài sai tiểu tướng về trình cho Lệnh Bà hay biết.

Bật Tê vẫn không đổi sắc mặt. Bà chỉ muốn biết Thiết Mộc Chân hiện đang đóng ở đâu. Mộc Hoa Lê không giấu giếm việc Khả hãn dừng quân cách đó vài ngày ngựa và chờ đợi quyết định của bà.

Lời phúc đáp thật dịu dàng ngoài dự đoán của Thiết Mộc Chân và Mộc Hoa Lê:

- Ý nguyện của ta cũng như ý nguyện của dân tộc đều đặt dưới uy quyền của Khả hãn. Ngài có thể kết bạn hoặc liên minh với ai mà Ngài thấy cần.

Trong chỗ lau sậy có rất nhiều con nga, con nhạn; Ngài thừa biết phải bắn bao nhiêu phát tên và có thể bắn đến lúc mỏi tay. Ta có câu

tục ngữ: “Ngựa chưa thuần đâu chịu đóng yên cương”. Đàn bà ai chịu cảnh chồng chung? Nhiều vợ không phải là điều hay nhưng nếu Ngài cần phải có thêm mà ta ngăn cản chắc cũng bất lợi?

Suy nghĩ giây lát bà nói tiếp:

- Khả hãn nên ban cho Cúc Lan một cái lều mới.

Sau cuộc giàn xếp này, Thiết Mộc Chân nghe như trút được gánh nặng ngàn cân, tiếp tục trảy quây về Onon trong niềm hoan hỉ. Rồi truyền lệnh dựng riêng cho Cúc Lan một đoàn trại, có bảy gia súc riêng ở gần trại của Bột Tê.

Về sau Thiết Mộc Chân còn lấy thêm nhiều người vợ nữa, trong số đó có những công chúa Tây Hạ, Ba Tư đẹp lộng lẫy nhưng không ai được sủng ái bằng Cúc Lan. Đến nỗi bộ lạc của nàng về sau phản loạn bị ông tiêu diệt gần hết nhưng chỉ riêng có anh nàng được tha tội lại còn cho chỉ huy một đoàn vệ binh. Một lần nọ, bắt gặp Cát Xa đang liếc nhìn Cúc Lan một cách tình tứ, ông liền trị người em bằng một nhát gươm tưởng đã bỏ mạng. Và chỉ riêng Cúc Lan được ông đem theo khắp nơi xa lạ trong những cuộc viễn chinh ở các xứ miền Tây Á.

Nhưng ngày lên ngôi Đại hãn, Thiết Mộc Chân cho Bột Tê ngồi bên cạnh; chỉ các con của Bột Tê là được chia đất cai trị trong đế quốc và chỉ đám cháu của dòng này được quyền thừa kế ngôi Đại hãn. Ngay như Truật Xích không chắc là dòng máu của ông mà lớp con của Truật Xích sau này vẫn được trị vì trên một lãnh thổ rộng một phần tư thế giới. Còn các con cháu của Cúc Lan trước sau vẫn sống trong hàng dân giả Mông Cổ.

Thành Cát Tư Hãn

Chương VIII

TIÊU DIỆT TOÀN BỘ QUÂN KHẮC LIỆT

Gọi Thiết Mộc Chân về vì Bột Tê cảm thấy một đại họa sắp xảy ra. Sau lúc thảm bại, Trác Mộc Hợp chạy đến nương nhờ thế lực của Tang Côn con của Tô Ha Rin. Họ hoạt động chung và đang chuẩn bị một trò gì đây...

Từ trước đến giờ Tang Côn luôn luôn phản đối cuộc liên minh giữa cha mình với Thiết Mộc Chân. Hãn cho rằng vị chúa Mông Cổ trèo quá cao... Rồi qui tụ tất cả những kẻ thù của Thiết Mộc Chân lại, mở rộng cửa đón tiếp tất cả các nhà quý tộc bất mãn như An Tăng, Cút Sa, Đa Di Đài. Bọn này kéo hết vi cánh đến Khắc Liệt, được đãi trọng hậu như bọn thân cận của Tô Ha Rin. Bột Tê nói:

- Đó chẳng phải là một điều bất thường hay sao?

Thiết Mộc Chân vẫn còn nghi hoặc:

- Vương hãn với ta giao hảo từ bao nhiêu năm rồi, lúc nào ta cũng giữ một niềm trung thành chưa làm điều gì lỗi lầm. Vả lại hai bên cam kết tin tưởng nhau, giải quyết mọi việc trong tình hữu nghị, có lẽ nào...

Bật Tê mới nhắc lại tất cả những chuyện cũ. Cuộc liên minh giữa Mông Cổ và Khắc Liệt thật ra có lợi cho Khắc Liệt nhiều hơn. Chỉ có lần đầu là Thiết Mộc Chân phải mượn thế lực của Vương hãn đánh quân Miệt Nhi để giải thoát Bật Tê, còn về sau chính Thiết Mộc Chân đã giúp cho Vương hãn rất nhiều. Khoảng mùa xuân năm 1196, Vương hãn bị người bào đệ là Át Kê Ka Ra mượn lực lượng của Nãi man về cướp ngôi. Ông ta phải trốn qua Tây Liêu nhờ chúa nước này giúp cho phục ngôi, nhưng bị Tây Liêu xua đuổi phải lưu vong khổ sở trong sa mạc Gobi, mới xin Thiết Mộc Chân về nương náu trong đất Mông Cổ. Thiết Mộc Chân chẳng những giúp cho chinh đốn lại đám tàn quân, còn phái quân Mông Cổ đưa ông ta về khắc phục lại ngôi cũ. Một người bào đệ khác của Vương hãn là Gia Gam Bu vì cuộc chính biến phải trốn qua nước Kim, Thiết Mộc Chân cũng phái quân hộ tống ông ta đi ngang qua bộ lạc Miệt Nhi để trở về xứ. Vậy mà sau đó, có một lần Vương hãn đơn phương đem quân đi đánh Miệt Nhi không cho Thiết Mộc Chân hay. Trận ấy ông ta đuổi được tù trưởng Miệt Nhi là Tóc Tô A chạy đến tận đông nam hồ Baikal, bắt rất nhiều tù binh và cướp vô số gia súc nhưng không chia một phần nào cho Thiết Mộc Chân. Chúa Mông Cổ không hề phản nản, đòi hỏi gì hết mà một lần khác vẫn nghe theo lời kêu gọi của Vương hãn hội binh đi đánh Nãi man. Lúc bấy giờ Y Năng Sơ đã chết, hai người con là Đài Bu Ga và Bu Di Rúc dành nhau một cung phi của cha. Lợi dụng cơ hội đó, Vương hãn và Thiết Mộc Chân tấn công Bu Di Rúc, đuổi đến hồ Oulingour và giết y ở đó. Nhưng qua mùa đông tướng Nãi man là Cốc Xê Gu bất ngờ phản công trở lại dữ dội, áp đảo mãnh liệt quân liên Mông Cổ - Khắc Liệt – Liệu thế không xong, nửa đêm khuya Vương hãn rút quân đi êm không cho Thiết Mộc Chân

biết, khiến cho binh Mông Cổ triệt thoái trong cảnh hết sức khốn đốn. Đến vụ này lẽ ra cuộc liên minh phải tan vỡ nhưng Thiết Mộc Chân vẫn chưa lấy làm phiền nghĩa phụ của mình. Bây giờ quân Nãi man khí thế đang hăng kéo tới Khắc Liệt cướp phá. Gia Gam Bu và Tang Côn đánh không lại, rút cuộc cũng chạy đến cầu viện Thiết Mộc Chân. Ông liền phái bốn viên dũng tướng Bác Nhĩ Hốt, Mộc Hoa Lê, Xích Lão Ôn, Bác Nhĩ Truật điều động bốn quân đoàn tới giúp Tang Côn đuổi quân Nãi man...

Giờ đây Khắc Liệt đã rảnh tay cho nên Bột Tê lấy làm lo sợ.

Bàn bạc, suy tính xong, Thiết Mộc Chân liền gửi một đoàn sứ giả qua Khắc Liệt hỏi cưới công chúa Sa Ua Ba Ki con của Vương hãn cho Truật Xích. Và đổi lại Thiết Mộc Chân sẽ gả Hoa Trang, con gái của mình cho một đứa cháu nội của Vương Hãn.

Ngờ đâu chuyện này giúp cho Tang Côn có một chứng minh cụ thể để thuyết phục cha mình: “Mưu toan của hãn quá rõ ràng, hãn muốn chiếm ngôi Khả hãn Khắc Liệt. Đến khi phụ vương mất, hãn sẽ đòi hỏi cho Truật Xích kế vị. Cho nên hãn không tiếc những tặng phẩm quý giá cũng như thường chia chiến lợi phẩm cho người Khắc Liệt nhiều hơn. Chẳng qua là một thủ đoạn để kéo người theo hãn. Thằng Mông cổ đó quả có tham vọng điên rồ. Hãn học đòi làm sang nên mới dám đến hỏi công chúa cho cái thằng Truật Xích chẳng biết con của ngọm nào? Ta phải trừ nó sớm đi kẻo sau này tai họa không biết đâu mà lường!”

Tô Ha Rin ban đầu bác bỏ luận điệu của con: “Ta thấy Thiết Mộc Chân có thiện chí chứ không như thế đâu! Hắn rộng lượng và lúc nào cũng tôn kính ta. Nay ta già rồi, tóc đã bạc, mày nên để ta chết trong cảnh thái bình.”

Nhưng Trác Mộc Hợp vẫn cứ xúi giục Tang Côn lôi cuốn người cha. Họ giở những lý do khác: đã đành Thiết Mộc Chân lúc nào cũng tôn kính phụ vương, bởi hắn cần nương thế lực của ta, nếu không thế hắn đâu được mạnh như ngày nay. Nhưng phụ vương hãy xét coi hắn đối với kẻ khác như thế nào. Trác Mộc Hợp cũng đã giúp hắn đánh bọn Miệt Nhi đem Bật Tê về, giúp hắn chống bọn Diệt Xích Ngột. Vậy mà hắn trở mặt đánh Trác Mộc Hợp chỉ vì hắn muốn tranh ngôi Đại hãn. Và đối với những nhà quý tộc Mông cổ đã nhường ngôi Khả hãn cho hắn, hắn cũng lần lượt tìm cách sát hại, cả những bà con thân thích như Tạc Gô Đài, Xát Sa. Còn An Tăng, Cát Sa, Đa Di Đài nếu không trốn đi ắt cũng chung số phận. Cái thứ rộng rãi của hắn chỉ là một thủ đoạn quỷ quyệt, nhờ đó mà lôi kéo được một số người Khắc Liệt ta. Ngày phụ vương băng hà rồi, chắc chắn Thiết Mộc Chân sẽ trở hết lòng tham không đáy của hắn ra, hắn sẽ lợi dụng những mâu thuẫn giữa các bộ lạc Khắc Liệt, gây điều tàn trên xứ ta. Xin phụ vương khoan nghĩ tới cuộc sống an nhàn trong tuổi già mà hãy nghĩ tới sự tồn vong của dân ta.

Mãi rồi Tô Ha Rin cũng đâm ra băn khoăn “nghĩa tử của ta chẳng làm điều gì lỗi, nhưng biết đâu ta chết rồi hắn chẳng trở giáo? Chi bằng sớm trừ hậu hoạn là tốt hơn.” Ông đi đến một quyết định:

- Nay Tang Côn, mày muốn làm gì thì làm, nhưng ta không

thích nhúng tay vào vụ này.

Tang Côn chẳng đòi hỏi gì hơn. Tức thì hấn gọi một đoàn sứ giả qua Mông Cổ, mời Thiết Mộc Chân hãy đích thân đến bàn về các chi tiết của cuộc hôn nhân. Đồng thời hấn tập hợp các bộ lạc Khắc Liệt lại. Họ định đầu độc Thiết Mộc Chân trong bữa tiệc đón tiếp và liền theo đó xua quân qua tiêu diệt lực lượng Mông Cổ, phòng ngừa bọn tướng lãnh của Thiết Mộc Chân khởi binh phục thù cho chúa của họ.

Thiết Mộc Chân nhận lời mời rồi qua thăm mẹ và Muôn Lịch trước khi lên đường. Hai người này hết sức cản ngăn ông, quả quyết rằng chuyến đi này rất nguy hiểm: có lý nào Tang Côn và bọn cừu địch lại sốt sắng trong việc hôn nhân của em cháu mình thế? Bà U Luân đã biết quá nhiều về những vụ phản trắc, những vụ đầu độc, những cách thanh toán kẻ thù ở miền đồng cỏ này. Bà có cái linh cảm đây là một thứ bẫy.... Thiết Mộc Chân mới bỏ ý định qua Khắc Liệt, mà chỉ phái một sứ giả đi, giả vờ đặt lại vấn đề hôn nhân của hai đứa con để dò hư thực.

Tang Côn liền giục phụ vương: trong trường hợp này chỉ có một cách là phải hành động gấp rút cho Thiết Mộc Chân không trở tay kịp. Lúc bấy giờ hấn đã tập hợp được một lực lượng đáng kể. Tô Ha Rin liền dẫn đám thuộc hạ và đại quân Khắc Liệt tiến thẳng về phía đông.

Gần đến biên giới, tướng Khắc Liệt là Dê Kê ra lệnh dừng quân

chuẩn bị hàng ngũ. Lúc đó có hai đứa chăn chiên tên Ka Si Lích và Ba Đài trông thấy liền phi báo cho quân Mông Cổ hay.

Thiết Mộc Chân chỉ còn 4600 quân thường trực ở lại đoàn trại; bây giờ muốn tránh cũng quá trễ rồi, quân Khắc liệt sẽ tới khoảng giữa đêm mai. Tức khắc Thiết Mộc Chân cho đoàn mã khoái “Tên bay” phi ra khắp các ngã truyền cho các bộ lạc Mông Cổ phải tức tốc kéo về ứng chiến. Một mặt cho lừa hết súc vật đi ra các vùng đồng hoang vắng; đàn bà trẻ con phải thu nhặt hết của cải, đồ đạc chất lên xe cho lạc đà kéo đi nơi khác. Thiết Mộc Chân rút quân đi cách đó nửa ngày ngựa, dàn quân ở một vùng núi chờ địch. Tất cả lều trại đều để y nguyên; Gia Luật Mễ ở lại với một toán quân nhỏ, cứ đêm tới thì đốt lửa lên như thường lệ, lúc nào giặc tới mới được rút về nhập vào đại quân.

Quân Khắc liệt đã từng chiến đấu chung với quân thiện chiến của Mông Cổ, thừa biết sức nhau, nên không dám khinh địch. Họ chỉ hy vọng thắng quân Mông Cổ ở cái đòn công kỳ vô bị. Thấy lửa trại còn ánh lên rừng rực họ cũng chưa dám khinh động, cứ lặng lẽ tiến tới bao vây khắp các ngã. Một tiếng tù và rú lên nghe rợn mình giữa đêm tối âm u. Tiếp theo là muôn ngàn tiếng thét man dã, tiếng vó ngựa dập dồn tiến vào giữa các lều. Họ quyết dẫm nát, giết sạch bọn Mông Cổ đang say ngủ. Nào ngờ chỉ là một cái đoàn trại trống rỗng không có một bóng người. Quan sát kỹ họ mới thấy địch vừa rút đi hấp tấp, còn bỏ lại những món ăn đang ăn dở, những vật dụng nhà bếp rải rác trên mặt đất. Đoán biết kẻ địch mang theo đàn bà trẻ con và súc vật tất kèn càng khó chiến đấu và không thể đi nhanh được,

họ liền lao mình vào bóng tối đuổi theo.

Trong lúc đó Thiết Mộc Chân bình tĩnh chuẩn bị cuộc xáp chiến, cắt đặt phận sự cho các tướng.

Đại quân của Tô Ha Rin chưa kịp tới mặt trận thì cánh tiền quân của họ đã bị tiêu diệt trọn. Địa thế ở vùng núi Khingan thật bất lợi cho phe tấn công, họ không thể dàn quân ra được. Nhưng quân Mông Cổ quá ít nên dù hết sức can đảm và kiên trì cũng đành phải lui dần trước cái biển người Khắc liệt.

Thiết Mộc Chân có dự liệu sẵn chiến thuật đánh tập hậu gây rối hàng ngũ địch để gỡ nguy phần nào; vào phút chót bỗng một lá hiệu kỳ phát phới ở chân đồi phía hậu quân Khắc liệt, nhìn lại thì ra tướng Mông cổ Quy Dinh Đa. Tô Ha Rin phải chia quân ra đánh hai mặt. Toán Mông cổ ở chân đồi chống cự cực kỳ anh dũng, đánh bật hàng chục đợt tấn công của địch. Tang Côn bị lão tướng Dục Sơ Đài bắn một phát tên trúng mặt rơi xuống ngựa.

Tô Ha Rin thấy không thể giải quyết trận đánh trong một ngày được liền thu quân và đóng trại nghỉ ngơi. Họ không sợ bị phản công vì quân Mông cổ đã kiệt lực. Một số lớn quân thiện chiến đều tử trận, nhiều tướng tài bị thương nặng. Bác Nhĩ Truật, Bác Khô La, Oa Khoát Đài – con thứ ba của Thiết Mộc Chân – đều mất tích.

Nghe các tướng báo cáo những tổn thất, mặt Thiết Mộc Chân vẫn thản nhiên, ông chỉ nói vắn tắt: “Hai viên tướng đó đều là bạn

trung thành của chúng ta. Họ cùng chết một lượt vì họ không bao giờ muốn xa nhau.”

Nhưng một lát sau Bác Nhĩ Truật trở về, kể đó Bác Khô La trên lưng ngựa đèo thêm Oa Khoát Đài nằm sóng sượt như một cái xác, Bác Khô La mặt bê bết máu vì ông ta vừa rút vết thương của Oa Khoát Đài. Trước cảnh này Thiết Mộc Chân không sao cầm được giọt lệ, nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc, cho dời thương binh đi và tìm cách săn sóc họ.

Trong tình trạng này ngày mai làm sao có thể tái chiến? Ai nấy đều cảm thấy chỉ còn một cách là rút chạy gấp nếu không chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Các tướng đều đồng thanh xin Thiết Mộc Chân cho lệnh rút quân, nhưng ông lắc đầu: nếu đại quân rút trước thì cánh quân ở bên đồi sẽ bị thảm sát. Theo ông thà tử chiến với quân địch để cùng chết chứ không thể bỏ những chiến sĩ trung kiên. Cho đến lúc người lính cuối cùng ở bên đồi về tới, ông mới cho cấp tốc nhỏ trại, thúc quân mã đem hết tàn lực ra tẩu thoát.

Về sau khi trở thành vị Chúa của toàn thể dân du mục, Thiết Mộc Chân nâng mỗi tình thủy chung ấy lên thành một thứ luật sắt. Đơn vị nhỏ nhất của quân đội gồm có chín người với một Thập phu trưởng phải cùng sống chết với nhau; thà bị địch giết sạch còn hơn là bỏ một người bạn bị thương. Kẻ nào bỏ bạn đồng đội sẽ bị tử hình không có trường hợp giảm khinh.

Cuộc bại binh này gây ra những hậu quả tai hại không nhỏ. Các

bộ lạc được Thiết Mộc Chân gọi đến trợ chiến đều tìm có thói thác. Đa số tù trưởng cho rằng Thiết Mộc Chân đã vượt quá quyền hạn Khả hãn của mình: việc quan hệ như chiến hay hoà phải do họ quyết định chứ không thể bắt họ phải cúi đầu vâng theo. Mà giờ đây tại sao họ còn phải đi đánh giặc? Bao nhiêu năm nay họ đã dự hằng trăm trận, có nhiều của cải, có thừa đàn bà, nhiều nô lệ và súc vật rồi; họ đang ở trên những đồng cỏ xanh tươi thế này tại sao phải bỏ cái đời sống sung túc lao mình vào chỗ mệt nhọc nguy hiểm? Cứ thủ phận thì chẳng việc gì xảy ra, ngược lại họ sẽ bị vạ lây nếu theo Thiết Mộc Chân. Chắc chắn Tô Ha Rin sẽ tàn sát vợ con họ và cướp hết súc vật. Cuộc chiến đấu này là việc riêng của Thiết Mộc Chân, nếu ông ta bại càng tốt, họ sẽ được tự do hành động hơn.

Riêng Thiết Mộc Chân và bọn thuộc hạ tình cảnh thật bi thảm, họ không biết trông cậy vào sự cứu giúp của ai nữa. Phải trốn lánh những đồng cỏ có đông người ở, những con đường có kẻ qua người lại. Họ ẩn núp trong những vùng cằn cỗi tiêu sơ; cả người và thú phải uống nước bẩn ở vũng sinh lầy; rồi thêm một số người bỏ ra đi vì hết chịu đựng nổi. Dù vậy, những người còn ở lại đồng thề giữ dạ trung thành, quyết không bỏ nhau, cùng nhau san sẻ niềm vui nỗi khổ. Nhưng không nơi nào họ ở lâu được, phải chạy, chạy mãi về hướng đông vì lúc nào cũng có quân Khắc Liệt đuổi theo.

Trong cuộc bại tẩu này, mái tóc của Thiết Mộc Chân bắt đầu có những mảng bạc trắng. Bọn tuý tướng ngạc nhiên, một hôm hỏi ông, tại sao ông chưa bước qua tuổi già mà lại như thế, ông liền đáp chẳng cần một giây suy nghĩ: “Vì Trời muốn trao ngôi cao cả cho ta

nên mới ban cho những nét tôn nghiêm như vậy”.

Ông không bàn bạc với ai, không than thở cảnh mặt lộ và tự tìm một con đường thoát: gởi sứ giả đến Tô Ha Rin, nhắc với vị quốc vương những công lao của mình trước kia và những lời cam kết giữa hai người. Ông bắt sứ giả phải học thuộc lòng những lời sau đây để chuyển lại Tô Ha Rin:

“Hỡi nghĩa phụ! Vì sao nghĩa phụ lại phẫn nộ đến mức đó? Nếu Thiết Mộc Chân này có điều lỗi làm xin nghĩa phụ cứ quở trách thẳng thắn cần chi đến phải xua binh qua dày xéo dân Mông Cổ? Nghĩa phụ nên an hưởng tuổi già, bày chi cảnh chiến tranh tàn khốc. Nghĩa phụ và các bạn Tang Côn, Trác Mộc Hợp cùng tất cả các bạn khác hãy phái đại biểu mở hội nghị, chúng ta có thể giải quyết mọi thắc mắc, hiềm khích, tái lập lại hoà bình...”

Đồng thời gởi sứ giả tới An Tăng, Cút Sa, Đa Di Đài đề nghị với họ y như thế.

Lời phúc đáp thật quá phũ phàng; Tang Côn thay mặt cho tất cả trả lời như sau: “Chúng ta cần nói với hãn bằng gương giáo!”

Thiết Mộc Chân rơi vào cái thế tuyệt vọng; bọn Tô Ha Rin cứ đuổi nà theo, ông phải chạy mãi về miền đông cho tới hồ Baldchoun chỗ giáp giới nước Kim, tới đây địch quân mất dấu không tìm được nữa.

Ngờ đâu tới bước cùng đồ này mới có lối thoát. Các bộ lạc miền đông nghe tin quân Khắc liệt hễ kéo tới đâu là cướp bóc tàn sát tới

đó, họ sợ hãi quá liền kéo theo Thiết Mộc Chân để hợp sức đối phó, lại thêm nhiều cánh quân của mấy bộ lạc bị Thát đát đánh đuổi cũng chạy dồn về đây.

Và một hôm, đột nhiên Đa Di Đài đến xin gặp Thiết Mộc Chân trước nỗi ngạc nhiên của mọi người. Nhờ bọn này Thiết Mộc Chân mới hay biết những tan vỡ xảy ra trong nội bộ phe Tô Ha Rin. Vương hãn đâm ra kiêu căng hống hách, đối xử khắc nghiệt và bất công với bọn quý tộc Mông Cổ. Ông ta dành hết chiến lợi phẩm chỉ chia cho họ chút ít chiếu lệ. Bọn quý tộc Mông cổ cho rằng bọn này Thiết Mộc Chân bị chặt hết móng vuốt không đáng lưu tâm tới nữa; họ âm mưu với nhau quật Tô Ha Rin xuống giết đi để được tự do xây dựng cơ đồ riêng. Rủi cho họ có kẻ phản bội làm âm mưu tiết lộ, Tô Ha Rin liền quay giáo lại tiên hạ thủ, cướp phá sạch và cho lùng bắt họ về nghiêm trị. An Tăng, Cút Sa, Trác Mộc Hợp đều trốn qua xứ Nãi Man, riêng Đa Di Đài còn nghĩ đến tình nghĩa họ hàng nên tìm theo Thiết Mộc Chân.

Dù không có bọn quý tộc Mông cổ lực lượng Khắc Liệt vẫn còn hùng hậu, Thiết Mộc Chân không thể dàn trận chiến đấu công khai được. Ông phải nán đợi Cát Xa trở về, dẫn cánh quân của chàng đến tiếp ứng; nhưng giữa đường rủi thay Cát Xa bị quân Vương hãn chặn đánh tan tành, phải chống đỡ hết sức gay go mới trốn thoát được với một số tàn quân. Lúc tới trại Thiết Mộc Chân thì Cát Xa đã kiệt lực dở sống dở chết.

Mùa thu đã già nửa rồi, với tình trạng này làm sao chịu đựng nổi

mùa đông khốc liệt sắp tới? Thiết Mộc Chân thấy không thể chần chờ nữa được phải hành động gấp rút ra sao thì ra. Ông liền dùng một mưu chước quỷ quyệt: sai hai kỵ binh tin cẩn của Cát Xa vừa bại trận mặt mày còn hốc hác thiếu ngủ, ngựa thì què quặt, đi tìm Tô Ha Rin nói rằng Cát Xa phái đến xin qui hàng. Sứ giả như thế đủ chứng minh chủ của họ đang ở trong tình trạng tuyệt vọng và Tô Ha Rin có hỏi đến Thiết Mộc Chân thì cứ nói Cát Xa tìm mãi mà không ra tông tích.

Vương Hãn quả không nghi ngờ gì nữa, Cát Xa hẳn không dám dờ dẫm man trá vì tất cả lều trại, vợ con đều ở trong tay quân Khắc Liệt, hơn nữa tất cả bọn thám mã đều báo cáo Thiết Mộc Chân đã mất tích thật sự. Vả lại nếu được Cát Xa về thần phục thì đó là một điều hay, một đòn dần mặt những tù trưởng còn nuôi ý trung thành với Thiết Mộc Chân.

Theo cổ lệ, Tô Ha Rin chích huyết nhỏ lên một cái sừng thè bỏ qua chuyện cũ và thu nhận Cát Xa vào hàng thân thuộc của mình. Rồi gởi sứ giả đi theo hai kỵ binh tới gặp Cát Xa buộc phải thề trung thành với Vương hãn cũng theo thể thức như vậy. Trong lúc đó quân Khắc Liệt chuẩn bị ngày lễ long trọng vừa để tiếp đón Cát Xa vừa ăn mừng ngày toàn thắng quân Mông Cổ.

Đám sứ giả của Vương hãn hết sức kinh ngạc lúc được dẫn tới trước mặt Thiết Mộc Chân. Khả hãn Mông Cổ chỉ hỏi một ít điều rồi truyền lệnh cho binh sĩ nhổ trại lên đường, ngựa phi bất kể đêm ngày. Quân Khắc Liệt đinh ninh rằng kẻ thù đã bị tận diệt nên chẳng buồn ngó ngang đến khí giới, họ chỉ nghĩ đến những trò vui nhộn trong ngày liên hoan.

Giữa đêm khuya – cũng giữa đêm khuya- sau một hồi tù và âm u

rùng rợn, thiên binh vạn mã Mông Cổ từ bốn phía ào tới trại Khắc Liệt như một trận sóng tràn bão táp. Trong phút chốc, quân Khắc Liệt bị giết thây chất ngồn ngang khắp mặt đất. Một vài cánh quân toan chống cự liền bị quân Mông Cổ trấn áp, mỗi hận thù dồn chứa bấy lâu nay được dịp tung ra thành một trận sát phạt kinh hồn; người Khắc Liệt nào gục xuống là bị vằm ra trăm ngàn mảnh vụn. Nhiều đại đội kéo ra quy hàng. Tô Ha Rin và Tang Côn nhờ một bọn vệ sĩ tận lực che chở, thừa lúc hỗn loạn trốn thoát được.

Chỉ một đòn chớp nhoáng ác liệt, Thiết Mộc Chân khôi phục lại trọn vẹn uy quyền cũ bù lại những ngày bị thảm ở chốn sơn cùng thủy tận. Quân Mông Cổ chẳng những lấy lại những của cải bị cướp đoạt mà còn thu được vô số chiến lợi phẩm gồm tất cả đồ đạc, binh khí, lương thực của quân địch mang theo. Thiết Mộc Chân đem phân phát tất cả cho những chiến sĩ trung kiên.

Bây giờ lãnh thổ Khắc Liệt đang bỏ ngỏ không còn một lực lượng nào bảo vệ, ông liền thúc quân sĩ lên đường truy đuổi giặc.

Tang Côn chạy về miền Tây trốn qua xứ Thổ Phồn. Còn một ít tàn quân hấn dẫn đi cướp bóc dân lành ở dọc biên cảnh để sống qua ngày; ít lâu sau hấn bị quân Thổ Phồn bắt giết. Tô Ha Rin thì chạy lên đường Tây Bắc trốn qua xứ Nãi Man, chẳng được bao lâu lại sa vào tay hai vị thân vương Nãi Man trước kia đã bị ông ta cho quân qua lãnh địa sát phạt cướp bóc. Ông chết một cách thảm thê dưới lưỡi gươm báo thù của họ.

Thành Cát Tư Hãn

Chương IX

BÌNH NÃI MAN

Lãnh thổ Nãi Man là một vùng núi non giăng dài theo rặng Altai, ở khoảng giữa thượng lưu sông Irtych và sông Sélenga (vùng Kobdo ngày nay). Dân Nãi Man chịu ảnh hưởng của văn hóa Thổ Phồn và Tây Liêu, trình độ văn minh cao hơn người Mông Cổ. Khoảng đầu thế kỉ XIII, đa số dân chúng đều theo Cảnh giáo, nhưng ảnh hưởng của hạng Pháp Sư vẫn còn mạnh mẽ, nhiều người tin rằng khi có chiến tranh các pháp sư có thể hô phong hoán vũ.

Lúc đó do hai quốc vương anh em trị vì: phần phía Tây gồm dãy Đại Altai và những chi nhánh, thuộc Khả Hãn Bui-Rúc, phần phía đông thuộc Bai-Bu-Ka. Trước kia, I-Năng-Sơ thân phụ của họ làm đại hãn cai trị toàn cõi, là người có công chinh phục dựng thành một đế quốc hùng mạnh nhất trong miền du mục. Sau khi đại hãn chết, đế quốc mới phân đôi và bắt đầu suy yếu, thường bị dân Khắc Liệt quấy nhiễu.

Giết Tô-Ha-Rin rồi hai thân vương cắt đầu mang đến dâng cho Bai-Bu-Ca để được khen thưởng, nào ngờ họ lại bị khiển trách nặng nề

vì hành động ấy thật thất chính trị, lẽ ra phải giải Tô-Ha-Rin đến khả hãn. Ông ta còn sống mới có lợi, Bai-Bu-Ka sẽ dung dưỡng để dân Khắc Liệt nuôi hy vọng quật khởi chống Thiết Mộc Chân, vì theo lời Trác Mộc Hợp khả hãn Mông Cổ là mối hiểm họa lớn lao cho toàn thể dân du mục.

Bây giờ đã lỡ giết Tô-Ha-Rin thì phải mưu tính cách khác. Bai-Bu-Ka cho giát bạc cái sọ của Tô-Ha-Rin rồi đặt lên một chỗ cao trước ngai đại hãn, mặt sọ quay về hướng Đông để nhắc nhở ông ta đừng quên cái hiểm họa đã gần kề xứ Nãi Man. Đồng thời cho sứ giả mang một bức thư qua xứ Ong-gut dâng cho khả hãn Tê-Kinh. Dân Ong-gút ở về phía Đông Nam sa mạc Go-bi, phía Bắc tỉnh Sơn Tây, lúc đó thuộc đế quốc Kim.

Một đoạn trong bức thư của Bai-Bu-Kai cho thấy Thiết Mộc Chân chẳng ra quái gì dưới con mắt của họ:

“Tôi vừa được báo tin trong đế quốc của chúng ta có một thằng nhãi mới xuất đầu lộ diện tự xưng cái gọi là “khả hãn Mông Cổ”. Hãn chỉ nhìn lên mây xanh, muốn chinh phục cả mặt trời, mặt trăng. Ngài thử nghĩ: một cái vỏ có bao giờ chứa hai cây kiếm, một thể xác cũng không thể đựng được hai linh hồn, cũng như một đế quốc không thể có hai đại hãn được. Ngài hãy giúp tôi tước lấy cây cung và mũi tên của thằng nhãi cho rồi đó.”

Nhưng quyền lợi của người Ong-gút đâu giống với quyền lợi của người Nãi Man. Tê-Kinh lại muốn cho dân Mông Cổ lập được một quốc gia có tổ chức, có kỷ luật hơn là để tình trạng phân tán thành bộ

lạc nghèo đói, lúc nào cũng thèm khát những ruộng nương, những đô thị thịnh vượng của họ. Mỗi lần các bộ lạc ấy tràn xuống cướp phá vùng biên cảnh nước Kim, họ phải đi qua xứ Ong-gut thì dân Ong-gut là nạn nhân trước tiên. Rồi khi nước Kim đi tiêu trừ các bộ lạc, họ cũng kéo ngang qua xứ này, dân Ong-gut lại bị một phen dày xéo. Tê-Kinh mong cho dân Mông Cổ có một vị chúa đầy đủ uy quyền kiểm chế các bộ lạc du mục lại và sẽ không bỏ lỡ dịp bắt tay với vị chúa ấy. Cho nên thay vì giúp Nãi Man như bức thư kêu gọi, Tê-Kinh liền sai sứ giả qua Mông Cổ cho Thiết Mộc Chân hay mưu toan của Bai-Bu-Ka.

Lúc bảy giờ đã qua tiết đông, lợi dụng lúc nghỉ ngơi, Thiết Mộc Chân chăm lo củng cố lực lượng lại. Trước hết là các bộ lạc đã quy phục. Mỗi đoàn trại phân thành nhiều khóm (ayil), mỗi khóm gồm có 9 lều; dân chúng 9 lều đều đặt dưới sự chỉ huy của của một người trưởng thuộc lều thứ mười. Chín người trưởng này đặt dưới sự chỉ huy của người trưởng coi 100 lều.

Với cách tổ chức này, họ có thể điều động mau lẹ dân trong các bộ lạc chống lại các cuộc đột kích bất thành linh; hơn nữa mỗi người trưởng là một đại diện của khóm được tham dự Hội đồng quý tộc (Kouriltai).

Cuộc chiến chống Tô-Ha-Rin vừa qua đã cho ông một kinh nghiệm là những quyết định quan trọng phải nương theo những tục lệ, tập quán cũ, để cho các trưởng khóm dự vào Hội đồng trình bày ý kiến và biểu quyết.

Nhân nguồn tin của Khả Hãn Ong-gut, mùa xuân năm 1202 ông triệu tập Kouriltai, thông báo cho mọi người rõ mưu toan của Bai-Bu-Kai. Phe trưởng khóm đều cho là không thể tránh khỏi chiến tranh nhưng chưa thể phát động ngay bây giờ vì vừa mới qua mùa đông, ngựa bị thiếu ăn đều gầy mòn, cần để chúng dưỡng sức trọn mùa xuân này, cho đến mùa hạ, hay hơn nữa là mùa thu mới được. Nhưng Biên-Gô-Đài, Đa-Di-Đài, Muôn-Lịch và nhóm cận tướng; nhóm Trung Kiên (Terkhanes) lại cho rằng thắng giặc là nhờ ở xuất kỳ bất ý chứ không phải nhờ ngựa khỏe. Phe này lại thuộc đa số đồng ý với Thiết Mộc Chân. Hội đồng quyết nghị: phát động ngay cuộc chiến tranh chống quân Nãi-Man.

Thiết Mộc Chân vẫn áp dụng chiến thuật quen thuộc là bắt buộc địch quân phải chiến đấu ở địa điểm do ông lựa chọn. Ông dẫn quân đến một cánh đồng có nhiều mục trường ở cận ranh giới Nãi Man và dàn ra đó chờ Bai-Bu-Ka. Lần này không còn thứ quân ô hợp của các bộ lạc nữa mà là một quân đội có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh.

Bai-Bu-Ka án binh tại vùng núi Khangai (gần Karakorum ngày nay) lặng lẽ chờ đợi quân Mông Cổ. Ông ta tập hợp được 8 vạn quân, ngoài chiến sĩ Nãi Man còn có bọn Miệt-nhi, Thát-Đát, đám tàn quân Khắc Liệt và đám Trác Mộc Hợp.

Thấy giặc cứ án binh giữ thế thủ, Thiết Mộc Chân liền đổi chiến lược: giao cho Triết Biệt dẫn một cánh tiên quân tiến vào đất địch khiêu chiến, hễ giặc đánh thì phải chạy, còn đại quân thì sẽ âm thầm kéo

theo sau.

Quân Nãi Man thấy địch không có tinh thần chiến đấu, ngựa lại gầy yếu, mỗi một liên ồ ạt tiến công. Thật ra Bai-Bu-Ka đã định nhử quân Mông Cổ vào sâu hơn nữa tới một hiểm đạo có quân mai phục; nhưng kỷ luật của họ lỏng lẻo, bọn tướng không tuân lệnh khả hãn, cho rằng quân số của địch ít hơn, trang bị lồi thoi không có gì đáng sợ. Tướng Rô-Ri-Su nói với Bai-Bu-Ka: “Hồi thân phụ của Ngài còn sống làm gì địch quân nhìn thấy lưng chúng ta được. Nếu Ngài có sợ thì trở về yên ấm với vợ con. Chúng tôi quyết trừng trị bọn Mông Cổ này, sẽ gom lại và lùa về đây như một đàn trư cho Ngài xem.”

Bị chạm tự ái, Bai-Bu-Kai gầm thét lên ra lệnh tiến quân, quyết giết sạch kẻ địch chấm dứt chiến cuộc.

Quân Mông-Cổ đã dàn sẵn thế trận; cánh Trung quân do Cát-Xa chỉ huy có nhiệm vụ đương đầu mũi nhọn tấn công của Nãi Man; Thiết Mộc Chân đích thân chỉ huy một cánh quân khác quấy rối địch và phản kích trở lại. Mông Cổ bí sử dành một đoạn tả lại chiến trận này như sau:

“Bai-Bu-Ka bị thương nặng, bọn tả hữu phải chõ y lên nằm trên triền đồi. Y vẫn theo dõi mặt trận và lấy làm lo ngại hỏi Trác Mộc Hợp:

- Bọn tướng đang đuổi quân ta như chó sói đuổi bầy trư kia là ai vậy?

Trác Mộc Hợp đáp:

- Đó là bốn con chó nuôi bằng thịt người của Thiết Mộc Chân. Hãn phải dùng xích sắt cột chúng nó vì chúng có răng bén, móng nhọn

với trái tim sắt đá; chúng dùng mã tấu để khiển ngựa, phi nhanh như gió cuốn; ngoài mặt trận chúng chỉ uống sương và thịt người. Bây giờ được tháo xiềng chúng tha hồ cắn xé vậy mà mồm vẫn còn rõ dãi. Bốn con chó đó là Triết Biệt, Bác Nhĩ Truật, Gia Luật Mễ, Túc Bất Đài.

Bai-Bu-Ka lại hỏi:

- Còn người nào ở phía sau mặt trận đang phi ngựa tới đáng nom như con điều hâu dói kia?

Trác Mộc Hợp đáp:

- Thiết Mộc Chân đấy! Hắn thuộc thứ người mình đồng da sắt. Quả hắn là một con điều hâu dói đáp xuống xứ này. Hãy xem hắn tiến về phía chúng ta kìa! Ngài nói quân Mông Cổ đến đây chẳng khác nào con trư bị đặt trên thớt thịt chắc chắn sẽ còn lại móng và sừng mà thôi. Giờ hãy xem họ..."

Bai-Bu-Ka nghe tới đây thì lịm dần rồi tắt thở. Ngoài mặt trận, đòn cân thăng lợi đã nghiêng về bên Mông Cổ. Trác Mộc Hợp liền thu quân của mình về, chỉ còn bọn Kô-Ri-Su rán cầm cự đến chiều tối, bọn Miệt Nhi lại bỏ chạy nốt, bây giờ quân Nãi Man mới hoàn toàn tan rã.

Lần này đối với kẻ chiến bại Thiết Mộc Chân có một đường lối rõ rệt. Ông nghiêm cấm chiến sĩ cướp giết, phá hoại, không giết tù binh thuộc cấp tướng và thuộc hàng tôn thất; khí giới bắt được đều trả lại cho họ để họ phục vụ ông như đã phục vụ chúa cũ, bắt công chúa I-Ba-Ka về làm phi và cưới công chúa Sọt- Ha-Ta-Ni cho Đà Lôi. Ông cố gắng thúc đẩy dân Mông Cổ tập nhiễm văn minh Nãi Man đồng

thời tìm cách pha trộn hai dân tộc lại.

Sử chép rằng sau trận Nãi Man ít lâu, quân Mông Cổ có bắt được một người ăn mặc sang trọng không mang khí giới nhưng lại mang một món đồ kì lạ. Giải đến Thiết Mộc Chân ông ta khai là Ta-Ta-Tung-Gô người Thổ Phồn, trước làm chưởng ấn cho Bai-Bu-Ka. Món đồ kì lạ đó là cái ấn của khả hãn. Ông ta giải thích cho Thiết Mộc Chân hiểu công dụng của nó và ý nghĩa những chữ Thổ Phồn khắc trên đó. Tuy xuất thân từ một dân tộc không hề có chữ viết, Thiết Mộc Chân cũng nhận được giá trị và tầm quan trọng của nó liền phong cho Ta-Ta-Tung-Gô làm chưởng ấn Mông Cổ kiêm luôn việc dạy chữ nghĩa cho các vương tử và con của các tướng lãnh. Từ đó văn tự Thổ Phồn trở thành văn tự chính thức của Mông Cổ. Sau này hiểu rõ văn hóa Trung Hoa và văn hóa Hồi cùng trọng dụng những người tài giỏi, Thiết Mộc Chân vẫn không chấp nhận hai nền văn hóa ấy vì đối với ông đó là thứ văn hóa đô thị: nhu nhược, quá xa lạ còn văn hóa Thổ Phồn có tính chất thích hợp với dân du mục hơn.

Nhưng chỉ riêng với dân Nãi Man Thiết Mộc Chân mới áp dụng chính sách hòa dịu nói trên, còn đối với những địch thủ khác ông thẳng tay sát phạt chẳng chút thương hại, như đối với dân Thát Đát chẳng hạn. Ông sai Truật Xích thống lĩnh một một quân đoàn đi tiêu trừ bọn Thát Đát, khiến cho vị vương tử hết sức bối rối vì không thể thẳng tay đối với dân tộc bên vợ. Truật Xích bị cha nghiêm khắc cảnh cáo đành phải tàn phá xứ Thát Đát, sáp nhập quân đội của họ vào quân đội Mông Cổ.

Tút-Sa thì dẫn quân Miệt Nhi chạy trốn vào rừng sâu, Gui-Sơ-Lúc,

con của Bai-Bu-Ka chạy về vùng núi Altai thuộc lãnh thổ của khả hãn Bui-Rúc. Bọn An-Tăng, Kút-Sa sau đó đều bị bắt và bị hành hình.

Trác Mộc Hợp bị quân Mông Cổ đuổi theo đến tận kỳ cùng không sao thoát khỏi trùng vi. Vào phút cuối cùng bọn vệ sĩ của ông ta liền trở giáo cột dính ông ta trên lưng ngựa dẫn đến nạp cho một viên tướng của Thiết Mộc Chân.

Nghe báo cáo, khả hãn ra lệnh đem chém tức khắc bọn chiến sĩ đã bắt Trác Mộc Hợp, luôn cả vợ con của họ không chừa một người nào. Ông hét to lên giữa một cơn phẫn nộ: “Làm sao dung tha được cái thứ người phản bội đem bán chúa của mình để cầu mạng sống?”

Xong rồi mới nói với Trác Mộc Hợp:

“Xưa kia tao với mày không lúc nào rời nhau như hai cái gong của một chiếc xe vậy mà mày nỡ phản bội tao. Dù như thế tao vẫn muốn nói lại tình nghĩa xưa, tao với mày thử làm sống lại những kỷ niệm thuở ấu thời chẳng hay hơn sao? Những lúc phải đối chọi nhau ở chiến trường lòng tao đau như thắt, chẳng biết mày có cảm thấy như thế không?”

Nói xong truyền lệnh thả hãn đi. Nhưng Trác Mộc Hợp khoát tay:

- Ngày xưa tao với mày chia sớt từng bữa ăn bên bờ suối, ngủ cạnh nhau và bàn bạc những gì tao vẫn không quên. Giờ đây nhớ tới lời thề cũ và được mày tha thứ tao càng thấy xấu hổ, còn mặt mũi nào để nhìn mày nữa! Người bội bạc như tao nghĩ có sống cũng chẳng giúp ích gì cho mày, chẳng qua như con rệp trong cái áo, cái gai trong thất lưng làm mày khó ngủ yên được. Mày cứ giết tao đi cho đỡ

một mối lo, hồn tao sẽ phù hộ cho con cháu mày. Tao thất bại chỉ vì tao không thuộc dòng quý tộc mà thôi. Xin cho tao được chết toàn thân là đủ mãn nguyện lắm rồi!

Thiết Mộc Chân trở vô trong viên môn nói với các cận tướng:

- Ta muốn nói lại nghĩa cũ mà nó cứ chối từ: ta tiếc mạng sống của nó (mà nó?) chẳng màng, biết làm thế nào bây giờ? Các người cứ giết nó đi và chôn cất nó cho tử tế.

Trác Mộc Hợp bị đặt nằm dưới một đồng thảm, rồi một số quân sĩ đứng dần lên cho đến khi chết ngạt. Đó là một đặc ân vì người Mông Cổ tin rằng hồn của con người ở trong máu, máu đổ ra trong lúc chết thì sẽ bị tiêu tan còn đâu qua bên kia thế giới!

Thành Cát Tư Hãn

Chương X

Lên ngôi Đại Hãn

*Dân tộc Mông Cổ là một khối
thủy tinh quý giá, là dân tộc
vĩ đại nhất trong các dân tộc
trên hoàn vũ này.*

(THÀNH CÁT TƯ HÃN)

Khoảng cuối mùa xuân năm 1206, viên đại tướng chỉ huy quân trú phòng Vạn lý trường thành dâng sớ về triều tâu rằng "Các xứ ở miền mạn Bắc đều thái bình vô sự." Bấy giờ hoàng đế Đại Kim mới nhớ tới Thiết Mộc Chân, viên Bắc cường chiêu thảo sứ của Kim quốc chưa triều cống lần nào. Ngài liền sai hoàng thân Vĩnh Tế dẫn một đoàn tùy tùng lên mạn Bắc nhắc cho viên chiêu thảo sứ nhớ đến bổn phận tuế cống của mình.

Dọc đường hoàng thân gặp nhiều đoàn đại biểu của các bộ lạc cũng cùng đi một hướng với mình đến thượng lưu sông Onon, nơi Thiết Mộc Chân đóng đoàn trại. Tới nơi mọi người đều ngạc nhiên thấy mình đang bước vào một đô thị vĩ đại gồm toàn lều da, chứa chất vô số của cải quý báu và cuộc sinh hoạt ở đây thật cực kỳ rộn rịp chẳng khác gì một ổ kiến. Suốt nhiều hôm liền, Vĩnh Tế kèm ngựa đi giữa những bày gia súc, những bày thần mã nhiều không biết cơ man nào mà kể với hàng ngàn người chặn giữ, hàng ngàn phụ nữ đang vắt sữa.

Dù đang hết sức bận rộn, Thiết Mộc Chân cũng mau mắn tiếp đón vị sứ giả nhưng không bày ra một nghi lễ danh dự nào. Ông trao cho sứ giả những cống vật, nhưng với lời vội vàng cầu thả: dẫn ngựa, lạc đà tới một cách hấp tấp rồi chất da thú lên bừa bãi rõ ra cái ý muốn tống khứ đám sứ giả đi cho khuất mắt.

Trong thời gian lưu trú ở đây Vĩnh Tế được biết người Mông Cổ đang chuẩn bị Hội đồng Kouriltai, gồm đại diện của tất cả các giống

dân ở lều da, bầu Thiết Mộc Chân lên ngôi đại hãn (hoàng đế).

Vĩnh Tế vội trở về Kim quốc tâu lên cho hoàng đế rõ cái nguy cơ trước sự thống nhất của các dân tộc du mục, vì lịch sử đã cho họ cái kinh nghiệm, hễ dân du mục đoàn kết lại thì công việc trước nhất của họ là tràn xuống xâm lăng nước Kim. Cho nên Vĩnh Tế khẩn cầu nhà vua hãy gấp hội binh lại để phòng bị và tấn công Mông Cổ. Nhưng hoàng đế Kim lúc đó đã 70 tuổi không còn dám lao mình vào những cuộc phiêu lưu nữa. Ngài cho rằng Thiết Mộc Chân đã mang chức tước của triều đình, chịu nạp cống dù thái độ có vẻ khinh mạn thì lấy danh nghĩa gì mà chinh phạt. Hơn nữa, giữa Đại Kim với Mông Cổ còn có sa mạc Gobi, có Vạn lý trường thành, chưa có chi đáng ngại, giờ chỉ cần lưu ý đến sự động tĩnh của họ là đủ. Rồi ngài cho chép vắn tắt vào sử nước Kim sự kiện đã xảy ra: "Tên Mông Cổ Thiết Mộc Chân thuộc giống Ki-dát tự xưng là đại hãn bên bờ sông Onon."

Trong lúc đó hội đồng Kouriltai nhóm họp trong một bầu không khí long trọng, vĩ đại. Giữa đoàn trại, tòa viên môn nóc trắng của Thiết Mộc Chân dựng lên sừng sững, rộng thênh thang bên trong căng toàn là vải thêu hoa. Tất cả cột đều giát vàng. Trước cửa viên môn trịch về phía trái phát phới lá đại kỳ nền trắng, giữa nổi lên hình một con chim ưng và một con quạ, biểu tượng của tộc Bọt-di-dinh. Ngoài biên lá cờ lại có viên chín mảnh vải hình răng cưa và ở mỗi đầu răng cưa đều có treo một cái đuôi trâu yak trắng thật dài, (dân Trung hoa thường gọi là Cửu mao đại đạo). Bên phía mặt là hiệu kỳ của khả hãn, mỗi góc đều có treo một cái sừng trâu yak và một cái đuôi ngựa ô.

Phía chính điện là một khoảng đất trống trải rộng đến mút tầm mắt: bề ngoài ranh giới đó là đoàn trại của các thân vương. Lều của họ bao giờ cũng quay về hướng Nam, cũng có một khoảng sân trống, hai bên tả hữu là trại quân giăng dài hàng mấy dặm. Sau lều của thân vương là lều của các tướng lĩnh, rồi đến hàng vợ con, nô tì của họ theo thứ tự giai cấp nhất định.

Bảy giờ những người tôn thất, tất cả thân vương cùng các tướng đều tề tựu đông đủ trên sân rộng; họ gọi ầm lên: Thiết Mộc Chân! Thiết Mộc Chân!

Lúc Thiết Mộc Chân vừa bước ra cửa viên môn, pháp sư Cốc Chu (còn gọi là Teb Tengri - người tâm phúc của nhà trời) 17 tuổi, tuyên bố rằng Thiết Mộc Chân phải được bầu làm đại hãn vì y vừa được lệnh của Trời Xanh phải báo cho toàn dân Mông Cổ hay Thiết Mộc Chân được Trời chọn lên cai trị tất cả các dân tộc, và từ nay phải gọi Thành Cát Tư Đại Hãn.

Mấy năm nay dân Mông Cổ hết sức tin tưởng ở quyền phép của pháp sư Cốc Chu. Ai cũng nghe nói hãn có thể cỡi con bạch mã lên nhà Trời tiếp xúc với các đấng thiêng liêng, có thể không ăn uống bao lâu cũng được và có thể khóa thân ngồi trên tuyết chờ tới lúc sức nóng trong người làm tuyết bốc thành hơi.

Biết rõ ý của Trời như thế, toàn thể những kẻ có mặt cùng với pháp sư nhất tề hô to lên: "Chúng tôi mong mỏi, chúng tôi yêu cầu Thiết

Mộc Chân lên ngôi chúa tể các dân tộc."

Họ liền trải xuống đất một tấm nỉ đen cho Thiết Mộc Chân bước vào ngôi ở giữa rồi nâng cao lên, và hoan hô vang dậy, xong mới đặt đại hãn lên một chiếc ngai.

Lúc bấy giờ Thiết Mộc Chân đã được 44 tuổi. Không như hồi trước, lần này ông triệu tập Hội đồng quý tộc cốt là để cho họ chính thức xác nhận uy quyền đại hãn mà thực sự ông đã nắm từ lâu. Vì lúc chống với Vương Hãn ông bị bọn phiên thần bỏ rơi nên giờ đây cần phải làm cho lực lượng và hiệu lệnh của mình hoàn toàn hợp pháp. Trước Hội đồng ông đòi hỏi:

"Các người đã tôn ta là làm chúa tể thì các người cũng phải sẵn sàng và cương quyết tuân hành mạng lệnh của ta; khi ta gọi phải đến; khi ta sai đi đâu phải tới đó và bảo giết ai phải giết kẻ ấy. Từ nay trở khi lưỡi gươm sẽ thay cho lời nói của ta!"

Nghe xong tất cả mọi người đều quì xuống kính cẩn nghiêng mình bốn lần. Rồi họ đỡ chiếc ngai lên vai khiêng đi một vòng trước toàn thể dân chúng (tháng 5-1206).

Sau nghi lễ, một đại hội liên hoan mở ra tưng bừng, sôi nổi chưa từng thấy ở miền đồng cỏ. Đại hãn mời hàng ngàn thân vương quý tộc, tướng lãnh cùng với vợ con của họ dự tiệc ở trong viên môn còn dân chúng thì quây quần ở bên ngoài. Từng đoàn xe chở những chiếc nồi to tướng đựng đầy thịt ngựa với những cái ché đựng nước chấm cay xé lưỡi. Ai cũng phải ăn thật no, uống thật say; thức ăn lúc

nào cũng đầy ăm ắp; rượu koumiss lúc nào cũng sủi bọt tràn ra miệng vò. Nhiều kẻ quá no phải đi ói bớt ra rồi trở vào uống nữa; say rồi thì cứ lăn ra ngủ tại chỗ, lúc tỉnh dậy lại tiếp tục ăn và uống nữa. Ở góc nào cũng có một ban nhạc đánh ầm ĩ; hết ăn uống rồi tới vũ, vũ chán rồi thì ba hoa đủ thứ chuyện, kẻ thì kể chiến công, người thì khoe chiến lợi phẩm...

Trong viên môn, chiếc ngai đặt trên một chiếc bệ cao, quay về phương bắc là nơi đại hãn và chính hậu - Bột Tê - ngự tọa. Cạnh bên bệ phía mặt là hàng ghế của các vương tử, người trong tôn thất, cùng các thân vương và tướng lãnh; phía trái là thái hậu U Luân, các vương phi, công chúa, cùng các mệnh phụ phu nhân. Trước mặt đại hãn ngùn ngụt những đồng đồ trang sức bằng vàng bạc, những chồng da thú quý giá, những núi hàng lụa hoa màu sắc sỡ... dành để ban thưởng cho mọi người. Những ngày hôm đó không có người nào vào viên môn rồi trở ra mà không có quà tặng quý giá. Chưa bao giờ đại hãn cùng tất cả thần dân ai cũng tràn trề niềm hoan lạc và tin tưởng như vậy. Từ đây ông là sứ giả của nhà Trời (Soutou Bogdo) chẳng những phục hưng tộc họ của mình mà cho cả 400.000 dân Mông Cổ, đưa họ lên hàng thống trị tất cả các dân tộc khác. Ông nói: "Dân Mông Cổ là một khối thủy tinh quý giá không biết sờn lòng trước những nỗi gian nan thống khổ, đã can đảm theo ta để chia sẻ niềm vui nỗi buồn, quả là một dân tộc vĩ đại nhất trong các dân tộc trên hoàn vũ này. Trong suốt thời kỳ gian lao và cho tới khi ta đạt được chí lớn, các người đã chứng minh lòng trung kiên đối với ta cho nên từ nay ta muốn ai cũng phải gọi dân ta là dân Mông Cổ Xanh (có nghĩa: con của Trời Xanh).

Quốc hiệu này gợi lên một ý niệm vĩ đại, tuyệt đẹp, gây một thứ cảm tình mới trong lòng dân du mục: lòng kiêu hãnh dân tộc. Người Mông Cổ không còn là kẻ nô lệ nữa, ai cũng là chiến binh. Tất cả những giống dân "sống trong lều da" dù là dân bộ lạc nào cũng cảm thấy cái vinh dự được làm thần dân của Thành Cát Tư Hãn, được gọi là Mông Cổ Xanh. Ba tiếng ấy có sức lôi cuốn như một trận cuồng phong thổi qua 100 kinh tuyến, mở rộng biên thùy thật xa "đến chỗ nào mà vó ngựa Mông Cổ có thể tới".

Bốn mươi năm sau, Jean De Plano Carpini, một tu sĩ dòng Đa minh (Franciscain) được đức giáo hoàng Innocent IV phái tới triều đình Mông Cổ (bấy giờ là cháu nội T.C.T.H.) thuật lại cảnh tượng như sau: "Họ (Mông Cổ) khinh miệt tất cả những dân tộc khác dù trình độ như thế (nào?). Chúng tôi đã thấy tận mắt trường hợp của những ông hoàng Nga, những vương tử Géorgie, những vị chúa xứ Thổ Nhĩ Kỳ cùng nhiều bậc đại nhân khác tại triều của đại hãn. Những bậc vương giả kẻ trên chẳng có chút giá trị gì dưới con mắt người Mông Cổ. Đến lúc ngồi, họ phải ngồi phía sau lưng những người Mông Cổ địa vị thấp kém hơn nhiều.."

Cơ đồ của Thành Cát Tư Hãn bây giờ trải rộng trên 1500 c.s. từ Đông qua Tây - từ núi Altai đến núi Khingan - và trên 1000 c.s. từ Bắc xuống Nam - từ hồ Baikal xuống sa mạc Gobi - 31 giống dân gồm 2 triệu người rầm rập tuân mạng lệnh của ông.

Nhưng triều đình Mông Cổ lúc bấy giờ chưa biết những kiểu cách,

những nghi thức vương giả như ở Trung Quốc. Đại hãn cắt một miếng thịt ngon sai người đem lại cho một viên cận tướng, ăn không hết ông ta bỏ vào túi để dành ngày mai. Đó là một cách tôn kính, một thứ thân ái giống như trước đây Gia Luật Mễ đã nút vết thương của Thiết Mộc Chân, vết thương do một mũi tên có tẩm thuốc độc.

Đại hãn rào mắt qua khắp đám người thân cận, bỗng dừng lại ở một người. Với giọng sang sảng như chuông ông giới thiệu thành tích oanh liệt của người đó, rồi liền ban chức tước, quyền chỉ huy. Đám bạn của ông liền vây chung quanh nâng chén rượu lên vừa vũ, vừa hát. Họ giả như trao cho ông ta cái chén nhưng vừa với lấy họ liền nhảy thối ra sau, rồi siết vòng vây trở lại, tới khi nào ông ta đoạt cái chén mới thôi. Bây giờ họ vừa hát, vừa vỗ tay giậm chân theo nhịp, trong khi ấy ông ta phải nốc cho hết chén rượu.

Lối phong chức tước và khen thưởng bất ngờ như vậy có vẻ như bốc đồng, nhưng thật ra Thành Cát Tư Hãn rất thấu triệt thuật dụng người, bao giờ cũng đặt đúng chỗ, đúng khả năng. Không bao giờ ông phải hối hận về việc bổ nhiệm người và những lý lẽ mà ông dùng làm tiêu chuẩn chọn người làm cho thời bấy giờ ai cũng ngạc nhiên. Có một dũng sĩ sức khỏe vô địch lại can đảm phi thường lập được nhiều chiến công oanh liệt, đáng lẽ được thăng lên địa vị cao, trái lại anh ta bị tước quyền chỉ huy khiến các tướng ai cũng kinh ngạc. Đại hãn giải thích như sau: "Anh hùng như Dê Su Ka ít có ai sánh được và cũng ít có ai giỏi về chiến sự như y; y không biết mệt là gì nhưng cứ tưởng rằng tất cả chiến sĩ đều khỏe như vậy, cho nên không thể chỉ huy một đoàn quân được. Người chỉ huy phải là người từng biết

đói biết khát và phải đo lường được sức chịu đựng của kẻ khác, không thể để cho bộ đội quá mệt nhọc và ngựa gầy mòn..."

Về khuya Thành Cát Tư Hãn còn một mình, Bật Tê mới ngỏ lời trách móc:

- Ngài đã ban thưởng cho tất cả mọi người, tại sao lại quên Bác Nhĩ Truật là người xứng đáng hơn hết? Từ ngày còn niên thiếu hãn đã sát cánh với ngài chiến đấu với nghèo khổ, tuyệt vọng, tới nay vẫn là người trung tín nhất; chính hãn đã thay cho ngài thực hiện những công lao hãn mã và không bao giờ tiếc rẻ tính mạng để giúp ngài làm nên vương nghiệp...

Thành Cát Tư Hãn bật cười:

- Ta muốn chờ coi có vì thế mà hãn bất bình ta không và nhất là hãn còn nói tốt cho ta nữa không; rồi đây ta sẽ dành cho hãn phần thưởng cao quý nhất.

Sau đó đại hãn liền phái một tên cận vệ tới lều Bác Nhĩ Truật nghe ngóng coi viên cận tướng này nói những gì.

Hôm sau khi mọi người tề tựu đông đủ ở viên môn rồi, đại hãn tuyên bố: "Hôm qua ta đã ban thưởng cho tất cả mọi người mà hình như quên mất Bác Nhĩ Truật; thật ra là để dò xét coi thái độ ông ta như thế nào. Ta được biết dù bị bỏ quên Bác Nhĩ Truật cũng bào chữa cho ta trước sự thắc mắc của vợ con, thổ lộ rằng được đãi ngộ như thế nào cũng giữ trọn lòng chung thủy và quyết hy sinh xương máu vì ta. Ông ta nói: "Có thể nào đại hãn quên tôi được và tôi cũng không thể quên đại hãn, vị chúa đã ngự trị trong tư tưởng và trong lòng

thầm kín của tôi."

Giọng của Thành Cát Tư Hãn vang rền, đôi mắt sáng quắc như điện:

- Hỡi chư tướng! Ta tin rằng cho đến lúc không cầm nổi cây cung nữa, bạn ta cũng không quên nghĩa bằng hữu. Trong buổi gian truân hoạn nạn không lúc nào Bác Nhĩ Truật không ở bên cạnh ta; lòng can đảm và lòng trung kiên đã giúp bạn ta không hề biết sờn lòng trước mỗi hiểm nguy, hơn thế nữa mỗi nguy nan càng lớn bao nhiêu, bạn càng can trường và trung hậu với ta bấy nhiêu. Nếu ta quên Bác Nhĩ Truật là người xứng đáng nhất trong các người, nếu không đặt ông ta lên chỗ ngồi danh dự hơn hết thì ta đâu còn xứng đáng để đòi hỏi các người phải tận trung với ta nữa.

Bác Nhĩ Truật! Bạn phải ở địa vị lãnh đạo tất cả các tướng; bạn là phát ngôn viên của ta, làm sao cho tiếng nói của ta vang dội ra tận cõi xa xăm, cho tất cả các dân tộc về qui tụ dưới bóng cờ Mông Cổ. Từ nay bạn là tổng tư lệnh tối cao của quân đội, quyền kiểm soát toàn diện lãnh thổ."

Nói xong Thành Cát Tư Hãn liền bước xuống bệ ôm người bạn trung thành, tận tụy nhất trong các chiến hữu.

Thành Cát Tư Hãn

Chương XI

LUẬT CỦA ĐẠI-HÃN

Một hôm Thành-Cát-Tư-Hãn tuyên bố:

“Trời ban cho ta quyền thống trị tất cả các dân tộc vì hiện nay chưa có trật tự ở miền đồng cỏ. Trẻ con không nghe lời dạy dỗ của cha mẹ, em không tuân lời anh, chồng không tin vợ, vợ thì trái lệnh chồng, kẻ dưới thì không giữ uy tín cho người trên, kẻ trên không làm tròn bổn phận đối với người dưới; kẻ giàu không ủng hộ nhà cầm quyền và không nơi nào có sự hòa thuận. Dân tộc sống trong cảnh hỗn độn mất hướng; đâu đâu cũng đầy rẫy những kẻ bất mãn, xảo trá, trộm cắp, những kẻ cướp bóc dấy loạn. Từ khi ta nắm quyền chính, bốn phương đều qui về một mối. Ta muốn mỗi người đều phải đặt mình dưới những luật lệ nghiêm minh và vững bền, có như thế mới thấy cảnh thái bình, hạnh phúc.”

Quay về phía Ta-Ta-Tung-Gô ông nói tiếp: “Người phải thường trực ở bên cạnh ta, ghi chép những lời ta nói để tạo thành một quyển Yassa, một quyển luật vĩnh viễn không thay đổi cho những kẻ kế vị ta sau này. Nếu lớp hậu sinh 500 năm, 1000 năm hoặc 10.000 năm sau biết gìn giữ những tập tục và luật lệ của ta

đừng sửa đổi gì hết thì Trời sẽ phù hộ cho chúng nó. Chúng nó mới giữ được nghiệp vương lâu dài và tận hưởng mọi lạc thú ở đời. Bằng không duy trì được Yassa thì chắc chắn đế quốc sẽ lung lay rồi sụp đổ. Chừng đó có cầu cứu Thành-Cát-Tư-Hãn thì ta đâu còn nữa!

Mắt đại hãn rào vòng theo chiều tròn của viên môn và dừng lại ở chàng thanh niên Si-Ghi-Cô-Tô-Cô. Si-Ghi vốn là một đứa bé Thát-Đát bị bỏ rơi ngoài chiến địa. Thấy nó đeo vòng bằng vàng và mặc áo lông điểu thừ, Thành-Cát-Tư-Hãn biết là con nhà quý phái liền đem về làm con nuôi.

- Cô – Tô – Cô, người là đệ tử ưu tú nhất của Ta – Ta – Tung – Gô, vậy người hãy nghe ngóng, quan sát thay cho ta. Ta phong cho người chức đại phán quan giữ việc xét xử và trừng phạt những kẻ lường gạt, trộm cắp và tất cả những kẻ vi phạm luật Yassa. Không một ai được phản đối quyền phán quyết của người.

Lỗi bỏ nhiệm thật bất thần nhưng Thành-Cát-Tư-Hãn vẫn không sai lầm. Cô – Tô – Cô nêu ra hai nguyên tắc để xét xử: tất cả những chứng cứ trưng ra đều vô giá trị và kẻ nào bị bắt quả tang hay tự thú tội mới kẻ là phạm pháp. Dưới ngọn đèn công lý của ông ta những tội sát nhân, trộm cướp, ngoại tình không còn trong xã hội Mông cổ nữa. Tinh thần trọng danh dự lên cao đến nỗi không ai chối lỗi cả, hầu hết là những kẻ phạm tội đều tới phán quan tự thú nhận rồi xin khoan hồng.

Bộ luật Yassa được khắc bằng chữ Thổ - phồn trên những

tấm bằng sắt, đã thất lạc từ khi đế quốc Mông – cổ sụp đổ; ngày nay chỉ còn sót lại một ít mảnh vụn nên đám con cháu sau này không còn ai biết nữa. Nhưng có điều đáng lưu ý là một thế kỷ rưỡi sau Thành-Cát-Tư-Hãn, nhà đại chinh phục Timour nhận rằng ông đã thành công là nhờ có nghiên cứu kỹ càng bộ luật ấy. Và Mogol-Baber, ba thế kỷ sau cũng xây dựng đế quốc Ấn trên nền tảng Yassa....

Trong những tuần liên hoan, một mặt đại hãn vẫn chè chén vui chơi với các tướng, một mặt hạ lệnh, phân định nhiệm vụ cho mỗi người. Họ phải kiểm tra tất cả các bộ lạc để biết đích xác số lều trại. Thành lập một bộ tổng tham mưu (lourt Dchi) thường trực có nhiệm vụ phân chia mục trường cho công bằng tùy theo tầm quan trọng của mỗi bộ lạc; tập trung tin tức, tài liệu về các xứ lân cận; lập sổ trảng đình từng khóm (10 lều) để động viên lúc chiến tranh; qui định những con đường trữ binh, hội binh. Lập một bộ Targou Dchi gồm những sĩ quan lo việc hành chánh chuyên giải quyết những vấn đề khó khăn, những vụ tranh chấp; một bộ Bouliargou Dchi gồm những cảnh binh giữ an ninh trên các ngõ giao thông, kiêm phận sự bắt giữ những gia súc chạy lạc, trả lại cho chủ nếu họ chứng minh được quyền sở hữu. Luật Yassa không quên phòng ngừa những trường hợp kẻ trộm lừa ngựa, trâu của mục đồng, tội trộm như thế đều bị xử tử hình. Điều luật này nghiêm khắc đến nỗi về sau trở thành một tập tục tới ngày nay vẫn còn ở các miền biên cảnh Mông – cổ, Tân – cương: lạc đà đi lạc thì không ai dám cho uống nước để tới lúc khát quá, nó phải tìm đường trở về nhà chủ.

Lúc bấy giờ tổ chức mã khoái “Tên bay” đã cải thiện đến mức

cực kỳ chu đáo. Thành-Cát-Tư-Hãn đặt tổ chức này lên hàng quan trọng bậc nhất, giao cho tướng Gia – Luật – Mễ trực tiếp điều khiển. Người lính mã khoái là một viên chức bất khả xâm phạm. Dù là hạng thân vương, hễ nghe tiếng chuông đặc biệt của mã khoái là phải mau mau nhường lối đi cho hãn, hoặc khi gặp ngựa của hãn đã đuối sức phải tức khắc nhường ngựa của mình lại. Hãn phi ngựa bất kể ngày đêm qua đồng hoang, sa mạc... và trong vài ngày hãn có thể vượt một khoảng đường mà người khác phải mất một tuần lễ. Muốn chịu đựng nổi một cuộc sai ngựa tận lực như vậy, hãn phải dùng vài quán chắt đầu cổ mình mảy lại, vừa ngủ (vừa thức?), dở sống dở chết trên lưng ngựa. Nhờ vậy mà một việc nhỏ nhặt xảy ra đâu đó rất xa xôi, Thành-Cát-Tư-Hãn đều được báo cáo rất rõ ràng.

Những đẳng cấp do đại – hãn quy định chặt chẽ trong thời bình đều giữ y nguyên trong thời chiến. Những thân vương, những vị chỉ huy, những tù trưởng, lúc có chiến tranh thì làm vạn phu trưởng, thiên phu trưởng, bách phu trưởng. Lệnh hành quân truyền tới thì các bộ lạc phải hội binh lại để lập thành quân đoàn. Lúc thái bình thập phu trưởng phải lo rèn luyện binh sĩ của mình theo sự chỉ đạo của thượng cấp, phải kiểm soát vũ khí và quân trang sao cho lúc nào cũng sẵn sàng, đầy đủ và toàn hảo. Phải làm thế nào "hễ lệnh xuống là tức khắc lên đường, dù giữa đêm khuya cũng không có thời gian chuẩn bị". Tất cả quân nhân đều phải biết rành luật này: "Dù phạm lỗi lần thứ nhất cũng bị giáng xuống làm lính trơn và ngược lại dù xuất thân là lính mà có khả năng lỗi lạc chắc chắn sẽ được cất nhắc lên hàng chỉ huy cao cấp".

Như thế ấy, ngay trong cuộc lễ Thành-Cát-Tư-Hãn cùng các bộ tướng tổ chức xong những cơ cấu quân sự và hành chánh cho quốc gia; mỗi người đều được đặt vào một địa vị đúng với khả năng của mình.

Yassa qui định tất cả công dân từ 15 đến 60 tuổi phải thi hành quân dịch: kẻ nào không thể đi hành binh được thì phải phục vụ trong các tổ chức lao động: chăn thả gia súc, rèn khí giới, luyện ngựa chiến... không một ai lãnh lương bổng mà ngược lại, mỗi công dân phải nộp một phần mười của cải cho đại – hãn.

Để cho đàn ông có thể làm tròn bổn phận chiến đấu và lo đầy đủ thuế khóa, Yassa cho người đàn bà nhiều quyền hạn rộng rãi, được tự do nhiều phương diện, trong lúc đó ở khắp Á – Đông không có nơi nào được như vậy. Nhưng ngoại tình là tội nặng nhất đều bị xử tử hình. Trách nhiệm nặng nề nhất của người đàn bà làm việc để nâng địa vị của chồng lên. Đại hãn nói: “Nếu người vợ ngu muội, nhẹ dạ, thiếu trí thông minh, không thứ tự, người ta chỉ thấy ở họ những tính xấu xa nhất của người đàn ông. Nhưng nếu họ giỏi nội trợ, khéo xã giao, làm cho gia đình sung túc, họ sẽ nâng cao vị trí của chồng lên, gây tiếng tốt cho chồng trong những kỳ đại hội. Người ta biết một người đàn ông tốt qua người vợ giỏi của họ”.

Người đàn bà phải làm thế nào khi có lệnh của đại hãn chồng của họ có thể tức khắc bỏ mũ lông xuống, đội mũ chiến bằng da lên, xông ra chiến trường. Đàn ông chỉ lo việc giữ gìn khí giới cho sắc bén còn mọi việc khác người vợ phải lo sắp đặt sẵn sàng, từ cái áo

kép bằng lông, giày vớ đến bình đựng sữa, miếng thịt khô nhét trong yên ngựa...

Mối lo nặng nề nữa là dự trữ lương thực cho mùa đông. Trong mùa thì họ lo đánh sữa bò để lấy bơ, chất còn lại thì để cho chua rồi nấu đông lại và đem phơi cho tới lúc cứng như miếng sắt. Đến mùa đông, đem một miếng sữa khô này bỏ vào nước nóng lăc một hồi, họ sẽ có một thức uống chua. Với người Mông – cổ thì ngon tuyệt nhưng với khách lạ thì không thể nào ngửi nổi, vì nó hệt như mùi nước tiểu.

Đại hãn cũng không quên bài trừ thói làm bẩn nước giếng nước suối, cấm hẳn việc lùa súc vật tới mấy nơi đó cho uống, những kẻ vi phạm đều bị trừng phạt nặng.

Trong thời kì này, Thành-Cát-Tur-Hãn thành lập một đoàn quân túc vệ gọi là Kachik. Một hôm ông tuyên bố: “Trời đã giao cho ta sứ mạng thống trị tất cả các dân tộc, nay ta thấy cần phải có một đoàn quân túc vệ riêng cho đoàn trại ta. Các tướng hãy chọn lựa kĩ trong các vạn phu, bách phu, những người to khỏe và nhanh, thành lập đoàn quân ấy. Họ phải thuộc hàng tử đệ của các thân vương, hoặc các người chỉ huy, để phục vụ bên cạnh ta.”

Quân Kachik được liệt vào hạng thượng thặng, đặt lên trên quân đội thường trực. Cấp bậc sĩ quan chỉ huy quân túc vệ cao hơn

vạn phu trưởng nhưng không có quyền thưởng phạt. Chỉ đại hãn mới có quyền xét xử họ, và thường trực tiếp kiểm soát để biết rõ khả năng của từng người, lúc nào cần thì rút họ ra giao cho những trách vụ đặc biệt. Tổ chức đạo quân này Thành-Cát-Tư-Hãn còn nhằm mục đích khác, gom hết đám con em của hàng quý tộc lại bắt sống bên cạnh ông để dễ kiểm soát hơn vì bọn này thường kiêu hãnh, phóng túng, quen óc giai cấp, thường bất tuân thượng lệnh; hơn nữa sống trong vòng đoàn trại của ông họ sẽ là những con tin, ngăn ngừa được sự phản loạn của cha chú họ. Và ngày nào được trở về họ sẽ là những viên chức, những sĩ quan đã được huấn luyện kỹ càng, giúp ích cho đoàn trại của họ.

Trong số 10.000 túc vệ này đại hãn còn chọn ra 1000 người lập đội vệ sĩ gác ngày gọi là Tourghak, 1000 vệ sĩ gác đêm gọi là Kaptaut và 1000 thần tiễn thủ gọi là Kortchin. Ông nói với họ: “Này những vệ sĩ của ta, lúc thái bình cũng như lúc chinh chiến, các người đã lo bảo vệ cho mạng ta được an toàn không kể đêm hôm, mưa gió, tuyết băng, ta ghi nhớ công lao đó và sẽ ra lệnh cho những kẻ kế vị ta sau này phải đặc biệt săn sóc các người như săn sóc một cái đài dựng lên để kỉ niệm ta.”

Các đội vệ sĩ này đều đặt dưới quyền chỉ huy của thân vương Gia – Ganh, là một người Tây – Hạ được ông đem về làm nghĩa tử từ thuở nhỏ. Cả những vương tử cũng phải tuân lệnh Gia – Ganh.

Việc thành lập đạo quân túc vệ là một biện pháp rất cần thiết vì đế quốc Thành-Cát-Tư-Hãn đang ở thời kỳ gây dựng, dân du mục chưa quen tuân hành theo ý chí của một người. Còn nhiều mưu toan ngấm ngầm, nhiều nhóm chống nhau mà trên tất cả là pháp sư Cốc – Chu. Hãn là một người khôn khéo, nhiều thủ đoạn quỷ quyệt lại được cái thể “người tâm phúc của nhà Trời” nên trước mặt hãn ai cũng nghiêng mình sợ hãi. Ngay cả đại hãn cũng bắt đầu nhận thấy hãn là một tai ách đáng lo ngại nhất vì ở địa hạt nào ông cũng có thể áp dụng quyền uy của mình mà địa hạt tín ngưỡng thì rất khó. Cốc – Chu tự cho mình là Sứ giả của Trời và là cổ vấn tối cao của đại hãn. Hãn đứng ngoài vòng mọi lệnh luật; trong Hội đồng quý tộc hãn có mở lời trước thì các thượng tướng và thân vương mới dám nói sau. Máy bào đệ của đại hãn và mấy vương tử đều hết sức lo ngại khi nhìn thấy vẻ mặt của đại hãn sa sầm lúc theo dõi buổi họp do Cốc – Chu chủ tọa. Không bao lâu sự cừu thị giữa Cốc – Chu và gia đình đại hãn trở thành công khai. Có một lần ngay trong hội nghị một bào đệ của đại hãn lên tiếng phản đối Cốc – Chu liền bị hãn mắng trở lại. Đại hãn phải làm thinh vờ như không nghe biết. Rồi tên pháp sư lại càng lộ hành, cứ bô bô nói trước, hớt lời cả những người trưởng thượng trong hàng quốc thích. Và dân chúng bên ngoài đều hay biết tất cả...

Sự gay cấn càng ngày càng kịch liệt phải đi đến lúc quyết định. Cốc – Chu cứ tới lui viên môn của đại hãn bảo rằng: “Ngày nào Cát – Xa còn sống, ngôi báu của ngài không được Trời che chở, vì Trời đã phán định: Trước tiên Thành-Cát-Tư-Hãn bình định thiên hạ, sau đó Cát-Xa sẽ lên ngôi báu trị vì...”

Đại hãn không nói chi cả nhưng trong thâm tâm lấy làm nghi hoặc. Ông ngấm ngầm theo dõi hành động của người em rồi bắt gặp người bào đệ choàng tay lên mình nàng Cúc – Lan, đệ nhất sủng phi của mình. Như vậy lời nói của Cốc – Chu không phải là vu vơ.

Đại hãn đang ngồi một mình trong viên môn trầm ngâm nghĩ ngợi, bỗng Cốc – Chu bước vào. Vẻ hân hoan đắc thắng hiện rõ trên khuôn mặt gầy gò khắc khổ của hãn: “Ngài đã thấy rõ Cát – Xa ôm sủng phi của ngài rồi phải không?...”

Ngay giữa khuya hôm đó, Thành-Cát-Tư-Hãn sai một viên sĩ quan cận vệ dẫn quân đến lều người em tước lấy hết dấu hiệu quý tộc (mũ và đai) rồi trói Cát – Xa lại; sau đó ông đích thân đến tra vấn.

Đám thê thiếp của Cát – Xa khóc như mưa, chạy đi cầu cứu bà U – Luân. Bà mẹ của đại hãn sừng sốt vớ lấy một cây đoản đao chạy tất tả đến lều của Cát – Xa. Bọn lính gác muốn ngăn cản nhưng không dám. Lúc ấy Thành-Cát-Tư-Hãn đang cơn thịnh nộ, sát khí đằng đằng còn Cát – Xa thì nằm sóng soài trên mặt đất, tay chân bị trói chặt, nhưng vẻ rất khinh mạn. Bà U – Luân nhảy vào giữa hai người, cắt dây cho Cát – Xa rồi lấy mũ và đai trả lại. Thành linh bà xé toạc vạt áo trước, mở phanh ngực ra nói qua hơi thở hỗn hển:

- Đây này! Cả hai đứa bây đều đã bú đôi vú này!

Quay qua phía Thành-Cát-Tư-Hãn, bà thét to lên:

- Có phải mày muốn làm nát thịt, đổ máu của chính mày không? Cát – Xa có tội tình gì hử? Từ bao năm nay lúc nào nó cũng

xả thân bảo vệ mây, giờ đã giết hết kẻ thù rồi nên nó thành đồ vô dụng phải không?

Thành-Cát-Tư-Hãn lặng thinh và ngõ ngàng để mặc cho bà mẹ mắng nhiếc; một lát sau ông quay mình bước ra ngoài lều. Trở về viên môn lại thấy Bật – Tê đang chờ đợi:

- Thật là rắc rối! Đến như em của ngài mà sinh mạng cũng bị đe dọa, người khác mới như thế nào?... Đại hãn là chức gì mà phải nghe lời một thằng phù thủy?

Bà nói thật nhiều, nói không nề nang.

- Bây giờ ngài còn sống đây mà hãn không chút kiêng sợ, đến khi ngài mất rồi mới ra sao? Mấy đứa con sẽ nghe theo lệnh của ai? Ngài gây dựng đế quốc để cho con cháu hay cho tên phù thủy?...

Ngay đêm đó Thành-Cát-Tư-Hãn cho gọi Tê – Mô – Gu, người em út và bảo riêng: “Ngày mai Cốc – Chu có tới và còn giờ trò cũ nữa thì mây cứ tự tiện đối xử với hãn cách nào cũng được theo ý của mây.”

Sáng hôm sau Thành-Cát-Tư-Hãn được tin Cát – Xa đã dẫn một số thuộc hạ bỏ trại, ông liền phái Tốc – Bất – Đài phi ngựa đuổi theo kiếm Cát – Xa cho kỳ được. Tốc – Bất – Đài đuổi theo kịp và cố gắng thuyết phục: “Có thể có nhiều người liên kết với ông, nhưng chắc chắn không có ai là bạn tâm huyết. Ông cũng sẽ có một số dân chúng nhưng họ không phải là huynh đệ...” Cát – Xa liền trở về.

Trong lúc ấy, Cốc – Chu và Muôn – Lịch, cha của hãn, cùng với sáu anh em tới yết kiến Thành-Cát-Tư-Hãn.

Tê – Mô – Gu án ngữ trước mặt Cốc – Chu và bắt bẻ phải trái nhưng chưa hết lời thì bị Cốc – Chu đẩy mạnh về chỗ ngồi một cách xốc xược. Tê – Mô – Gu nhảy chồm tới rồi hai người đấm đá nhau tóe bụi. Thành-Cát-Tư-Hãn quát lên: “Các người không được đánh nhau trước mặt đại hãn. Các người hãy đi ra ngoài.”

Hai người vừa bước ra khỏi viên môn thì quân mai phục nhảy xô tới quật Cốc – Chu xuống đất, bẻ gãy đôi xương sống. Tê – mô – Gu bước vào nói to lên:

- Ra mà xem, hãn nằm sấp ngoài kia hết cục cựa rồi!

Lúc đó thái độ của mấy người anh em Cốc – Chu trở nên hung hăng lạ thường. Thành-Cát-Tư-Hãn quát lên:

- Đi ra ngoài tất cả.

Bọn họ thấy vệ binh bao vây chặt chẽ, không ai dám tỏ thái độ hăm dọa nữa liền lảng lạng khiêng xác Cốc – Chu về.

Muôn – Lịch vào viên môn kêu gào với đại hãn:

- Ngài ơi! Lúc nào tôi cũng là bạn chí thân của ngài... cho tới hôm nay...

Đại hãn giận hằm hằm cất lời:

- Người đừng láo, Muôn – Lịch! Người theo ta chỉ vì người không dám không theo. Nhưng ta vẫn tiếp nhận không hề trách móc một lời, lại cất nhắc người lên chỗ ngồi danh dự. Con người ta cũng ban cho những địa vị xứng đáng, cao quý hơn mọi người, vậy mà người không dạy cho chúng nó biết khiêm tốn, phục tùng. Cốc – Chu muốn trèo lên đầu các con và các em của ta! Hãn lại cả gan muốn tranh quyền với ta nữa... Và cả người cũng vậy! Người đã thề tuyệt đối trung thành với ta mà bây giờ người vờ như không có! Thế nghĩa

là gì? Mới cam kết buổi tối, sáng hôm sau đã phản bội! Thôi đừng có nói thêm một lời nào nữa ...

Muôn – Lịch nín câm và không đá động tới cái chết của con mình nữa. Về sau ông vẫn tiếp tục dự Hội đồng tướng lĩnh, mấy người con vẫn giữ những địa vị quan trọng trong quân đội.

Khi dân chúng hay tin Cốc – Chu đã chết, họ đồn nhau rằng hãn đã bay về trời, vì không thấy thi thể của hãn. Đại hãn liền thông báo như sau: “Pháp sư Cốc – Chu đã vu khống cho bào đệ của đại hãn nên bị Trời trừng phạt, lấy lại đời sống và thể xác của hãn vì bao giờ Trời cũng phò hộ đại hãn với hoàng tộc và tiêu diệt tất cả kẻ thù thuộc hạ nào toan xúc phạm tới đại hãn.”

Thành Cát Tư Hãn

Chương XII

CUỘC VIỄN CHINH THỨ NHẤT: TÀN PHÁ TÂY – HẠ

Lãnh thổ Mông-cổ bây giờ tiếp giáp với ba nước lớn: phía Đông và Đông Nam, sau đây Vạn lý trường thành là Đại-Kim đang thời kỳ cường thịnh; phía Nam là nước Tây-Hạ; phía Tây bên kia núi Pamir là đế quốc Tây-Liêu.

Để chuẩn bị cuộc xâm lăng, bộ Tổng tham mưu Mông-cổ thả rất nhiều điệp viên qua ba nước ấy dò la thực lực, quan sát binh tình.

Lúc ấy Tây-Liêu đang ở dưới quyền cai trị của một hoàng đế lão nhược không thích gây hấn với ai nữa. Nhưng bọn thái thú của ông ta rất hà khắc khiến cho dân các xứ phiên thuộc như Thổ-phồn hết sức ca thán. Trong thời kỳ này quân Mông-cổ đã tiến sâu vào vùng núi Altai, đánh đuổi khả hãn Bui-Rúc chấm dứt cuộc đô hộ Nãi-man, nước Thổ-phồn mới mở rộng ra từ biên giới Mông-cổ đến Tây-Liêu. Thành Cát Tư Hãn gửi một sứ bộ qua Thổ-phồn gọi vua I-Di-Cút hãy quy phục Mông-cổ. Nhà vua liền gửi đồ cống hiến đến trước rồi đích thân tới Mông –cổ xin làm phiên thần.

Dân Tây-Hạ thuộc giống Tây-tạng, xưa kia là bộ lạc Thát-bạt chiếm khu vực A-la-chan và Ordos, đời Đường qui phụ Trung-hoa nhưng người em chú bác lại hàng Liêu được phong Hạ-vương. Vua Tống cho Kế-Bồng dụ Kế-Thiên bỏ Liêu theo Tống, nhưng chẳng bao lâu hai anh em đều phản Tống. Kế-Bồng bị bắt, Kế-Thiên chiếm Linh-châu làm căn cứ. Truyền xuống đời cháu là Nguyên-Hạo một tay hùng kiệt nhiều mưu lược, thu dụng văn minh Trung-hoa, đánh chiếm 18 châu ở Hà-tây (thuộc các tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc và một phần đất Tân-cương ngày nay) định đô ở Ninh-hạ, quốc hiệu Đại-Hạ. Vua Tống phong Tây-Hạ quốc vương.

Sau hồi chiến thắng Nãi-man, Thành-Cát Tư-Hãn mới biết rõ Tây-Hạ qua kinh nghiệm bản thân. Ông xua quân đột kích vào vùng biên cảnh xứ này đốt phá mấy làng, thấy dân tộc này là dân đô thị không

quen chinh chiến. Kị binh Mông-cổ đã xéo tan đám bộ binh chuyên phóng lao của họ, nhưng không muốn vào sâu hơn nữa, Đại-Hãn cho rút quân về. Cho nên người Tây-Hạ không cho là quan trọng, họ quan niệm như một cuộc quấy nhiễu cướp bóc thông thường của dân du mục.

Nước láng giềng thứ ba là đế quốc Kim sau dãy Trường-thành. Dân Kim thuộc giống người Nữ-chân (Djurtchat) xuất phát ở thượng lưu sông Amour, là một dân tộc mạnh mẽ, chất phát. Thời ấy nước Liêu cho Hoàng-Nhan Ô-Cốt-Nãi làm tiết độ sứ đất Nữ-chân. Ô-Cốt-Nãi truyền xuống 5 đời đến Ô-Cốt-Dã thì phản Liêu, chiếm miền Đông bắc tỉnh Cát-lâm ngày nay, xưng đế gọi là nước Kim. Ít lâu sau Kim lại xua quân đánh chiếm nước Liêu, hạ thành Yên-kinh (1125). Diệt Liêu rồi Kim lại xua quân đánh Tống, vây hãm kinh đô, vua Khâm-Tông phải nhường đất, nạp cống phải gọi vua Kim bằng bác, gọi thân vương, tể tướng làm con tin. Nhưng chưa đầy một năm quân Kim lại hãm kinh thành, lập Trương-Bang-Xương làm Sở đế rồi bắt vua Khâm-Tông cùng hoàng gia về Bắc, Trương-Bang-Xương lui về đóng đô ở Lâm-an (Chiết-giang) đó là vua Cao-Tông nhà Nam-Tống. Bây giờ nước Kim chiếm cả miền Bắc Trung-quốc gồm có Đông tam tỉnh, các tỉnh ở lưu vực Hoàng-Hà, tỉnh Giang-tô, tỉnh An-huy và dãy đất phía Bắc sông Hoài, đóng đô ở Yên-kinh (Bắc-kinh).

Ngoài những báo cáo tỉ mỉ, đầy đủ chi tiết của bọn điệp viên, Thành-Cát Tư-Hãn còn đặc biệt chú trọng đến những lời tường thuật của bọn thương nhân. Trong Kim trưởng đại hãn nhấp koumiss yên lặng, chăm chú nghe họ kể từ những kỳ lạ này đến kỳ lạ khác: những cái

cầu đá bắc ngang sông; những chiếc thuyền cao rộng ngược xuôi trên dòng nước. Hạng giàu có không cỡi ngựa mà ngồi trên những chiếc xe chạm trổ vàng son... Tất cả những gì bày ra ở nước Kim đều lộng lẫy, ngoạn mục không thể tưởng tượng được. Chẳng những giàu sang, hoa lệ nước Kim còn hùng mạnh nữa. Thành thị của họ rộng lớn vô cùng chứa không biết bao nhiêu dân chúng mà kể, có thể nói tất cả dân Mông-cổ tụ họp lại chỉ mới đủ cho một thành mà thôi. Những đô thị ấy đều bao bọc bằng một vòng tường thành vĩ đại, cao ngất, không có con ngựa nào trên thế gian này vượt qua được, cũng không có kẻ địch nào trèo qua nổi. Mỗi đô thị chỉ bắt một người dân đi lính thôi, hoàng đế nước ấy sẽ có một đạo quân đông gấp mấy lần quân đội Mông-cổ. Họ có những cây cung phải 20 người giương mới nổi, những chiến xa tới 20 con ngựa kéo. Lúc giao chiến họ phóng lửa vào quân địch, tiếng nổ như sấm sét, vật gì cũng bị phá tan thành mảnh vụn...

Càng nghe nhiều về câu chuyện của bọn thương nhân, Thành-Cát Tư-Hãn càng lo lắng nghĩ ngợi vì họ thuật đúng như báo cáo của điệp viên: những phương tiện chiến tranh của hoàng đế Kim thật không có cách gì phá được; quân đội nhiều vô tận, thành trì bất khả xâm, vũ khí muôn trùng không đếm xiết.

Mà chủ trương của ông thì phải đánh nước Kim, phải liều với họ một trận giặc vì lẽ sống còn. Có điều khó hiểu là tại sao lần này nước Kim dễ yên cho ông thống nhất lực lượng du mục vì từ mấy trăm năm qua đế quốc này luôn luôn phá hoại sự đoàn kết của dân tộc ở lều. Họ cứ liên kết bộ lạc này để tiêu diệt bộ lạc khác. Với chiến thuật ấy

họ diệt ngay từ lúc nảy mầm lực lượng nào có cơ phát triển. Họ đã đầu độc khả hãn Ka-Buôn, giết khả hãn Ka-Tuôn, xử cực hình hai khả hãn khác trong tộc Bọt-Di-Dinh chỉ vì những vị chúa nói trên đã qui tụ được một số bộ lạc đông đảo.

Thật ra lần này cuộc diện ở mạn Bắc thay đổi quá nhanh chóng khiến nước Kim không đỡ trò gì được. Thành-Cát Tư-Hãn lần lượt chiến thắng những kẻ địch mà bọn tướng lĩnh Kim ngỡ rằng bọn ấy mạnh hơn và nguy hiểm hơn ông, như Tô-Ha-Rin, Tút-Sa-Bét, Bai-Bu-Ka. Họ đã đánh giá ông sai lầm, nên sau bức Trường thành họ chễm chệ trong việc tung ra những âm mưu có thể đưa ông đến chỗ thất bại. Đến lúc ông tiêu diệt hết kẻ địch, sự thống nhất Mông-cổ đến tai họ một cách bất ngờ như một tiếng sét. Mãi đến sau cùng hoàng thân Vĩnh-Tế mới làm cuộc hành trình gần hai ngàn dặm qua sa mạc để xem sự gì đã xảy ra thì đã quá muộn. Không còn một bộ lạc nào mà nước Kim có thể kéo bè về với mình được. Bây giờ muốn dẹp ông, nước Kim phải xua quân qua sa mạc mới được. Nhưng ông đã biết rõ thứ quân đội này hồi 10 năm về trước lúc đánh quân Thát-đát. Họ muốn tới thì cứ tới...

Thật ra chính cái quỷ quyết của bọn cầm quyền nước Kim đã làm cho Thành-Cát Tư-Hãn lo ngại. Không những họ che chở ủng hộ bọn bất mãn, mà còn gieo sự bất mãn xúi giục, thúc đẩy bọn này nổi loạn. Đáng lo nhất là mấy vương tử chẳng biết có duy trì nổi kỷ luật sắt đối với đám thân vương hay không vì đám này dễ bị cám dỗ, thiếu kiên nhẫn trước những áp lực? Bọn Kim nếu mưu chia rẽ mấy người con của ông ra bằng cách phong chức tước, hứa hẹn lạc quan, chẳng

biết chúng nó có đủ trí khôn ngoan để đương đầu lại không? Tây-liêu và Tây-hạ không phải là thứ láng giềng nguy hiểm. Chỉ có đế quốc Kim hể ngày nào còn bên cạnh là Mông-cổ còn bị mối đe dọa nặng nề.

Vì những lẽ trên mà Thành-Cát Tư-Hãn cương quyết phát động một cuộc chiến tranh qui mô, một cuộc chiến tranh để giải quyết dứt khoát vấn đề với nước Kim. Nhưng qua những tin tức ông thấy rõ quân đội Mông-cổ chưa đủ tiềm lực, chưa sẵn sàng để tiến tới một trận chiến định đoạt. Cho nên với tất cả sự lo xa và dè dặt, Thành-Cát Tư-Hãn bắt đầu một cuộc chuẩn bị chu đáo cho chiến cuộc khốc liệt sau này.

Tây-hạ là một nước có thành trì, có quân đội vũ trang và được huấn luyện theo Trung-quốc. Đại hãn nhận thấy thượng sách là đem quân lực của mình thử sức trước ở tại nước này đồng thời để rèn luyện binh sĩ quen với chiến thuật công thành.

Ông liền xua đoàn kỵ binh tiến vào Tây-hạ, đánh tan đạo quân ra nghinh chiến, tràn vào một ít làng nhỏ và tiến tới trước thành Wolohai, một cái thành kiên cố. Khi thế đang hăng, quân Mông-cổ liền ào tới hãm thành. Họ tấn công nhiều đợt liên tiếp nhưng đều thất bại nặng. Sau cùng Thành-Cát Tư-Hãn đích thân chỉ huy tung ra một đợt tấn công nữa nhưng cũng vô hiệu quả. Bây giờ mới thấy rõ kỵ binh Mông-cổ không thể thành công trong lối đánh giặc này. Họ không thể kiên nhẫn chờ đợi, không biết tiến tới mục tiêu từng bước một...

Nổi bất mãn và hoang mang lan tràn khắp các trại, nhưng đại hãn không nói tới chuyện rút quân. Sau mấy ngày tính toán ông đem áp dụng một quỷ kế: đề nghị với bọn chỉ huy trong thành nếu đem nạp gấp 1.000 con mèo và 10.000 chim én, ông sẽ hạ lệnh rút quân. Viên tướng thủ thành hết sức ngạc nhiên, không hiểu bọn rợ đòi như thế để làm gì, nhưng cũng tổ chức một cuộc lùng bắt tất cả mèo và chim én đem nạp, tuy nhiên họ rất dè dặt không dám mở cửa thành. Đại hãn đâu cần mở cửa thành làm gì nữa. Ông cho binh sĩ cột vào đuôi mỗi con vật nói trên một chùm bói, châm lửa đốt rồi thả ra tất cả. Bị lửa đốt nóng, chim én kinh hoàng bay về chui vào các mái tranh, mèo thì chạy cuồn cuộn rút vào các xó nhà. Dân chúng trong thành nhốn nháo cả lên rùng rùng đi đuổi bắt, nhưng bắt sao cho hết được. Chẳng bao lâu lửa dấy lên cháy lan tràn khắp bốn phía thì ngay lúc ấy quân Mông-cổ ồ ạt tràn vào thành.

Binh Mông-cổ reo hò vang dậy: họ đã chiếm được thành. Không có sức nào kháng cự nổi với đại hãn của họ! Họ sẽ kéo đi chiếm trọn lãnh thổ Tây-hạ!

Nhưng Thành-Cát Tư-Hãn không lạc quan như thế, vì quỷ kế này chỉ đem lại một lần thắng lợi mà thôi. Lần sau thì làm thế nào? Ông thấy rõ mình bất lực trước những bức tường thành. Cho nên quân sĩ đều ngạc nhiên không hiểu sao đại hãn không tiến binh nữa.

Trong lúc ấy vua Tây-hạ ráo riết tổ chức một đạo quân mạnh và tăng cường sự phòng thủ ở các nơi khác. Nhưng bách quan kéo tới vương cung ở Ninh-hạ đồng tâu rằng: “Chúa Mông-cổ đòi phải nạp

tuế cống, ông ta mới chịu nghị hòa và rút quân ra khỏi đất nước”.

Nghe qua chúa Tây-hạ bưng bưng nổi giận, muốn bác bỏ đề nghị hỗn của dân du mục vì có bao giờ chúa tể một đế quốc rộng lớn lại chịu làm phiên thần của một tù trưởng man rợ? Bọn tướng lãnh phải nhắc cho nhà vua nhớ là chính hoàng đế Trung-quốc đã có lần phải tạm thời cống hiến bảo vật cho một vương tử Mông-cổ để họ lui quân rồi sau đó chỉnh tu binh mã đánh quật trở lại.

Thế là Tây-hạ đành chịu nghị hòa đem nạp cống phẩm, Đại hãn liền rút quân về đoàn trại. Quân sĩ Mông-cổ từ đó càng nôn nao khao khát những cuộc viễn chinh mới. Riêng Thành-Cát Tư-Hãn, ông đã thấy rõ sức mạnh của dân đô thị và nhược điểm của quân lực mình. Chỉ còn cách là phải khai thác những kinh nghiệm vừa qua.

Sau trận này Thành-Cát Tư-Hãn nhận thấy cần phải rèn luyện lại cấp lãnh đạo quân sự, tạo một tập đoàn tướng lãnh tinh thông binh pháp có đầy đủ khả năng đối phó với mọi tình thế khó khăn. Do đó tất cả tướng lãnh và tù trưởng ở các nơi đều được gọi về trung ương dự những lớp giảng về binh pháp của ông... Để ngăn ngừa sự trốn lánh, ông ra một điều luật mới ghi trong Yassa: “Ai có ý trốn tránh không tới họp mặt để nghe huấn dụ của ta, người đó sẽ lâm vào số phận của một hòn đá rơi xuống nước không ai còn thấy bóng nữa”.

Ba mươi năm sau thời kỳ mở những lớp giảng huấn nói trên, Bạt-Đô – cháu nội của Thành-Cát Tư-Hãn – tổ chức một lực lượng 600.000 người mà trong đó chỉ có một phần tư người Mông-cổ. Tất cả số

người này đều giữ chức vụ chỉ huy từ hàng thập phu trưởng đến hàng cao cấp nhất. Đám thượng tướng của Bạt-Đô có thể điều khiển dễ dàng cùng một lúc nhiều chiến dịch hành quân trên một dải đất bao la từ Ba-lan đến Ba-nhĩ-cán, từ sông Dnieper đến biển Adriatique, và sau kết thúc những trận đánh rồi, các quân đoàn đều tập hợp trở về đông đủ cả. Không một nhà chỉ huy quân sự nào của Âu-châu thời bấy giờ có thể làm tròn được một nhiệm vụ nặng nề phức tạp như thế.

Khóa học đầu tiên của trường quân sự Mông-cổ là khóa học về chiến thuật công thành: cách sử dụng thang dây, bao cát, cách chế tạo và sử dụng những cái mộc vĩ đại dùng để đỡ tên, cho các đội xung kích. Mỗi bộ lạc phải chế tạo một số dụng cụ cần thiết để công thành, nạp vào kho quân cụ do những sĩ quan phụ trách việc giữ gìn và phân phát lúc xuất chinh.

Trong lúc ấy đại hãn lại phong Truật-Xích làm chủ tướng cùng với Túc-Bất-Đài và Triết-Biệt điều động một quân đoàn lên mạn Tây Bắc quét cho sạch những đám loạn quân lẻ tẻ còn sót lại ở biên cảnh Mông-cổ. Bây giờ ông khởi cần phải thân chinh đối với những đám giặc chòm như thế; một thế hệ mới đã trưởng thành và cần học tập chiến đấu dưới sự điều khiển của các thượng tướng lão luyện. Ở ngôi đại hãn ông chỉ cần ban bố những lời khích lệ tinh thần:

- Hỡi các tướng trung thành của ta! Các ngươi là hạng sáng sủa như vàng minh nguyệt thật xứng đáng là cấp chỉ huy các binh đoàn. Các ngươi là những hột trân châu trang điểm trên mũ miện của ta! Các ngươi phải là trung tâm điểm của vũ trụ, phải là núi đá đứng

sừng sững giữa trời. Hỡi ba quân đang đứng quanh ta như bức tường thành kiên cố, đội ngũ chỉnh tề như cánh rừng sậy hãy lắng nghe lời nói của ta:

Các người hãy đoàn kết chặt chẽ như năm ngón tay; lúc tấn công hãy như chim ưng đáp xuống con mồi; lúc tiêu khiển hãy vũ múa như con công; lúc giao chiến hãy lao vào kẻ địch như con ó lao xuống đàn gà...

Truật-Xích thống lĩnh quân đoàn qua Nãi-man bắt tất cả những bộ lạc bất tuân phải qui phụ rồi vượt qua rặng núi Saïan đổ xuống đồng cỏ Khirghises đặt bộ lạc này vào vòng thống trị. Bây giờ bộ lạc Oi-Rat đang bị quân Miệt-nhi tàn hại, liên tình nguyện dẫn đạo đi lòng kẻ thù. Chúa Miệt-nhi là Tút-Sa-Bét không còn đường né tránh nữa đành phải giao chiến, rốt cuộc bị bắt giết.

Chót hết là Gút-Sơ-Lút một kẻ thù cũ còn sống sót, chạy thoát được qua hàng Tây-liêu.

Thành-Cát Tư-Hãn rất hài lòng về chiến công của thái tử. Khi đoàn quân chiến thắng trở về ông cho tổ chức một cuộc đón rước cực kỳ long trọng, rồi ban thưởng cho Truật-Xích một hãn địa riêng. “Lần đầu tiên xuất chinh không có ta bên cạnh mà con khuất phục được các bộ lạc ở rừng không hao quân, thật đáng khen. Ta ban thưởng cho con tất cả những miền vừa mới bình định ấy.”

Món quà này sau trở thành một đế quốc riêng tức đế quốc Khâm sát mà các sử gia thường gọi là Kim-hãn-địa (Horde d'or) bao gồm

những thái ấp của các vương tử Nga. Suốt nhiều thế kỷ đăm vương tử Nga phải đến tuyên thệ trung thành trước khả hãn Mông-cổ để được sắc phong vương tước.

Hai năm sau chiến cuộc Tây-hạ bỗng có tin cấp báo về Onon: hoàng đế Kim đã băng hà, thái tử Vĩnh-Tế lên nối ngôi.

Năm đầu Tây-hạ có đem nạp cống đầy đủ nhưng qua năm sau không thấy họ tới nữa. Như thế có nghĩa là tự cho mình có đủ lực lượng đối phó rồi, nếu không vị tân vương không dám nạp cống trễ chớ đừng nói đến việc lờ đi như thế.

Thành-Cát Tư-Hãn liền vin cớ đó khởi binh tái chiến với Tây-hạ. Ngay trận đầu quân Tây-hạ bị đánh tan rã; binh Mông-cổ liền tiến chiếm thành Wolohai, đoạt thêm một thành nữa rồi vượt qua Trường thành. Tại đây binh Mông-cổ lại giao chiến với một đạo binh do một vương tử Tây-hạ chỉ huy. Quân địch bị tổn thất nặng phải rút về thành Ninh-hạ là đế đô nằm trên thượng lưu sông Hoàng-hà. Quân Mông-cổ đuổi theo và bao vây kinh thành.

Một lần nữa quân Mông-cổ đành chịu bất lực trước những vách thành kiên cố. Thật ra lúc bấy giờ họ đã tiến tới trình độ có thể chiếm những thành nhỏ, nhưng Ninh-hạ là một đô thị lớn đông dân, phòng thủ thật vững chắc không dễ gì hạ nổi. Mà thì giờ thì cấp bách, không thể chần chờ ở xứ này được vì Thành-Cát Tư-Hãn chỉ nghĩ tới nước Kim, muốn diệt đế quốc ấy càng sớm càng tốt. Đại hãn nghe nói người Trung quốc có chiến thuật tháo nước cho ngập thành, liền sai

đi bắt một số dân Trung-quốc về bảo xây một cái đập lớn, lùa nước sông Hoàng-hà vào thành Ninh-hạ. Nhưng mới xây lên được phân nửa thì đập vỡ, nước tràn ra lụt hết cánh đồng mà quân Mông-cổ đang đóng trại. Họ phải cấp tốc cuốn lều chạy lên các đồi cao.

Tuy vậy tình thế của quân Tây-hạ cũng không có gì lạc quan hơn. Chiếm thành không được, quân Mông-cổ liền tràn ra khắp các làng mạc cướp phá tan tành; quân Tây-hạ cứ bế môn ở mãi trong thành chẳng làm gì khác hơn được. Cho nên khi quân Mông-cổ gởi sứ giả tới nghị hòa, chúa Tây-hạ mới thở ra nhẹ nhõm chấp nhận tất cả các điều kiện hết sức khắt khe: nộp thuế cống thật nặng; phải trợ lực Mông-cổ trong những cuộc chinh phạt ở các nước khác và để tỏ thiện ý, phải gả công chúa cho đại hãn (1209). Thế rồi yến tiệc mở ra linh đình mừng tình hữu nghị giữa hai nước. Xong đâu đó, Thành-Cát Tư-Hãn vội vã rút quân về.

Được nửa đường bỗng có mã khoái “Tên bay” từ miền đồng tới báo tin một đoàn sứ giả nước Kim đã tới cõi ngoài Trường thành. Đại hãn liền dừng binh đón chờ. Ông ra đứng trước lều tiếp sứ giả của vua Kim. Viên chánh sứ bảo người thông ngôn nói lại rằng “có chiếu chỉ của hoàng đế Đại kim, Đại hãn phải làm lễ bái lĩnh”.

Thành-Cát Tư-Hãn hỏi:

- Hiện giờ ai là hoàng đế nước Kim? - Làm như ông không hay biết về việc đổi ngôi.

Sứ giả trả lời:

- Hoàng đế Vĩnh-Tế.

Thành-Cát Tư-Hãn liền quay về hướng Nam, thay vì quì lạy kính cẩn,

lại khạc xuống đất với vẻ vô cùng khinh bỉ.

- Ta tưởng rằng kẻ nào tự xưng là thiên tử phải là hạng khác thường; còn hèn nhát như thằng Vĩnh-Tế thì ra cái thá gì mà bắt kẻ khác phải quì lạy!

Nói xong đại hãn sai đem ngựa lại tiếp tục cuộc hành trình.

Phản viên chánh sứ, hãn quay trở về với cả một nỗi khổ tâm mong cho đường càng xa càng tốt. Hãn vò đầu bứt tóc không biết phải xử trí như thế nào với hoàng đế về lời lẽ khinh miệt của chúa du mục. Và mặc dù đã dùng lời lẽ hết sức khéo léo che giấu bớt sự thật, hoàng đế cũng nổi cơn lôi đình lên quát vệ sĩ tống hãn vào ngục.

Rồi nhà vua hội tất cả bá quan văn võ ở Yên-kinh lại hỏi ý kiến từng người. Ý kiến rất phức tạp và trái ngược nhau. Sau cùng nhà vua mới quyết định, hạ lệnh cho các tướng:

Viên tướng chủ trương đánh phải dẫn quân đến tận sào huyệt bọn Rợ trừng phạt thẳng tay tên tù trưởng.

Viên tướng chủ trương dò xét hành động bọn Rợ phải gấp rút đào hào đắp lũy án ngữ ngoài Trường thành, tăng cường quân trú phòng ở các nơi dễ phòng địch đánh bất ngờ.

Mới tới sa mạc Gobi, viên tướng viễn chinh đã ngao ngán án binh tại đó rồi thả lính đi cướp lương thảo của dân Ong-Gút là dân phiên thuộc của Kim. Ngay lúc đó, thân vương Triết-Biệt được lệnh Thành-Cát Tư-Hãn dẫn 2 vạn phu xuống mạn Đông tìm họ. Quân Mông-cổ ồ

ạt tấn công, đại thắng quân Kim, san bằng cái lũy vừa mới đắp lên rồi kéo dân Ong-Gút về thần phục Mông-cổ.

Sau trận này quân Kim mất hết nhuệ khí, tinh thần chiến đấu rã rời. Nguy hơn nữa là trận đầu của triều đại mới mà thảm bại như thế làm sụp đổ luôn lòng tin tưởng của dân chúng, cho nên hoàng đế Kim phải cho yết thị khắp nơi cấm ngặt không cho loan tin “Có quân Rợ kéo tới ngoài Trường thành”, ai vi lệnh sẽ bị cực hình.

Ít ngày sau quan trấn thủ Trường thành lại gấp rút về triều cấp báo: quân Mông-cổ đang chuẩn bị đánh lớn. Nhưng ông ta bị hoàng đế khiển trách nặng nề; ngài cho rằng ông tau láo khoét, để quốc Kim với Mông-cổ vẫn đang giao hảo tốt đẹp. Quan trấn thủ lại cứ quả quyết rằng quân Mông-cổ đang mài tên giữa giáo, chắc chắn sẽ có trận xâm lăng... Kết quả ông ta bị tống vào ngục.

Nhờ thế mà Thành-Cát Tư-Hãn được trọn một năm hoàn yên ổn để chuẩn bị trận đánh lớn nhất của đời ông.

Thành Cát Tư Hãn

Chương XIII

CHINH PHẠT NƯỚC KIM

Mùa xuân năm 1211, Thành-Cát-Tư-Hãn hội quân bên sông Tây bình (Kéroulène). Tất cả tráng đinh từ núi Altai đến núi Chingan đều phải nhập ngũ vì lần chinh phục này quan hệ tới vận mệnh của tất cả dân tộc du mục.

Đại hãn tuyên bố: “Đã đến lúc phải đánh nước Kim, nước đã nhiều phen phản bội các khải hãn đời trước và luôn luôn tàn sát áp bức những dân tộc ở lều”.

Nghe xong, toàn thể ba quân nhiệt liệt hoan nghênh, tiếng reo mừng vang dậy núi sông, vì còn gì thỏa thích cho bằng chiếm cái nước giàu mạnh, của báu vô tận ấy; họ sẽ đoạt nhiều bảo vật, nhiều đồ kỳ lạ chưa hề thấy trong cuộc đời chinh chiến.

Riêng Thành – Cát – Tư – Hãn, ông nhận thấy việc làm của mình hết sức trọng đại, nó quyết định sự tồn vong của đế quốc mới thành lập. Nếu chẳng may thất bại, đế quốc sẽ sụp đổ vĩnh viễn; những xứ mới chinh phục ở chung quanh sẽ tràn tới cướp bóc tàn sát dân Mông Cổ; những bộ lạc vừa đặt dưới quyền thống trị của ông sẽ nổi loạn; những miền mới thống nhất sẽ ly khai... Cái vinh quang của dòng Bọt Di Dinh, của Mông cổ do bao nhiêu công lao của ông tạo nên sẽ tan biến như mây khói. Nhưng ông nhất quyết phải giáng một đòn xuống nước Kim.

Công cuộc chuẩn bị đã đến mức chu đáo, chẳng còn điều gì đáng lo ngại... Bây giờ bốn phía biên thùý đều yên ổn, các nước láng giềng

đều là bạn đồng minh. Đáng lo ngại hơn cả là Tây hạ thì bây giờ họ đã quá suy nhược rồi, trong nhiều năm nữa họ cũng chưa dám gây chiến với ai. Trong nội bộ, nếu có thân vương hoặc tù trưởng nào còn thêm khát độc lập - bấy lâu nay chỉ thần phục một cách miễn cưỡng - ông bắt phải dự chiến luôn cả cha mẹ con cái và chiến sĩ của họ. Tại đất nhà chỉ còn lại bô lão, đàn bà, trẻ con với 2.000 quân túc vệ; tất cả 20 vạn kỵ quân phải dự cuộc nam chinh.

Chiến cuộc này hết sức trọng hệ, mối nguy hiểm cũng lớn lao nên không thể giao cho một pháp sư cầu nguyện vu vơ được. Đích thân Thành-Cát-Tư-Hãn làm lễ tế cáo trời đất. Một mình ông đi vào lều riêng “tiếp xúc” với Trời. Ông khấn với đáng tối cao rằng ông chỉ muốn báo thù cho tổ tiên; nêu danh tất cả những khả hãn đời trước đã chết dưới tay người Kim và kể những nỗi thống khổ của dân du mục bao phen bị dày xéo. Trời Xanh chí công chẳng lẽ để cho dân tộc Mông cổ bị đọa đày mãi, chịu đựng mãi sự bất công do một dân tộc giáo quyết, phản phúc gây ra? Trời Xanh hãy gọi những thần Thiện xuống giúp ông và cả những thần Ác nữa vì những vị Thần này cũng có sức mạnh kinh khủng. Trời xanh đã phán bảo tất cả các dân tộc đang sống trên mặt đất này phải họp lại chống nước Kim.

Ở trong lều luôn ba ngày, đại hãn chỉ lo trai giới và cầu nguyện. Đến ngày thứ tư ông mới ra ngoài báo cho dân chúng hay “Trời sắp ban cho ông sự chiến thắng vẻ vang”.

Từ sông Tây – binh quân Mông cổ rầm rộ trẩy binh đến biên giới nước Kim xa 1400 dặm. Quân thám sát đi đầu, tiến theo hình rẽ

quạt. Họ không để lọt một thứ gì ra ngoài tầm mắt, từ một dòng suối, một địa điểm đóng trại đến tên thám mã địch núp trong bụi. Nối theo là ba quân đoàn hùng dũng do những tướng tài ba nhất chỉ huy: Mộc Hoa Lê, Túc Bất Đài, Triết Biệt làm ba cánh trung quân, tả quân, và hữu quân. Họ vượt qua những rừng núi phía đông sa mạc Gobi, nhân mã đều toàn vẹn không bị một tổn thất nào cả. Họ mang theo tất cả những vật dụng cần thiết, mỗi kỵ binh đều có dắt thêm một con ngựa để thay đổi, lại chở theo hàng đàn súc vật làm lương thực qua sa mạc; lúc bấy giờ đúng ngay mùa tuyết tan nên không lo ngại vấn đề nước, cỏ cho ngựa. Đó là lúc trẩy quân chớ lương thảo của binh Mông cổ bao giờ cũng sẵn ở trước mặt, ở xứ này mà họ sắp chinh phục.

Đế đô nước Kim lúc bấy giờ là Yên kinh (Bắc Kinh) nằm ở trung tâm đế quốc, là mục tiêu của Thành – Cát – Tư – Hãn. Các toán tiền quân Mông cổ đều hướng thẳng về đó. Họ vượt qua Trường thành ngay khoảng có hai lớp vách cách nhau 200 dặm được phòng thủ rất cẩn mật. Xưa nay những bức thành này che chở vùng bình nguyên Yên kinh, chặn đứng những cuộc xâm lăng của dân du mục.

Bấy giờ, nước Kim tổ chức việc quốc phòng rất chu đáo, nhiều binh đoàn hùng hậu đóng ở gần kinh đô. Nghe tin quân Mông cổ tới, họ liền kéo lên định vây hãm địch ở vùng hiểm địa nằm giữa hai bức thành ấy. Bỗng có tin cấp báo: “Cánh quân Mông cổ ấy là tiền quân chỉ đánh nhử mà thôi. Đại quân của họ do Thành-Cát-Tư-Hãn chỉ huy cũng đã vượt qua trường thành cách đó 400 dặm cho (do?) quân

Ong Gút trấn giữ. Họ vượt qua dễ dàng gần như khỏi rút kiếm và đã xuất hiện trong tỉnh Sơn tây như ở trên trời rơi xuống”.

Nghe tin, quân Kim sợ thất thế định rút về những thành ở gần hơn hết; họ kéo qua phía Tây, băng ngang vùng núi non không có đường xá. Cánh tiền quân Mông Cổ liền bọc qua phía Tây nhưng nhờ phi ngựa nên nhanh hơn quân Kim – phần đông chỉ chạy bộ. Quân Kim bị tấn công hai mặt; pháo binh của họ quá nặng nề kèngh càng trở thành cái bia dễ nhắm nhất cho quân cung nỏ Mông cổ. Một trận mưa tên tưới xuống làm tán loạn hàng ngũ, tiếp theo là trận xung kích vũ bão của 20 vạn quân kỵ - một lối tấn công mà cả thế giới lúc bấy giờ không có quân đội nào đỡ nổi.

Chỉ một trận đầu, đạo quân tinh nhuệ nhất của Kim bị tiêu diệt. Quân Mông cổ tràn ngập trong tỉnh Sơn Tây.

Thành-Cát-Tur-Hãn cho quân tản ra trên một tầm cực rộng để có đầy đủ lương thảo nhưng không ngại nguy hiểm vì tổ chức liên lạc chạy rất điều hòa. Nếu địch quân xuất hiện ở đâu đó thì các cánh quân của ông có thể trong vòng một hai ngày tập trung lại đối địch. Ở đây cũng như ở khắp các mặt trận khác sau này đường liên lạc giữa đại hãn và các tướng lãnh không bao giờ đứt đoạn. Chiến thuật lúc tiến thì tản ra, lúc đánh thì họp lại được Thành-Cát-Tur-Hãn áp dụng một cách tuyệt hảo. Cho nên kẻ địch phải ngạc nhiên thấy bất cứ ở nơi nào binh Mông cổ cũng có thể xuất hiện đột ngột và đến những trận quyết định họ xuất hiện đông đảo không ngờ được.

Bây giờ ba đạo quân Mông cổ do các vương tử chỉ huy tiến theo hình cánh quạt qua suốt tỉnh Sơn tây.

Thành Cát Tư Hãn và Đà Lôi chỉ huy cuộc bao vây thành Đại Đồng Tây kinh của nước Kim.

Triết Biệt dẫn đạo quân thứ năm đi tìm đường xuống bình nguyên Yên Kinh.

Lúc viên tướng này hạ hết những cái thành lẻ tẻ, mở được con đường rồi, Thành-Cát-Tư-Hãn liền bỏ Đại Đồng, ba vương tử cũng bỏ những thành đã chiếm, đồng kéo róc lực lượng xuống bình nguyên tiến thẳng đến cửa thành Yên Kinh.

Đây là lần thứ nhất Thành-Cát-Tư-Hãn được dịp đứng trước một kinh thành vĩ đại. Ông cho ngựa rảo một vòng để quan sát: nào hào, nào tường ... thật là sâu, thật là kiên cố, thật là rộng lớn! Không ngờ con người có thể làm được một công trình lớn lao đến như thế!

Đại hãn hết sức băn khoăn: Bây giờ phải làm thế nào? Có lẽ không bao giờ ông làm chủ được cái đô thị có mấy trăm ngàn quân trú phòng này! Có lẽ không bao giờ làm chúa tể đế quốc Kim được! Ông đã chiến thắng bốn đạo quân rồi, đạo quân nào quân số cũng đông gấp mấy lần quân của ông, vậy mà tin cho biết còn nhiều lực lượng hùng hậu khác ở bốn phía kéo tới. Suốt 6 tháng qua, binh Mông cổ dong đuổi khắp nơi, nào cướp nào phá, tung hoành ngang dọc, giờ nghe nói đó chỉ là một tỉnh, tỉnh Sơn Tây và đế quốc Kim

còn những 12 tỉnh như vậy nữa.

Trong thâm tâm Thành-Cát-Tư-Hãn đã muốn bỏ cuộc. Tuy không chiếm được nước Kim, nhưng ông cũng đã đạt được ước vọng: tiêu diệt đạo quân tinh nhuệ nhất của Kim: binh sĩ Mông cổ đã giàu hơn, cướp vô số của cải, bắt vô số người làm nô lệ, nhất là uy danh của ông bây giờ lừng lẫy khắp bốn phương. Đạo quân Triết Biệt đi tảo thanh phía đông đã tới chỗ tận cùng của thế giới, chỗ “đất biến thành nước”, ông còn muốn gì nữa? Nếu vây thành Yên Kinh mà không chiếm được thì còn gì là uy vũ nữa?... Cho nên Đại hãn quyết định rút quân ra đóng ở cõi ngoài vừa để nghỉ ngơi trong mùa đông vừa để dòm ngó coi quân địch động tĩnh ra sao.

Đang lưỡng lự chưa biết đóng quân ở đâu, ở biên cảnh Sơn tây hay ngoài Trường thành, bỗng có một sứ giả nước Kim đến xin bệ kiến.

Những chiến thắng liên tiếp của “bọn rợ” đã làm kinh ngạc cả triều đình Yên kinh. Từ tám mươi năm qua họ chưa bao giờ thấy một cuộc xâm lược như thế. Thông thường hễ binh thiên triều kéo đến là quân rợ vội rút đi, bây giờ chúng nó lại đi kiếm quân thiên triều để đánh. Và hễ quân binh xuất hiện ở đâu là quân rợ ào tới bao vây tứ phía. Những tay chỉ huy của chúng thật là đảm lược không ai ngờ được, khiến cho các tướng của triều đình không còn biết xoay sở thế nào nữa. Giờ chúng lại dám kéo đến bao vây kinh đô. Ở Yên kinh ai cũng chờ chúng lao đầu vào các vách thành vững như núi xem thử bài học đẫm máu có dạy chúng chừa hẳn thói cướp bóc đã man

không. Nhưng lạ thay khả hãn Mông cổ không để cho một tên kị binh nào bén mảng vào tầm tên. Nhiều người thấy rõ khả hãn tể ngựa xa xa ở chung quanh thành, rồi đột nhiên chẳng đòi hỏi gì hết lại rút quân đi. Họ muốn gì hay mưu mẹo gì đây chẳng? Cho nên vua Kim muốn thử nghị hòa.

Viên sứ giả có nhiệm vụ dò xét ý định của quân rợ và giải thích cho đại hãn của họ hiểu: hoàng đế nước Kim rất đổi kinh ngạc không hiểu có gì họ xâm lăng nước Kim. Đại Kim muốn sống hòa bình với Mông cổ. Hơn nữa đại hãn được phong Bắc Cường Chiêu Thảo Sứ đang có trọng trách tảo trừ phiến loạn...

Thành-Cát-Tư-Hãn cũng rất đổi ngạc nhiên về cuộc hòa đàm này. Ông đã tàn phá những tỉnh trù phú của đế quốc Kim, vậy mà hoàng đế của họ lại muốn sống hòa bình với ông! Đế quốc rộng mênh mông, nhiều thành lũy kiên cố, quân đông như kiến cỏ, sao không xuất binh ra đánh đuổi mà hỏi tại sao ông muốn tấn công nước Kim? Hãn là họ suy nhược lắm nhưng còn muốn che giấu. Đại hãn tiếp sứ giả rất ân cần nhưng có ý dò hỏi nhiều việc.

Vua nước Kim đã chọn làm sứ giả; ông ta vốn là dòng dõi nhà Liêu đâu ưa gì nước Kim, cho nên sẵn sàng tiết lộ nội tình đế quốc Kim với Đại hãn. Các vua Kim trị vì ở Hoa bắc trong gần một trăm năm nay vẫn bị người Trung hoa coi là kẻ xâm lăng. Dù đã tiếm nhiệm phong tục, tập quán, đã thấm nhuần văn hóa Trung quốc họ không bao giờ được nhìn nhận là vua chính thống, trái lại dưới mắt người Trung quốc họ vẫn là “bọn Rợ miền Bắc, bọn Rợ Mãn Châu”

đã cướp ngôi nhà Liêu. Ở miền Nam, vua Tống là kẻ thù của họ; ở Đông bắc một hoàng thân Liêu hiện đang miễn cưỡng thần phục họ, nhưng vẫn âm thầm đợi chờ cơ hội quật khởi... Nếu đại hãn sẵn sàng giúp nhà Liêu trung hưng thì chính sứ sẽ sẵn sàng làm nội ứng, ngoài ra còn lắm anh hùng hào kiệt cũng đang mưu đồ lật đổ nhà Kim.

Thoáng nghe qua Thành-Cát-Tư-Hãn đã thấu suốt tình hình. Kị binh của ông hùng mạnh hơn quân Kim, nhưng không thể chiếm những cái thành vĩ đại, kiên cố được. Mà giả sử có chiếm được cũng không thể giữ nổi vì quân Mông cổ quá ít, sẽ chìm mất trong cái biển người bao la. Nhưng có thể giúp cho quân Liêu chinh phục cái biển người ấy và giao cho họ chặn giữ quân Kim...

Thế rồi đại hãn quyết định tiếp tục cuộc chinh phạt. Ông dẫn quân lên vùng hiểm địa ở giữa hai dãy tường thành, tại đây có vô số trại nuôi ngựa, có thể nói là kho dự trữ chiến mã vĩ đại của hoàng gia Kim. Chỉ một trận chớp nhoáng, quân Mông cổ đã đoạt hết những bảy tuần mã nhiều không đếm xiết, dứt được mối lo quân Kim sẽ tổ chức lại kị binh hoặc dùng ngựa vận tải lương thực. Sau này quân Kim có phản công, họ chỉ còn cách đi bộ, quân Mông cổ có thừa thì giờ để tới bất cứ nơi nào với đạo quân kỵ thần tốc của mình. Xong trận này, Đại hãn cho binh sĩ hạ trại tránh mùa đông tại đây, không còn lo ngại gì nữa, đồng thời gửi một đoàn sứ giả qua Khiết – đan tiếp xúc với hoàng thân Liêu.

Đầu mùa xuân năm 1212 thành linh hoàng thân Liêu khởi binh ở

Khiết – đan, cùng lúc ấy quân Mông cổ hoạt động trở lại, đánh phá các tỉnh phía Bắc Trường thành. Vua liền phái quân đi đánh dẹp, nhưng vừa thấy bóng "quân rợ", họ đã chạy dài. Quân Mông cổ liền đuổi theo, vượt qua tường thành tràn xuống tỉnh Sơn tây. Họ đều kinh ngạc trước một sự kiện lạ lùng: tất cả những thành lũy đã san bằng năm trước bây giờ dựng đứng lên như cũ và được phòng thủ cẩn mật. Họ đành phải bỏ những thành nhỏ, đem toàn lực tấn công thủ phủ Đại – đồng. Quân Kim từ bốn phía kéo đến giải vây nhưng đều bị đánh tan rã. Quân Mông cổ ồ ạt hãm thành nhưng sức phòng thủ quá kiên cố không làm sao nao núng quân Kim được. Trong lúc chỉ huy một đợt tấn công, Thành-Cát-Tư-Hãn lại bị một mũi tên, suýt rơi xuống ngựa. Đồng thời những tin thất lợi từ Khiết – đan đưa tới. Quân Kim đại thắng ở mặt trận này, đập tan hết quân khởi nghĩa và đang bao vây hoàng thân Liêu.

Thành-Cát-Tư-Hãn liền rút quân ra ngoài Trường thành cho quân sĩ luyện tập lại cách công thành đồng thời phái Triết – Biệt thống lĩnh hai binh đoàn đi tiếp viện hoàng thân Liêu. Chỉ một trận, Triết – biệt quét quân Kim ra khỏi Khiết – đan, rồi vây hãm Liêu – dương. Thử qua vài đợt tấn công thấy không lay chuyển được chút nào, viên tướng tài ba tưởng đã đành phải bỏ cuộc như Thành-Cát-Tư-Hãn ở Đại Đồng. Nhưng sau cùng ông áp dụng một chiến thuật : cho phao ngôn khắp nơi rằng sắp có viện binh Kim tới, rồi đột ngột ngưng cuộc vây hãm, hấp tấp rút quân đi bỏ lại tất cả hành trang, lều trại trước thành Liêu – dương. Hai ngày sau ông cho đổi ngựa khỏe quay trở lại. Chỉ trong một đêm quân Mông cổ phi hết khoảng đường đã lui. Họ gặp quân Kim cùng với dân chúng đang tranh nhau cướp

đồ đạc đã bỏ lại, bốn cửa thành đều mở toang. Ngựa Mông cổ sai trên lưng quân Kim vào thẳng trong thành. Mưu kế này đã đưa đến thành công rực rỡ: hoàng thân Liêu đang thất điên bát đảo, bây giờ nghiễm nhiên xưng vương ở Liêu Đông, đem xứ Khiết-đan về qui phụ Mông-cổ.

Mùa xuân năm sau (1213) quân Mông – cổ lại mở chiến dịch ở nước Kim. Trận thứ ba này khởi đầu bằng cuộc đánh chiếm các tỉnh ở Hoa – bắc, có kế hoạch hãn hoi. Họ không bỏ một thành nào hết, trước tiên triệt hạ những thành nhỏ để rút kinh nghiệm rồi sau mới lần lượt công hãm những thành kiên cố. Đà – Lôi và Tô – Gu – Sa xung phong trèo lên thành làm gương cho quân sĩ. Ba vương tử và đám bộ tướng đánh chiếm lần lượt các hẻm núi. Bây giờ viên sứ giả người Liêu thấy quân Mông – cổ đã thật sự muốn chiếm nước Kim liền dẫn một số tướng Khiết – đan theo Thành – Cát – Tư – Hãn. Quân Mông – cổ chiếm được trọn tỉnh Sơn tây và bao vây chặt chẽ vùng bình nguyên Yên – kinh.

Trong lúc ấy, một cuộc chính biến bùng nổ tại triều đình Yên – kinh.

Tình hình đã quá nguy ngập mà triều đình lại thiếu người nên hoàng đế Vĩnh – Tế phải xuống chiếu thu dụng lại đám quan bị sa thải trước đây, trong số đó có viên thái giám Hồ - Sa – Hồ. Ông ta được nhà vua cho chỉ huy một quân đoàn, bất ngờ dùng lực lượng đó làm phản, chiếm Yên – Kinh, giết quan tổng trấn rồi ám sát hoàng đế đoạt chính quyền.

Thành-Cát-Tư-Hãn liền đình chỉ các cuộc hành quân, gấp rút kéo đến Yên kinh với hi vọng loạn quân sẽ mở cửa thành đầu hàng, ngõ đó là cuộc quật khởi của đám tướng Liêu. Ông không hiểu rằng đối với người Trung quốc bọn Khiết – đan nhà Liêu hay bọn Mãn Châu nhà Kim đều là kẻ xâm lăng, không bao giờ coi bọn ấy là đồng chủng với mình. Hồ - Sa – Hổ cũng thuộc dòng Liêu, nhưng không theo chủ trương của Liêu – đông, nhất định không thần phục bọn Rợ; cuộc nổi loạn này là một mưu đồ riêng của ông ta. Nên khi giết Vĩnh – Tế rồi, ông ta nắm giữ chức thống tướng chỉ huy toàn thể quân đội và đem một hoàng thân lên ngôi (Wou Tou Pou 1213-1223) rồi chống đánh Mông – cổ. Dù chỉ còn một chân phải ngồi trên xe cho lính đẩy, Hồ-Sa-Hổ cũng đích thân chỉ huy, đội binh qua một con sông gần Yên – kinh đánh úp binh Mông – cổ. Bị tập kích bất ngờ, đại quân Mông – cổ rối loạn hàng ngũ, số tổn thất khá nặng nhưng còn một may mắn là quân đoàn của tướng Cao – Chi lãnh nhiệm vụ đánh tập hậu lại kéo tới quá trễ, nhờ đó quân Mông – cổ mới có đường rút lui.

Tức giận vì mất một cơ hội thắng lợi lớn lao. Hồ-Sa-Hổ đã toan giết tướng Cao – Chi nhưng có hoàng đế Kim can thiệp nên Hồ-Sa-Hổ đành để cho Cao – Chi chờ dịp lập công chuộc tội. Sau trận này Hồ-Sa-Hổ lâm bệnh nặng không thể tiếp tục chỉ huy nữa, mới gọi thêm quân tiếp viện rồi giao binh quyền cho Cao – Chi. Bấy giờ Thành-Cát-Tư-Hãn đã tập trung được tất cả các binh đoàn về mở cuộc tấn công. Cuộc huyết chiến diễn ra liên tiếp ngày đêm hết sức gay go khốc liệt. Sau cùng Cao – Chi thảm bại bị quân Mông – cổ đuổi theo đến ngoại thành Yên – kinh.

Biết bận này khó thoát khỏi bản án tử hình của Hồ-Sa-Hổ, Cao – Chi liền ra tay trước; ông ta dẫn đám tàn quân bao vây đại bản doanh của thống tướng. Hồ-Sa-Hổ khắp khểnh chạy đi trốn chẳng may vướng vạt áo té xuống đất bị Cao – chi tóm được, tức khắc đem chặt đầu rồi dẫn đám bộ hạ đi thẳng tới cung xin yết kiến nhà vua. Lúc chiều vua, tay Cao Chi còn xách thủ cấp Hồ Sa Hổ, yêu cầu vua xét lại lòng trung của y và của Hồ Sa Hổ. Lúc đó hoàng cung cũng bị bọn lính của Cao Chi bao vây, trước thái độ đe dọa như thế, nhà vua không làm sao khác được. Hơn nữa vua vẫn chưa quên Hồ Sa Hổ là một tên phản nghịch đã giết Vĩnh – Tế, tự xưng thống tướng; liền giao cho đình thần làm bản án hại tội Hồ Sa Hổ. Cao Chi được tuyên dương công trạng và phong chức thống tướng. Tất cả đám binh lính tham dự cuộc lật đổ Hồ Sa Hổ đều được thưởng ...

Trong lúc nội bộ Yên – Kinh rối nát như nói trên, quân Mông – cổ đã tiến tới sát cửa thành, nhưng cũng như lần trước không thể nào lọt vào được. Thành Cát Tư Hãn bức tức vô cùng. Bọn Kim ở trong bốn bức tường này sẽ khinh khỉnh cười mình chăng? Đế quốc Kim chưa ngửi mùi chiến tranh ... được lắm! phải cho họ ném thử!

Ông quyết không án binh tránh mùa đông nữa, cũng không xua quân vào những tường thành bất khả xâm phạm, mà chia quân Mông – cổ cùng 46 đoàn thân binh Trung – quốc làm ba đạo, một đạo giao cho Cát – Xa thống lĩnh tiến đánh miền đồng thuộc Nam Mãn – châu. Đạo thứ hai tách ra làm ba cánh giao cho một vương tử chỉ huy tiến xuống miền Nam thuộc vùng cao nguyên Sơn tây; ông và Đà – Lôi chỉ huy đạo thứ ba tiến xuống vùng đồng bằng ở Đông

Nam, tới tỉnh Sơn Đông.

Suốt mùa thu và mùa đông ba lần sóng kỵ binh Mông – cổ tràn ra ba ngả chém giết, cướp đoạt, đốt phá gần trọn nước Kim. Mùa màng bị đốt sạch, thành thị không còn bóng người, nơi nào họ đi qua là chỉ còn lại điêu tàn khói lửa. Bọn tướng Kim rút vào nội thành, bắt dân chúng ngoại ô vào phụ lực phòng thủ. Thành Cát Tư Hãn ra lệnh bắt hết đàn bà, trẻ con, bô lão ở các làng chung quanh, đẩy họ tới chân thành, một lớp làm bia đỡ tên, một lớp phải đào dưới móng chân tường cho vách đổ xuống. Dân trong thành không chịu bắn xuống thân nhân của họ. Với chiến thuật này, lần lượt quân Mông – cổ hạ hết thành trì của đế quốc Kim. Chỉ những thành sớm đầu hàng thì được để yên, còn bao nhiêu đều bị san bằng hết. Không đầy 6 tháng, 90 thành kiên cố bị cướp sạch và đốt ra tro. Gần trọn vùng bình nguyên Hoa – bắc chỉ còn lại 11 thành không hạ được trở về như những ốc đảo ở giữa sa mạc. Nạn đói và bệnh dịch hoành hành khủng khiếp, sau những cuộc hành binh của Mông – cổ; thân người như rạ ở khắp mặt đường, mặt đồng, trên dòng sông ... Bảy giờ cơn lôi đình của Thành Cát Tư Hãn mới dần nguôi.

Qua mùa xuân, quân Mông – cổ mới đình chỉ cuộc hành quân, ba đạo quân đều rút trở về ngoại thành Yên – kinh. Nhưng khi trải qua các vùng bị bệnh dịch hoành hành, quân Mông – cổ bị nhiễm bệnh, lúc đến doanh trại phần đông đều bơ phờ, như tử.

Trong tình trạng như thế mà bọn tướng lãnh vẫn đòi đại hãn cho họ tấn công thành Yên – kinh. Chỉ vì số chiến lợi phẩm nhiều như núi non làm cho họ hăng say lạ thường; luôn ba năm chuyển này nói chuyển khác, họ tải tất cả của cải của nước Kim về Mông – cổ.

Nhưng đại hãn biết rằng có chiếm được Yên – kinh cũng không thể giữ được; ông đã thấy rõ không thể chinh phục một đế quốc có 50 triệu dân; đối với ông, vua Liêu hay vua Kim cai trị đế quốc cũng thể thôi có gì là quan trọng, hướng chi họ đã suy nhược và rã rời. Hơn nữa bệnh dịch đang phát hiện trong quân đội, có thể là điềm trời cảnh cáo ông.

Đại hãn gọi sứ giả tới hoàng đế Kim đưa ra một yêu sách: “Tất cả những tỉnh ở phía Bắc sông Hoàng hà đều đã lọt vào tay ta, giờ chỉ còn lại Yên – kinh. Đó là Trời muốn cho Người suy vong đến mức đó. Nếu ta thẳng tay đẩy người vào chỗ cùng đồ, có lẽ Trời sẽ bất bình chăng? Ta vì ngại lòng trời nên muốn triệt binh về nước. Vậy Người nên sắm sửa lễ vật cống hiến cho các tướng lãnh của ta, họ mới thỏa mãn mà rút quân đi.”

Triều đình Yên – kinh liền mở cuộc họp bàn. Từ lâu nay họ đã quen nghe kẻ yếu xin hòa nên tướng Cao Chi đòi đánh một trận quyết định, cho rằng quân Mông – cổ đã mỏi mệt, ngựa của họ đều kiệt lực. Nhưng bọn đại thần đều cực lực chống lại chủ trương đó: không có gì điên rồ bằng chuyện đánh nữa. Từ ba năm nay có làm gì khác hơn là đánh quân Mông – cổ, nhưng thử kiểm điểm lại kết quả! Đã đưa đạo binh tinh nhuệ nhất ra chiến đấu thì liền bị tiêu diệt; rồi đạo binh thứ hai, thứ ba ... thứ mười, bị tiêu diệt! tiêu diệt! Rút trong thành thì thành bị chiếm, bị cướp, bị đốt! Nào là tài thao lược của Tôn – Ngô, Gia – Cát, nào là máy móc tinh xảo, nào là địa lôi khủng khiếp nhất ... tất cả đều thất bại trước bọn ác quỷ Mông Cổ! Tất cả những kế hoạch đều trở thành đại họa! Bây giờ còn tính bác yêu sách của họ để trêu hùm dữ nữa hay sao?...

Hoàng đế Kim liền phái một đại thần tới Đại bản doanh của Thành Cát Tư Hãn xin nghị hòa. Nhà vua thuận theo để cho hoàng thân Khiết Đan trị vì ở Liêu – đông, nạp một số cống vật như vàng lụa, 3.000 con ngựa quý và một số mỹ nữ; vua lại gả một công chúa, con của hoàng đế Vĩnh – tế cho đại hãn gọi là tổ tình hòa hiếu.

Cuối Xuân năm 1214, sau ba năm tàn phá nước Kim, Thành Cát Tư Hãn rút quân về Mông – cổ, đại hãn hân rất hài lòng vì một dân tộc 50 triệu người, có Vạn lý trường thành, núi cao sông rộng, có thành lũy kiên cố, quân hùng tướng giỏi mà cũng không thể chống lại 20 vạn quân Mông – cổ. Đế quốc Kim đã hoàn toàn kiệt quệ ít ra phải mười năm nữa mới xây dựng lại được như cũ. Từ nay nước Kim không còn là mối đe dọa dân Mông – cổ nữa.

Lúc về quân Mông – cổ có dắt theo hàng vạn tù binh mà hồi còn đánh nhau đã dùng làm phu khiêng đất, lấp kinh phá đê... bây giờ phải giải quyết cách nào đây. Họ mang theo đủ thứ binh, lại không đủ sức khỏe để qua sa mạc Gobi, mà cũng không thể thả họ về vì họ đã thấy cách hành binh và biết rõ bản chất của người Mông – cổ; sau này sẽ trở thành những địch thủ lợi hại. Vả lại sinh mạng của một người Kim có nghĩa gì? Thành Cát Tư Hãn ra lệnh giữ lại những nho sĩ, nghệ sĩ, thợ giỏi còn bao nhiêu thì chém tiết hết.

Bây giờ nhằm mùa hạ, không thể qua Gobi dưới cái nắng thiêu người, đại hãn ra lệnh hạ trại ngoài ven sa mạc, trong ốc đảo Dolon Nor.

Vừa khuất bóng quân Mông – cổ, hoàng đế Kim liền quyết định dời đô xuống Khai – phong ở phía Nam sông Hoàng Hà. Quần thần hết sức can ngăn, cho rằng việc di đô như vậy là một cuộc đào tẩu bỏ rơi các tỉnh miền Bắc, nhưng không sao lay chuyển được ý định của nhà vua được. Tướng Cao Chi lo việc hộ giá xuống phương Nam. Để trấn tĩnh nhân tâm, nhà vua tuyên cáo rằng Thái tử và quân đội sẽ ở lại Yên kinh, quyết không bỏ miền Bắc.

Nghe tin này, Thành Cát Tư Hãn nổi trận lôi đình: "Bọn Kim coi thường lời nói của ta! Chúng nó giả vờ hoà hiếu để yên mặt Bắc xuống chinh phục miền Nam!"

Ngay lúc ấy, một sứ giả nhà Tống tới Dolon Nor xin vào bệ kiến đại hãn. Vương sứ cho biết triều đình Tống đang bận rộn đối phó với âm mưu của hoàng đế Kim. Ở miền Trung – quốc mọi người đều hoan hỉ đón tin chiến thắng của Mông – cổ như tin chiến thắng của quân nhà. Họ coi việc thảm bại của đế quốc Kim như một hình phạt xứng đáng của Trời về tội xâm lăng các tỉnh Hoa – bắc và đòi tuế cống quá nặng nề: 25 vạn lạng bạc, 25 vạn tấm vóc lụa; chỉ có năm rồi triều Tống lờ đi vụ nạp cống hằng năm. Bây giờ quân Mông – cổ thành linh rút đi và vua Kim dời đô xuống sát ranh giới Tống khiến cho hoàng đế Trung-hoa hết sức lo ngại. Vị vương sứ có nhiệm vụ trình bày cho đại hãn thấy rõ cái nguy cơ buông lỏng cho nước Kim phục hồi lực lượng.

Trước khi vào bệ kiến, viên sứ giả Trung – quốc phải dành một thời gian học những lễ nghi, tập tục của Mông – cổ. Ông ta phải biết cả những chi tiết nhỏ nhất trong nghi thức ngoại giao, chẳng hạn: khi

vào viên môn không được giẫm chân lên ngưỡng cửa, không được dựa vào cột. Phạm vào những điều cấm ấy sẽ bị vệ binh quất bằng roi da rồi đem chặt đầu. Ông ta phải mặc trào phục nhảy ngang qua hai ngọn lửa để diệt những “chất hung ác, xấu xa” trong con người. Tất cả tặng phẩm đều phải hơ lửa trước rồi đem phơi ngoài trời luôn bảy đêm ngày, và vì vậy mà các loại gấm vóc và đồ mỏng manh hư hao rất nhiều, sau đó mới được phép vào viên môn bệ kiến.

Bên trong viên môn mọi vật đều chìm đắm trong một thứ ánh sáng lò mờ, kỳ ảo vì ánh mặt trời chỉ lọt vào cái ống thông khói trên đỉnh nóc và qua cái màn vén lên ở cửa ra vào. Trong tận cùng có một cái bệ cao trải thảm trên để hai cái ngai, một của đại hãn và một của bà sủng phi, công chúa nước Kim. Cận bên bệ ở dưới đất là dãy ghế của sáu bà thứ phi; từ đó lui về phía sau là những dãy ghế đặt theo hình móng ngựa dành cho các thân vương, tướng lĩnh, hàng quý tộc và vợ con của họ. Ai cũng ăn vận sắc sỡ, lộng lẫy, đồ trang sức toàn bằng cẩm thạch, ngũ sắc hoặc bằng vàng chạm trổ rất công phu. Gần cửa ra vào có cái bàn rộng để toàn là ché vàng hoặc bạc đựng Koumiss và các thức ăn. Bên góc điện, một ban 18 nhạc công gồm toàn là những tay tuyệt kỹ trong giới nhạc Trung quốc.

Trên ngai, dáng vóc lực lưỡng của Thành Cát Tư Hãn nổi bật giữa cảnh âm u huyền ảo, nhưng chỉ riêng có đại hãn là không có một món đồ trang sức nào trên mình. Vị chúa vừa nâng chén rượu thì giàn nhạc trỗi lên âm ỉ, tất cả đám cử tọa nhất tề đứng dậy, kẻ khiêu vũ, người vỗ tay theo nhịp, tiếng cười nói lẫn với tiếng nhạc gây ra một cảnh vừa ồn ào, vừa có vẻ cuồng bạo, man dã lạ thường.

Viên sứ giả không biết phải làm cách nào thi hành nhiệm vụ của mình. Những câu nói văn hoa tế nhị được chuẩn bị thật chu đáo nếu thốt ra giữa cái không khí vỡ chợ như thế này thì còn đâu là ý nghĩa? Nhưng cũng may đại hãn để cho ông ta nói hết lời, rồi nghe viên thông ngôn thuật lại nhưng không tỏ ý chấp thuận hoặc phản đối gì hết. Lời đáp duy nhất của đại hãn là lời mời sứ giả cứ uống Koumiss và ăn thịt nướng tùy thích. Vương sứ ngồi hàng ghế bên tả cạnh những bà thứ phi nhưng ghế cao hơn mọi người. Ông ta uống rượu nếp và nói tiếng Trung quốc với họ trong lúc bọn chiến sĩ vũ ở trước mặt. Nhưng không ai để động tới câu chuyện của ông ta, hôm nay cũng như những ngày sau đó. Họ không hội họp bàn luận mà cũng không cho ông ta yết kiến đại hãn thêm một lần nào nữa.

Ông ta thử cố gắng lắng(?) nghe chủ trương của đại hãn ở những người thân cận, nhưng vô hiệu quả, chừng như họ chẳng có chủ trương gì hết đối với cuộc diện Trung quốc. Họ chỉ lo phi ngựa, bắn cung, tổ chức những cuộc săn bằng chim ưng, hoặc chơi banh với đại hãn trên một cái sân rộng. Sứ giả có thể ngồi trước lều riêng của mình tha hồ nhìn ngắm: đại hãn có thân hình vạm vỡ nổi bật giữa đám thân vương, cận tướng, đang say sưa đuổi theo trái banh, chụp lấy, liệng bay vút đi. Mỗi lần thắng được một trái banh, vị chúa cười giòn dã, vui nhộn như trẻ con ...

Một hôm, thừa lúc đại hãn cỡi ngựa đi quanh trại, sứ giả ra đứng bên đường vờ như tình cờ gặp mặt. Thành Cát Tư Hãn dừng ngựa lại bảo người thông ngôn hỏi:

- Sao hôm rồi người không ra đấu banh với bọn ta? Trận đấu hôm ấy thật là hào hứng!

Sứ giả ngạc nhiên khiêm tốn đáp:

- Thần không có cái hân hạnh được mời tham dự.

- Hừ! Tại sao phải đợi mời! Nếu người thích thì cứ tham gia chứ có gì!

Thế là bữa cơm chiều hôm đó, vì tội không ra chơi banh, sứ giả bị bọn triều thần phạt rượu đến say mềm phải khiêng về trại.

Một lần nữa, mới vừa mở miệng hỏi đại hãn được ít tiếng về đề nghị của triều Tống thì đại hãn cắt ngang, đáp một câu vắn tắt: “Ta đã nghị hòa với vua Kim”.

Luôn ba năm bị tàn phá, giết chóc khủng khiếp như thế tưởng nước Kim đã tê liệt, không ngờ mới có ba tháng hòa bình đã trỗi dậy mạnh mẽ! Những đô thị bị thiêu hủy được xây cất lại, những thành lũy đã san bằng đều dựng trở lại. Mới cam kết nhìn nhận nền độc lập của Liêu – đông, bây giờ họ lại xua một đạo quân hùng hậu qua đánh chiếm trở lại: chỉ có mấy tuần quân Liêu – đông đại bại, thành Liêu – dương mất, vua Liêu phải đào tẩu.

Đám vệ binh của hoàng đế Kim theo hộ giá lúc di đô phần lớn là người Liêu. Vừa tới Khai phong họ được lệnh phải nạp khí giới và ngựa lại. Họ biết ngay là sẽ bị loại ra liền nổi lên giết tướng chỉ huy, cử người của họ lên thay thế rồi kéo nhau trở lên miền Bắc. Hay tin, triều đình liền phái một đạo quân đuổi theo, một đạo khác án ngữ trên mặt Bắc, chặn họ lại. Trong tình thế tán thối lưỡng nan, họ gửi một đoàn đại biểu tới Dolon Nor sáp nhập vào quân Mông – cổ và xin cứu viện. Đế quốc Kim phục hưng quá nhanh chóng, cứ theo cái đà

này thì chẳng bao lâu nữa một Đại Kim mới sẽ còn cường thịnh nguy hiểm hơn trước vì đã hiểu rõ sức mạnh cũng như nhược điểm của Mông – cổ, họ đâu có dễ yên ... Thành Cát Tư Hãn liền quyết định phát động chiến tranh trở lại. Mộc Hoa Lê thống lĩnh một quân đoàn đi cứu vua Liêu; Túc – bắt – đài mở chiến dịch hành quân ở Mãn châu, tại chính quốc của người Kim, một quân đoàn thứ ba tiến xuống Nam giải thoát đám vệ binh Liêu.

Túc – bắt – đài hành quân suốt cõi đất Mãn châu xuống tận miền Cao – ly; từ đó xứ này trở thành phiên thuộc của Mông – cổ.

Lúc ấy quân Kim đã chiếm trọn vẹn Liêu – đông, viên thống đốc do triều đình bổ nhiệm đã lên đường. Mộc – Hoa – Lê đánh tan quân Kim, kiểm soát hết những con đường vào thành Liêu dương, bắt được viên thống đốc đoạt lấy chiếu chỉ của nhà vua trao lại cho một đại tướng Kim đang phục vụ trong hàng ngũ Mông – cổ. Viên đại tướng dẫn một đoàn tùy tùng tiến vào kinh thành thẳng đến soái phủ. Bọn Kim ngỡ là người của vua bổ nhiệm, tiếp đón trọng thể; nhưng nắm quyền rồi viên đại tướng liền loại hết đám tướng lãnh của đế quốc, mở toang các cửa thành cho quân Mông – cổ vào. Mộc – hoa – lê định trừng phạt dân Liêu – dương đã thụ động đối với quân Kim nhưng viên đại tướng khuyên nên dùng chính sách mềm dịu để chinh phục toàn thể dân Khiết – đan, nhờ đó mà những thành còn lại đều quy hàng Mông – cổ, quân Kim bị tống ra khỏi lãnh thổ Liêu.

Đạo quân thứ ba của Mông – cổ mở được một đường tiếp viện cho đám vệ binh bị bao vây, rồi phối hợp với họ kéo rốc tới cửa thành Yên kinh. Nhưng trước đó thái tử nhiếp chính đã rút về Khai phong. Lúc được chiếu lệnh của hoàng đế bảo phải rút đi, có một hoàng thân hết lời can ngăn thái tử, cho rằng thái tử là linh hồn của

cuộc chiến đấu, nếu bỏ xuống Nam tức là bỏ rơi hoàn toàn các tỉnh miền Bắc, chắc chắn cảnh hỗn loạn sẽ diễn ra. Nhưng bọn tướng lĩnh lại hòa theo thái tử, đòi phải tuân lệnh chiếu. Họ hỏi hoàng thân: “Ngài có dám bảo đảm giữ nổi kinh thành không?” Hoàng thân không trả lời được vì những tỉnh ở chung quanh đã bị cướp phá sạch rồi, lương thực đâu còn để cung cấp cho một kinh đô rộng lớn như thế và ngay lúc đó lương thực cũng đã bắt đầu thiếu rồi. Thái tử hứa khi về Khai phong sẽ lo việc tiếp tế cho Yên – Kinh.

Sau đó quả nhiên cảnh hỗn loạn xảy ra ở khắp nơi. Nhiều tỉnh nổi dậy tuyên bố độc lập. Thống đốc của họ có kẻ xưng vương, có kẻ hàng phục Mông – cổ. Rồi họ đánh lẫn nhau, đánh bọn theo đế quốc, đánh luôn cả quân Mông – cổ.

Mộc – hoa – lê đập tan tất cả những đám quật khởi, mở cuộc hành quân suốt cả thu đông, chiếm hết thảy 800 thành, một phần thì san bằng, một phần thì giao lại cho người Trung quốc nắm chính quyền. Riêng Yên – kinh, quân Kim vẫn giữ vững mặc dù nạn đói kém và bệnh dịch hoành hành dữ dội. Miền Nam gởi liên tiếp nhiều đạo quân lên cứu viện nhưng đều bị quân Mông – cổ đánh tan vỡ ... Hoàng thân cố thủ kinh đô cho đến mùa xuân thì lương thảo cạn, chuyển tải lương cuối cùng ở Khai – phong lên cũng bị phục binh Mông – cổ cướp sạch. Tuyệt vọng, hoàng thân xua hết quân trong thành ra tử chiến với địch nhưng đám bộ tướng không chịu theo.

Quá tức giận, hoàng thân liền lui về soái phủ thảo một tờ biểu kể rõ tình hình ở Yên – Kinh và tố cáo tướng Cao Chi toan làm phản. Ông xin vua xá tội không giữ nổi kinh thành. Rồi giao tờ biểu cho một thuộc hạ thân tín dặn khi Yên-kinh thất thủ thì về Khai-phong dâng lên vua; ông đem của cải phân phát hết cho tôi tớ quyền thuộc rồi

uống thuốc độc tự tử. Qua đêm sau, viên đại tướng thay quyền chỉ huy dẫn người ái thiếp mở cửa thành trốn đi bỏ mặc cho bọn lính cướp phá khắp nơi.

Mộc-Hoa-Lê xua 15.000 quân Mông-cổ và các đoàn thân binh Trung –quốc tràn vào thành, thế như nước lũ. Cuộc tàn sát cướp bóc phá hoại diễn ra thật khủng khiếp chưa từng thấy. Lửa cháy ngùn ngụt suốt cả tháng. Nhiều sử gia ghi như sau: “Số người bị giết thây chồng chất như núi đồi; gan, óc và mỡ chảy ra lấp cả mặt đường. Bảy mươi ngàn phụ nữ sợ bị giặc bắt hiếp nhảy bừa từ trên mặt thành xuống đất...”

Tin chiến thắng về tới ốc đảo Dolon Nor không làm cho Thành-Cát-Tur-Hãn hoan hỉ hơn vì đế quốc Kim bây giờ không đáng quan tâm nữa. Ông chỉ phái Cô-Tô-Cô đến Yên kinh chở hết bảo vật trong hoàng cung về Mông cổ.

Sứ giả của đại hãn được tiếp đón hết sức trọng thể; bọn triều thần cũ tìm đủ mọi cách để được Cô Tô Cô chú ý tới và ban cho một ít đặc ân. Kẻ thì dắt ngựa quý tới, kẻ đem gấm vóc, người dâng ngọc ngà... Thấy tặng phẩm đều thuộc thứ vô giá, Cô-Tô-Cô hỏi:

- Những thứ này có phải là của cải trong hoàng cung không?

- Bẩm phải...

- Các ông làm gì có những báu vật ấy được! Những thứ này đều là của vua Kim, bây giờ quân ta đã chiến thắng thì đương nhiên nó thuộc về Đại Hãn. Sao các ông dám lấy của Đại Hãn đem tặng cho ta?

Thế là tất cả đồ châu báu trong cung cấm đều được đánh số từng món và ghi vào sổ cẩn thận, tải về Dolon Nor suốt mấy tuần mới hết. Mỗi chuyến đi, quân Mông Cổ còn bắt theo một số người hữu

dụng: nghệ sĩ, đạo sĩ, các nhà chiêm tinh, thợ giỏi... người nào cũng bắt đeo một cái băng ghi tên họ, nghề nghiệp.

Một hôm Thành-Cát-Tư-Hãn chú ý tới một người vóc dáng phương phi, có chòm râu dài đen nhánh, băng đeo ở trước ngực ghi: “ Gia-Luật-Chu-Thai – đạo sĩ – chiêm tinh gia – thuộc tôn thất Liêu. Đại-Hãn nói:

- Nhà Liêu và nhà Kim đời đời thù địch nhau; nay ta đã diệt được Kim báo thù giùm cho người rồi đấy!

Chu-Thai đáp:

- Tâu Đại-Hãn, nội tổ và thân phụ của lão phu trước kia đều nhờ nhà Kim, bây giờ lão phu cũng thế, không dám nói dối để mang tội phản nghịch lại thân phụ và chúa cũ.

Lời đáp trên làm cho Thành-Cát-Tư-Hãn rất hài lòng. Một người ở đô thị mà còn giữ được lòng trung thực, không sợ uy vũ, không tham lợi như thế hẳn là người đáng nể. Đại-Hãn liền vời Chu-Thai vào kim trướng hỏi han thật ân cần rồi phong làm quân sư.

Hoàng đế Kim lại xin nghị hòa. Thành-Cát-Tư-Hãn bàn với chur tướng: “Ta đã giết hết nai với mễn rồi, giờ chỉ còn lại một con thỏ, thôi nên buông tha cho nó!” Nhưng điều kiện hòa bình của Mông cổ đưa ra, hoàng đế Kim không chấp nhận được: quân Kim phải rút ra khỏi các tỉnh ở phía Bắc sông Hoàng-hà; nhà vua chỉ còn quyền hành ở Hà-Nam và phải làm phiên thần Mông-Cổ.

Qua mùa thu chiến tranh lại tái diễn. Thành Cát Tư Hãn phái một đạo binh xuống đánh miền Nam; nhưng lần này quân Mông-Cổ bại trận phải thối qua sông Hoàng-Hà đi trên mặt băng. Nhiều thị trấn ở xa nổi loạn, dân quân rục rịch dấy lên khắp nơi, mở màn một cuộc chiến tranh dai dẳng, hao mòn. Đồng thời có tin khẩn cấp từ phương

Tây báo về: dân Nãi-man rục rịch quật khởi, dân Thổ-phồn đã dấy loạn một vài nơi...

Mùa hạ năm 1216 Thành-Cát-Tư-Hãn rút đại phần quân viễn chinh về xứ, để Mộc-Hoa-Lê ở lại nước Kim với 23.000 binh Mông cổ và hơn 20.000 thân binh, phong cho viên đại tướng làm phó vương cai trị ba nước Kim, Liêu và Cao-ly. Trước khi từ biệt, Đại-Hãn lại cho phó vương một chiếu lệnh cuối cùng: “Ta đã chiếm xong các xứ ở miền Bắc núi Hoài, phần ngươi hãy tiếp tục cuộc chinh phạt ở miền Nam núi ấy’.

Thành Cát Tư Hãn

Chương XIV

CHINH PHẠT TÂY LIÊU

Dân Liêu vốn là dân Khiết-đan, xưa kia họp thành bộ lạc ở khoảng giữa phía Tây Nam Mãn-châu và phía Đông Nhiệt-hà ngày nay. Đời Ngũ-đại nhờ giúp cho tướng Thạch-Kĩnh-Đường cướp ngôi vua lập nhà Hậu-Tấn, được Thạch nhường Bắc bộ tỉnh Hà-bắc, Sơn-tây để trả ơn, mới mở rộng bờ cõi thành một nước mạnh, đặt quốc hiệu là Liêu. Đến đời Tống thì bị quân Kim chiếm trọn vẹn lãnh thổ và đoạt quyền đô hộ các tỉnh miền Bắc Trung-quốc (1125). Một người trong tộc là Gia-Luật-Đại-Thạch dẫn một số dân Khiết-đan chạy lên Tây

Bắc, chinh phục được 18 bộ lạc, dựng lên thành Imil làm phủ thủ. Ít lâu sau, nước Karakhamide ở mé Tây Nam bị dân Thổ uy hiếp, gọi Đại-Thạch đem binh đến giúp. Sẵn dịp đó Đại-Thạch chiếm luôn xứ này và tất cả những xứ nhỏ ở chung quanh lập thành một đế quốc khá rộng lớn (gồm miền Đông Tân-cương ngày nay) gọi là đế quốc Tây Liêu, Đại-thạch xưng là đại đế (Gour-Khan).

Truyền xuống đời cháu nội (Tche-Lou-Kou, 1178-1121) thì đế quốc suy yếu. Vị hoàng đế này nhu nhược tới tăm, chỉ lo săn bắn và miệt mài trong những cuộc hoan lạc; các xứ phiên thuộc thấy thế mới tách ra qui phụ các nước khác, như Thổ-phồn năm 1209, đến xin thần thuộc Mông-cổ.

Gút-Sơ-Lúc - vương tử Nãi-man - sau khi bị Mông-cổ đánh bại bỏ đào qua Tây-liêu, cưới cháu gái của hoàng đế, rồi nhờ sự giúp đỡ của nhà vua qui tụ được tất cả tàn quân Nãi-man; Miệt-nhi, lập thành một lực lượng riêng. Vốn có tham vọng lớn, Gút-Sơ-Lúc thông đồng với vua xứ Kharesm, một mặt bên ngoài đánh vào, một mặt bên trong ứng lên đoạt ngôi vua rồi chia hai xứ Tây-liêu.

Khởi đầu quân Tây-liêu thắng thế, nhưng dân ở kinh thành Balassaghoun vốn là dân Thổ bị Tây-liêu đô hộ, lợi dụng cơ hội nổi lên chiếm thành chống lại quân Tây-liêu. Trong cơn hỗn loạn, hoàng đế bị Gút-Sơ-Lúc bắt rồi trả ngôi lại, nhưng chỉ là hư vị, quyền hành bấy giờ ở trong tay người cháu rể. Sau khi hoàng đế băng hà, Gút-Sơ-Lúc mới đoạt hẳn ngôi báu, thi hành một chánh sách khắc nghiệt, tàn bạo. Vợ của ông là dân Cảnh giáo, chiều ý vợ ông ta cũng theo

Cảnh giáo, rồi trở lại ngược đãi dân Hồi giáo thuộc thành phần đa số trong dân chúng. Ông ra lệnh đóng cửa tất cả đền thờ Hồi giáo, tịch thu tài sản, tổ chức những đội quân trú phòng quá đông đảo rồi bắt dân chúng phải đài thọ hết tổn phí...

Bộ Tổng tham mưu Mông-cổ biết rất rõ nội tình của Tây-liêu như nói trên. Thành-Cát-Tur-Hãn dựa vào nỗi bất bình của dân chúng liền sai Triết-Biệt thống lĩnh 2 vạn kỵ binh qua xâm chiếm. Thường lệ thì ông để cho viên chủ tướng trọn quyền chỉ đạo cuộc chiến tranh, nhưng lần này lại cho một khẩu lệnh vắn tắt: “Vượt qua biên giới rồi phải cho mở cửa tất cả đền thờ Hồi giáo và tuyên bố binh Mông-cổ đến là để giải phóng dân chúng, diệt trừ tên Gút-Sơ-Lúc tàn bạo.”.

Nhận thức rõ rệt tầm quan trọng và sức mạnh của cuồng tín, đại hãn đã lợi dụng sức mạnh đó để tiết kiệm xương máu quân đội. Lệnh mở cửa các đền thờ của Triết-Biệt có cái mãnh lực như sấm sét. Toàn thể dân chúng đều mừng rỡ cho rằng quân Mông-cổ là đạo quân bảo vệ tự do tín ngưỡng. Cho nên kỵ binh Mông-cổ chỉ cần kéo đến trước cửa thành thì tức khắc dân chúng trong thành rùng rùng nổi loạn, binh trú phòng phải bỏ trốn nếu không sẽ bị tàn sát tất cả. Cửa thành đều mở rộng, dân Hồi giáo kéo ra đón binh Mông-cổ như những ân nhân giải phóng cho mình. Vào thành Triết-Biệt giữ đúng lời hứa cấm ngặt quân sĩ không được động đến tư hào của dân. Chẳng bao lâu tất cả miền Đông của đế quốc Tây-liêu lọt vào tay quân Mông-cổ; những đô thị quan trọng như Khami, Khotan, Kashgar đều bị chiếm đóng. Đòn chánh trị của Thành-Cát-Tur-Hãn làm cho uy quyền của Gút-Sơ-Lúc sụp đổ, tuy vậy ông ta vẫn cố gắng dàn ra một trận cuối

cùng, quyết một mất một còn với quân địch. Nhưng quân Tây-lieu đã mất hết tinh thần, những cánh quân Hồi giáo đều bỏ khí giới đầu hàng. Sau cùng, Gút-Sơ-Lúc thảm bại, phải trốn trong vùng núi Pamic. Kỵ binh của Triết-Biệt truy nã ông ta khắp “nóc nhà của thế giới”. Cho tới lúc bọn lính cận vệ cũng bỏ rơi luôn, Gút-Sơ-Lúc bèn cùng với một ít người trung tín rút vào những hang núi hoang vắng gần biên giới Badachan.

Vị hoàng đế vong quốc không đáng cho một tên lính Mông-cổ đổ mồ hôi nữa. Triết-Biệt rút quân về thành để cho dân chúng tự động đi lùng kiếm ở khắp thâm sơn cùng cốc, sau cùng họ bắt được bạo vương đem về nạp để lãnh một giải thưởng lớn. Trong lúc đó binh Mông-cổ đoạt tất cả những bày ngựa quý, một loại ngựa mồm trắng mà bọn thương nhân Trung-quốc thường phải qua tận thung lũng Đại-uyển (Fergana) mua về.

Triết-Biệt liền gởi thủ cấp của quốc vương cùng với 1000 con tuấn mã về dâng đại hãn. Chúa Mông-cổ hết sức hài lòng nhưng không quên cảnh giác viên chủ tướng: “Đừng nên kiêu hãnh thái quá! Người nên nhớ những kẻ thất bại đều do lòng kiêu hãnh mà ra như Tô-Ha-Rin, Bai-Bu-Ka, hoàng đế Kim...”.

Bây giờ uy vũ của Thành-Cát-Tur-Hãn đã lên đến chỗ tuyệt đỉnh. Từ miền núi chọc trời (Pamir) cho tới đại dương, lệnh của ông truyền ra đều được tuân theo răm rắp.

Trong lúc đó ở phương Đông Mộc-Hoa-Lê vẫn kiên trì áp đảo dân

Kim, kỳ chừng họ chịu khuất phục hẳn mới thôi. Truật-Xích cũng hoàn thành được nhiệm vụ của mình: vương tử phát động một cuộc báo thù nguội, thả quân đi lùng khắp rừng sâu núi thẳm tiêu diệt lần lượt từng bộ lạc Miệt-nhi còn trốn lẫn khuất. Trong cuộc tảo thanh, quân Mông-cổ bắt được một vương tử Miệt-nhi con của Tút-Sa-Bét - là một tay xạ tiễn đại tài. Truật-Xích không nhận thưởng để xin phụ vương tha mạng cho người tù binh đặc biệt ấy. Nhưng Thành-Cát-Tư-Hãn không chấp nhận; vốn có kinh nghiệm bản thân, ông cho rằng sự khoan hồng đối với một kẻ cừu thù chỉ tạo ra những cuộc chiến tranh mới. Dân Miệt-nhi là thứ bĩ ổi nhứt trong các giống dân tộc. Thằng con của Tút-Sa bây giờ là một con kiến nhưng với thời gian sẽ trở thành một con rắn độc, một địch thủ lợi hại của đế quốc Mông-cổ. Đã tiêu diệt biết bao là vua chúa và quân đội, thêm một người nữa có nghĩa gì?

Truật-Xích hết sức buồn bực nhưng rất sợ cơn thịnh nộ của phụ vương nên không dám thốt một lời nào nữa. Vương tử Miệt-nhi liền bị lôi ra pháp trường chặt đầu.

Sau đó Truật-Xích tiến sâu vào miền Khâm-sát, trút hết nỗi hân học của mình vào hai bộ lạc Kirghise và Toumate là hai bộ lạc không chịu làm bốn phận phiên thần.

Đế quốc Tây-liêu sụp đổ cùng với sự xuất hiện của đạo binh lạ ở phía Tây sông Irtysh là một biến cố lớn làm cho các xứ Trung-á hết sức quan tâm. Cho tới lúc đó đám cầm quyền chỉ biết lơ mờ về Thành-Cát-Tư-Hãn qua lời tường thuật của bọn thương nhân Hồi

giáo. Theo dân Hồi giáo thì ông là một nhà vua chuộng trật tự, ưu đãi thương nhân, thường giúp cho họ phát đạt thêm. Họ cho biết tin đại hãn đã chiếm nước Kim, một nước thật xa xôi ở phương Đông...

Lúc đó thế giới Hồi giáo đang ở dưới thế lực của một nhà đại chinh phục là Ala-Ed-Din Mohammed, quốc vương xứ Kharesm. Tổ phụ của Mohammed vốn là một tên nô lệ Thổ, được quốc vương xứ Seljuk phong cho làm phó vương một tỉnh ở hạ lưu sông Amou Daria. Đến đời Mohammed thì ông thừa hưởng của thân phụ một lãnh địa độc lập từ bờ Caspienne cho tới miền Boukhara, và từ biển Aral cho tới miền cao nguyên Ba-tư. Ông cử binh đi chinh phục liên miên nói rộng bờ cõi ra khắp bốn phía: vượt qua sông Syr Daria, lên mạn Bắc chiếm một phần miền thảo nguyên Kurghise, phía Đông chiếm lãnh thổ Transoxianne bao gồm vùng Samarkande và đồng Đại-uyển (Fergana), phía Nam thì khuất phục tất cả những bộ lạc sơn cước ở A-phú hãn và bành trướng thế lực qua phía Tây thuộc đất Irak persan (persian?). Ông được suy tôn là “Cái bóng của Allah trên mặt đất”, là Alexandre thứ nhì, là Đại đế, là tay Bách chiến bách thắng.

Nuôi cái mộng cai trị trọn vẹn thế giới Hồi giáo, nên Mohammed xin giáo chủ ở Bagdad nhìn nhận ông là quốc vương, đặt dưới sự che chở của giáo chủ.

Vị giáo chủ ở Bagdad, tuy phần đời thế lực chỉ trong phạm vi miền Mésopotamie, nhưng ở phần đạo, ông là người lãnh đạo tối cao tất cả dân Hồi giáo, có một ảnh hưởng mạnh mẽ ở những nơi nào mà

dân chúng sống theo “luật của đấng Tiên tri”.

Giáo chủ Nasir từ chối việc nhìn nhận Mohammed, cấm tín đồ không được nhắc tên của ông trong các buổi lễ công cộng, lại giúp cho các hoàng thân Hồi giáo còn độc lập liên kết lại chống ông. Bức thư từ chối của giáo chủ đến tay ông trong lúc ông đang chinh phạt xứ A-phú-hãn. Biết rõ âm mưu của giáo chủ, ông liền triệu tập một hội nghị Hồi giáo truất phế Nasir và cử lên một giáo chủ khác chống lại. Bây giờ có danh nghĩa, lật đổ Nasir không còn sợ phạm đến uy quyền thiêng liêng của giáo hội nữa.

Ngay lúc đang chuẩn bị cuộc chiến tranh nói trên thì Mohammed được tin cấp báo về vị hoàng đế ở phương Đông bên kia xứ Tây-liêu. Ông hoàn toàn không hiểu biết gì hết về xứ Mông-cổ, chỉ nghe nói có những cuộc chinh phạt lớn lao, cuộc chiến tranh ở cái nước Kim xa xôi nào đó, có kị binh Mông-cổ xuất hiện ở miền Kirghise. Thấy phòng xa là tốt ông liền đình chỉ việc đánh Bagdad, lo tăng cường phòng thủ những thành ở miền Bắc và miền Đông, đồng thời gửi một sứ đoàn qua Mông-cổ...

Thành-Cát-Tư-Hãn trái lại biết rõ thế giới Hồi giáo. Từ lâu rồi hàng ngàn vật dụng đủ loại thuộc sản phẩm của xứ Hồi đã được thông dụng ở xứ du mục: áo giáp sắt bắn không thủng, mũ chiến, mộc bằng thép, mã tấu sắc bén nổi tiếng... và cả những đồ trang sức lộng lẫy của phụ nữ, bình pha lê, thảm đủ màu sắc sỡ mịn như bông, hàng lụa tuyệt đẹp v.v...

Đại hãn nhờ đoàn sứ giả chuyển về quốc vương của họ một đề nghị: “Ta biết rõ quốc vương của các người đang cai trị một đế quốc rộng lớn và hùng mạnh. Ngài là hoàng đế ở Tây-phương cũng như ta là hoàng đế ở Đông-phương, hai bên cần phải giao hảo với nhau. Ranh giới của hai đế quốc đụng nhau ở Khâm-sát nên ta đề nghị để cho bọn thương nhân của hai nước được qua lại tự do”. Thành-Cát-Tur-Hãn cũng gửi một sứ đoàn mang theo nhiều tặng phẩm qua đáp lễ quốc vương: bạc thoi, ngọc quý, vải dệt lông lạc đà, da quý... Và để làm hài lòng quốc vương ông chọn toàn là người Hồi, người Thổ-phồn và một số thương nhân ở Tân-cương, không có người Mông-cổ trong đó. Viên trưởng đoàn là nhà buôn Mahmoud Ieldalch.

Sứ đoàn Mông-cổ được quốc vương tiếp rước quá sức trọng thể khiến cho cả triều đình Kharesm vốn rất kiêu hãnh đều lấy làm ngạc nhiên. Rồi tới những câu hỏi: Quốc vương muốn biết đại hãn cai trị được nhiều dân tộc không; có thực đã chiếm được đế quốc Kim không; và sau cùng là câu hỏi có ẩn ý tìm hiểu coi đại hãn có mưu toan gì đối với Kharesm không. Quốc vương lại có ý cảnh cáo viên trưởng đoàn: “Người là tín đồ Hồi giáo và gốc ở Kharesm, người nên cho ta biết đúng sự thật, không nên giấu giếm điều gì. Người hãn đã biết sức hùng mạnh và sức rộng lớn của đế quốc ta. Quân đội của đại hãn có được như quân đội của ta không?”

Những lời nói trên rõ ràng có hàm ý đe dọa! Quốc vương có ý nhắc cho Mahmoud Ieldalch nhớ rằng ông ta là dân Kharesm, như thế quốc vương nghiễm nhiên là chúa của ông ta. Thế này thì lời đối đáp phải thật khéo léo không thể làm cho quốc vương nổi cơn lôi đình

được. Mà đã là giáo đồ thì khi trở về tường trình với đại hãn cũng không thể giấu dối... Mahmoud nhớ tới bầy tuấn mã nai nịt yên cương cực kỳ sang trọng của quân Hồi với bầy chiến mã của Mông-cổ có vẻ gầy gò, xấu xí nhưng trang bị toàn những thứ cần thiết cho trận mạc... Ông ta đáp:

- Quân đội Mông-cổ làm sao có thể sánh được quân đội của một bậc chúa tể thế giới như ngài! Về rục rở của hai bên khác nhau như ngọn đèn dầu leo lét bên cạnh vầng thái dương chiếu sáng cả thế gian. Họ như mặt một con quái vật cạnh dung mạo của một vương gia Thổ-nhĩ-kỳ. Và binh tướng của ngài quả đông gấp vạn lần quân Mông-cổ.

Nghe xong, Mohammed hớn hờ mặt rồng. Thế là việc giao thương được cam kết theo đúng lập trường của hai nước. Bây giờ quốc vương mới yên tâm hội binh lại trẩy về phía Tây để thanh toán giáo chủ Nasir.

Tin Mohammed sắp tấn công báo về Bagdad cùng lúc với tin một đế quốc mới dựng lên ở phía đông A-phú-hãn. Giáo chủ liền cho dò hỏi giới Cảnh giáo - vì bấy giờ tôn giáo này rất thịnh ở Á-đông - mới biết rằng “vị hoàng đế ở Đông-phương là một tín đồ Thiên-chúa giáo và là kẻ thù địch của Mohammed”.

Tin này sai lạc hoàn toàn do một sự ngộ nhận buồn cười.

Lúc Gia-Luật-Đại-Thạch gây dựng đế quốc, thế lực của ông lan rộng từ Ai-cập đến Pamir. Lúc ấy Thập tự quân đang đánh với quân Damas, nghe nói nhận định rằng gây hấn với Hồi giáo chắc phải là một vị hoàng đế Thiên-Chúa giáo. Việc ấy rất ăn khớp với tin ở

phương Đông có một xứ lạ là xứ Ấn-độ; thế là theo tưởng tượng, người ta gán cho Gia-Luật-Đại-Thạch là “hoàng đế Ấn-độ theo Thiên-Chúa giáo” rồi đặt cho cái tên thánh “giáo sĩ Jean”.

Rồi thấy quân Seljoucide đã chiến thắng kị binh tinh nhuệ nhất của Thiên-Chúa giáo mà trở lại bị “đạo quân của Đông-phương” kia tiêu diệt, người ta lại đồn ầm lên quân ấy là quân của giáo sĩ Jean, một nhà vua mạnh vô song, có người còn gọi là Đại đế!

Chuyện trên được truyền tụng có gần một thế kỷ rồi.

Bây giờ đế quốc Seljoucide đã sụp đổ, Mohammed dựng lên đế quốc Kharesm, cử binh đánh với Tây-liêu. Lúc Gút-Sơ-Lúc vô Cảnh giáo, ngược đãi giáo đồ đạo Hồi, người ta càng tin chắc rằng cái đế quốc hùng mạnh ở Đông-phương là đế quốc theo Thiên-Chúa giáo, và hoàng đế của họ chính là con cháu của giáo sĩ Jean.

Vì hiểu lầm như thế, nên giáo chủ đạo Hồi - trong thế nguy - đành phải cầu cứu với Cảnh giáo chủ ở Bagdad.

Qua nhiều thế kỷ sống chung ở Bagdad, những mối mâu thuẫn, xung đột của hai khối tín đồ đã được san bằng, hai vị lãnh đạo tôn giáo trước sau vẫn thông cảm cho nhau. Cho nên hai nhà lãnh đạo liền cùng thảo chung một bức thư gửi cho “hoàng đế Đông-phương” yêu cầu “hề quốc vương Mohammed tấn công Bagdad. Hoàng đế hãy xua quân đánh Kharesm; chắc chắn sẽ đại thắng và thu hoạch được nhiều chiến lợi phẩm...”.

Nhưng có một vấn đề khó khăn đặt ra: làm thế nào để gửi bức thư tới hoàng đế? Chỉ có một đường độc đạo qua phương Đông mà phải đi ngang lãnh thổ Kharesm, nếu sứ giả bị bắt, mật thư sẽ lọt vào tay quốc vương Mohammed. Sau cùng họ phải cạo tóc sứ giả, xăm ủy nhiệm thư bằng chữ xanh lên da đầu của hắn, rồi bắt hắn học thuộc lòng mật thư và chờ đến lúc tóc mọc lại như cũ hắn mới được khởi hành.

Nhưng sứ giả chưa đi tới thành Boukhara (ở Kharesm) thì cuộc chiến đã thay đổi: Mohammed đã triệu quân đi đánh Bagdad, Triết-Biệt đã đuổi “hoàng đế phương Đông” tức Gút-Sơ-Lúc chạy vào vùng núi Pamir.

Ở Samarkande viên sứ giả được các đoàn buôn từ Khâm sát xuống cho biết hoàng đế phương Đông là đại hãn Mông-cổ...

Ít hôm sau, bọn mã khoái từ Khâm-sát về cấp báo với Thành-Cát-Tur-Hãn: “Ở miền Kirghise có một người quần áo tả tơi tự xưng là sứ giả của giáo chủ ở Bagdad muốn xin bệ kiến đại hãn”.

Đại hãn đã có nghe bọn thương nhân Hồi giáo nói về thành Bagdad, một kinh thành đầy những kỳ quan ở nơi nào đó về phương Tây, ít có ai đi tới nơi vì chỗ ấy là chỗ tận cùng của thế giới. Đó là nơi Hồi giáo chủ đang ngự trị. Ngài là hậu duệ của Đấng tiên tri và là người lãnh đạo tối cao của tín đồ đạo Hồi”.

Mã khoái được lệnh phải hỏa tốc đưa viên sứ giả tới viên môn ở bên sông Onon.

Nhờ việc này mà lần đầu tiên mắt của Thành-Cát-Tư-Hãn mở rộng ra khỏi Trung-á. Ông mới biết Mohammed không phải là chúa tể ở phương Tây. Bên kia đế quốc của ông ta còn nhiều nước khác theo Thiên-Chúa giáo... thế giới chưa tận cùng.

Như thế ở phương Tây thế giới còn bao la vô tận và đâu cũng vậy, cũng xảy ra những cảnh tượng vua chúa gây hấn đánh nhau, chưa đâu có một vị chúa tể làm bá chủ thiên hạ.

Riêng việc xung đột giữa Hồi giáo chủ và Mohammed, đại hãn không muốn nhúng tay vào. Theo mật thư ông cũng thấy Mohammed là một nhà vua bất công và tàn bạo, cho cướp bóc, đốt phá tài sản của tín đồ bất kể là tín đồ Hồi giáo hay Thiên-Chúa giáo. Nhưng việc giao thương với xứ Kharesm quả có lợi lớn lao, lâu nay các thương đoàn đi về rầm rập, đời sống của dân chúng có vẻ thịnh vượng hơn. Còn đối với hai vị giáo chủ thì ông chưa có chút thiện cảm nào. Tại sao có việc quái lạ như thế, hai nhà lãnh đạo tôn giáo lại gởi sứ giả tới xúi ông gây chiến với một nhà vua? Kẻ tu hành thì phải lo cầu nguyện chứ sao lại lo gây giặc với vua chúa? Và nếu Trời không giúp cho Mohammed thì sao lại phải giúp cho kẻ địch của ông ta?...

Thế rồi viên sứ giả nhận được phúc đáp giống y như sứ giả Tống trước kia: “Ta không muốn gây chiến với họ”.

Về sau khi tất cả những nước ở Trung-á bị Thành-Cát-Tư-Hãn dày xéo và dân Hồi giáo thấy được họa diệt vong, không ai quên được chuyện nói trên. Các sử gia Ả-rập nhận xét như sau: “Nếu những điều người Ba-tư nói là đúng sự thật và giáo chủ Nasir quả có kêu gọi quân Mông-cổ đến xứ này thì đó là một tội ác tày trời không có tội nào lớn hơn nữa!”.

Tuy nhiên cũng nhờ lần tiếp xúc ấy mà giáo khu của đạo Hồi - thành Bagdad - còn giữ được nền tự trị luôn 40 năm nữa. Qua lời tường thuật của sứ giả, người Mông-cổ cũng ngán thế lực của giáo chủ, cho nên bọn tướng lĩnh của Thành-Cát-Tur-Hãn khi chinh phục được Trung-á rồi liền xoay lên hướng Bắc chiếm miền thảo nguyên của Nga. Cho đến khi Nga, Ba-lan, Hung-gia-lợi đều bị đè bẹp và các nước ở Tiểu-á bị thôn tính, Hồ-Lô-Hổ, cháu nội của Thành-Cát-Tur-Hãn, mới xua quân chiếm Bagdad (1258).

Cuộc thủy quân tới Bagdad để lật đổ giáo chủ, ban đầu có vẻ thuận lợi. Dọc đường Mohammed diệt được những lực lượng của đám tiểu vương còn hùng cứ đây đó, và đi sâu vào miền Tây xứ Ba-tư. Chỉ còn phải vượt qua một vùng núi ngăn cách đồng Mésopotamie thì bất ngờ quân Kharesm gặp phải một mùa đông lạnh khốc liệt chưa từng thấy. Băng tuyết bao trùm hết núi non không thể nào leo qua được mà họ lại không sẵn những phương tiện ngựa hàn. Binh sĩ không chịu nổi sức giá buốt, súc vật đều chết đói. Lúc ấy đang ở nửa đường Hamadan - Bagdad, họ đành phải quay trở về. Việc thối binh này chỉ có tính cách tạm hoãn lại cuộc chinh phạt...

Bỗng có tin từ miền đông cấp báo về: Gút-Sơ-Lúc - chúa Tây-liêu đã bị Triết-Biệt hạ sát. Bây giờ đế quốc của Thành-Cát-Tur-Hãn đã tiếp giáp với đế quốc của quốc vương ở biên thùý phía Bắc và phía Đông. Mohammed liền đem hết lực lượng án ngữ dọc theo hai con sông Amou-Daria và Syr-Daira, nghĩ rằng phòng thủ như thế sẽ giữ vững được giang sơn.

Nhưng tới đây nhà chép sử Ba-tư đã luận như sau: “Khi ngôi sao chiếu mệnh đã mờ rồi thì đại họa sẽ tới. Có mưu sự bao nhiêu cũng chỉ gặp kết quả ngược lại mà thôi; và dù ai có tài trí phi thường, mưu cơ xuất chúng cũng không cứu nổi Mohammed nữa. Cơ đồ của ông sẽ tan đi như mây khói do Định mệnh khắt khe mở ra. Trước đây nếu thần Thành công đã phi ngựa trước mắt ông, nếu sao hạnh phúc đã chiếu tới ông, cho ông thực hiện được nhiều ước vọng dễ dàng thì nay chắc chắn những tai họa lớn lao nhất sẽ bao phủ lên cuộc đời của ông; cuộc thoái binh ra khỏi miền Tây Ba-tư là một khởi đầu...”

Mohammed vừa tới thành Samarkande thì có mã khoái từ Otrar - một tiền đồn quan trọng ở biên thủy phía Bắc - về báo tin:

- Quan thống đốc vừa mới bắt giam một thương đoàn vì có bọn thám tử Mông-cổ trà trộn trong số con buôn Hồi giáo.

Quốc vương liền hạ lệnh:

- Giết sạch chúng nó đi! (1218)

Nhà chép sử Ba-tư viết tiếp: “Ban lệnh trên chẳng khác gì quốc vương đem cái đầu của mình ra để đánh cược. Một giọt máu của người Mông-cổ đổ ra thì thần dân của ông phải trả lại bằng một sông máu; một cái đầu rụng xuống phải trả bằng mấy mươi vạn cái đầu khác và mỗi đồng tiền tịch thu của họ phải trả bằng mấy trăm tạ vàng”.

Viên thống đốc Inaltchik liền chiếu lệnh đoạt tất cả những bảo vật cùng hàng hóa của đoàn buôn rồi sai giết tất cả 150 người gồm có những thương nhân, những người theo phục dịch, những người dẫn

đạo. Chỉ có một tên nô lệ trốn thoát được và tới báo cho một tiền đồn Mông-cổ hay. Tức tốc hắn được đưa về tận viên môn tường thuật mọi sự cho đại hãn rõ.

Thành-Cát-Tur-Hãn không tin rằng một vị quốc vương đã long trọng cam kết để cho thương nhân hai nước qua lại buôn bán tự do mà bây giờ lại đột nhiên phản bội trắng trợn như thế. Đây chắc là viên thống đốc tự động làm mà quốc vương không hay biết.

Ông liền gửi một sứ đoàn qua yết kiến quốc vương yêu cầu phải nạp kẻ sát nhân cho Mông-cổ.

Ala-Ed-Din-Mohammed, “bóng của Allah trên mặt địa cầu” khi nghe sứ giả yêu cầu như thế vẫn ngỡ rằng mình nghe nhầm! Thứ đồ cầu tặc, thứ tù trưởng man rợ mà dám tới chốn cửu trùng nói chuyện luật lệ à? Chúng có biết ta là chúa tể Đại-hồi-quốc, là A-Lịch-Sơn thứ nhì không?

Và đây là cách trả lời.

Quốc vương hạ lệnh đem chém phăng viên trưởng đoàn, còn đám tùy tùng thì cắt trụi hết râu thả về Mông Cổ.

Đối với người Mông Cổ, bị cắt râu tóc là một điều nhục nhã cực điểm; tư cách sứ giả là một thứ thiêng liêng bất khả xâm phạm. Lại cắt râu sứ giả của đại hãn quả là một chuyện kinh trời động đất.

Lúc hay tin Thành Cát Tư Hãn khóc rống lên giữa quần thần:

- Trời sẽ thấu hiểu rằng ta không phải là người muốn gây ra thảm hoạ!

Ông gào to lên:

- Trời sẽ ban cho ta sức lực hùng hậu để ta báo thù phen này!

Tức thì bọn mã khoái "tên bay" phi như mắc cửi khắp bốn phương tám hướng loan truyền lệnh xuất chinh. Từ núi Altai đến biển Hoàng Hải, tất cả người Mông Cổ trong tuổi 17 đến 60 đều phải giã biệt đoàn trại cầm khí giới lên đường; tất cả quân kỵ Khâm sát, tất cả những quân đoàn Thổ phồn, Khiết đan, Tây liêu, và đại đoàn pháo binh Trung quốc... trùng trùng, điệp điệp kéo đi tập hợp, tiếng binh mã chuyển động ầm ầm khắp nẻo núi sông.

Chỉ có vua Tây hạ từ chối không gởi binh đến. Nhà vua nói với sứ giả: "Tới bây giờ Thành Cát Tư Hãn cũng chưa chấm dứt việc đàn áp các dân tộc hay sao? Nếu quân đội của ông ta không đủ sức để làm chuyện ấy thì tốt hơn là đừng làm!"

Đã trốn tránh bốn phận của một phiên thần mà còn dõ giọng khinh mạn như thế khiến Thành Cát Tư Hãn không đành được nữa, quát ầm lên:

- Ta sẽ xua quân làm cỏ bọn Tây hạ!

Ông trợn tròn đôi mắt, khí giận xung thiên:

- Ta quyết san bằng xứ ấy và giết cho sạch bọn cẩu trệ đó!

Nhưng sức nhớ món nợ máu ở Kharesm cần phải thanh toán trước tất cả, đại hãn dõ giọng tiếp:

- Ta đã quyết định rồi thì không bỏ qua. Sau này sẽ hay...

Đánh máy: pekhinkhin, aster1412, cunhoi, canary, nayami, hara,
chamandeur, caufale , trieuvyphuong, vuhungvnh ,
Nguồn: HuyTran / VNthuquan - Thư viện Online
TRÍ ĐĂNG xuất bản SAIGON - VIỆT NAM 1970
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 17 tháng 7 năm 2009